

LÊ THANH

CUỘC PHÒNG VÂN CÁC NHÀ VĂN

TRẦN TRỌNG KIM, NGUYỄN VĂN TỔ,
NGUYỄN ĐÔN PHỤC, NGÔ VĂN TRIỆN,
HOÀNG NGỌC PHÁCH, VŨ ĐÌNH LONG,
TÚ MỸ, ĐÀO DUY ANH

NHA XUẤT BẢN
ĐOI MƠI - HANOI

Từ nhà kho Quán Ven Đường

CUỘC PHÒNG VÂN CÁC NHÀ VĂN

Permis d'imprimer n° 369
du 16-6-43 délivré par le
Secrétariat de l'I.F.F. du Tonkin

LÊ - THANH

CUỘC PHÒNG-VẤN

CÁC NHÀ VĂN

Ô.Ô. Trần-trọng-Kim, Nguyễn-văn-Tổ,
Nguyễn-đôn-Phục, Ngô-văn-Triện. Hoàng-
ngọc - Phách, Vũ - đình - Long, Tú - Mỡ,
Đào - duy - Anh

NHA XUẤT-BAN
ĐOÀI MỚI - HÀ NỘI

Ông Lê-thần TRẦN-TRỌNG-KIM

Hanoi le 27 août 1942

Ông Lê Thuân

Cô xin trả ông ba² sao
ông đã gửi cho tôi aem.

Cô có thêm vào một vài
chô cho đúng số thực. . .

.....

Bãi ông làm đã kỹ lắm và
khéo lắm. Cảm ơn ông.

Trần Trọng Kim

BẮT đầu làm công việc « đi thăm » các văn-nhân và thi-nhân ngày nay để nhặt một ít tài liệu cho cuốn sử văn-học Việt-nam hiện-đại, chúng tôi nghĩ ngay đến Lê-thần tiên-sinh. Như vậy là vì tiên-sinh có cái địa-vị có một không hai trong văn-giới cũng như trong học-giới ta. Sự nghiệp của tiên-sinh với những bộ-sách « Nho-giáo » : « Việt-nam sử-lược », « Việt-nam văn-phạm »... đã làm vẻ-vang cho nền học thuật nước nhà.

Tiên-sinh đã có tuổi, tóc đã bạc. Nhưng trong cặp mắt sáng, cả đến trong những nét nhăn chạy dài trên trán, tiềm-tàng bao nhiêu nghị-lực, tỏ cho ta biết rằng tiên-sinh còn có thể làm cho văn-học ta được nhiều việc lắm.

Ngồi trước tiên-sinh, nghĩ đến những công-việc của tiên-sinh đã làm và sắp làm, chúng tôi có cảm-tưởng như được một bức tiền bối khuyến-khích, một bức đã có tuổi, gần đến lúc được nghỉ-ngơi hưởng thụ thanh nhàn, mà còn găng làm những công việc nặng-nề nhất trong sự trùng-tu cái lâu-đài văn-hóa Việt-nam đang đồ nát.

Vào chuyện, tiên-sinh cho biết rằng ch còn non nửa tháng nữa thì tiên-sinh sẽ được về nghỉ hưu-trí.

— *Thật là một tin mừng cho làng văn ta, vì rồi đây tiên-sinh sẽ có nhiều thì giờ để làm việc cho văn-chương.*

Tiên-sinh khiêm-tốn :

— Chưa chắc sẽ làm được gì nhiều, vả lại kể làm thì lúc nào cũng làm được, không cứ chờ đến lúc hồi-hưu, ngay bây giờ chúng tôi, mỗi tuần-lễ vẫn hai buổi tối với cái xe nhà cở, lóc-cóc đi họp cùng mấy ông nữa làm lại quyền Việt-nam từ-diễn...

— *Như chúng tôi đã ngỏ trong thư, chúng tôi lại hầu chuyện đề tiên-sinh cho biết...*

Không chờ cho chúng tôi nói hết câu, tiên-sinh đã nhận rõ ý, và bằng một giọng trong trẻo, luôn luôn thay đổi theo những tình cảm trong câu truyện, tiên-sinh cho nghe

về thân-thể và sự-nghiệp của tiên-sinh.

Tiên-sinh nói bằng tiếng Nam không xen tiếng Pháp như phần đông người bấy giờ. Khi gặp một ý - tưởng khó giải bằng tiếng Nam, mà giải bằng tiếng Pháp dễ hiểu hơn, tiên-sinh dùng toàn câu bằng tiếng Pháp cho đến khi hết cái ý-tưởng ấy mới thôi.

Cũng như Nguyễn-Du, Nguyễn-công-Trứ, tiên-sinh là người của Lam-giang, Hồng-lĩnh ; sinh tại làng Kiều-lĩnh, xã Đan-phổ, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh, vốn ở một gia-đình có cái cựu-truyền về khoa-cử, nên năm sáu tuổi tiên-sinh đã bắt đầu học chữ nho. Học chưa được bao lâu, thời-thế rối-ren, gặp cơn nguy-biến, gia-đình mỗi người đi một ngả, tiên-sinh lúc bấy giờ mới ngoài mười tuổi, một mình lên đường ra Bắc. Sau hai năm học chữ Tây ở trường Pháp-Việt Nam-định (1897-1899)..., tiên-sinh đã đủ sức để vào trường Thông-ngôn, năm 1903, tốt-nghiệp trường ấy được bổ đi tỉnh lý Ninh-Bình.

Năm 1904-1905, cái phong trào duy-tân, sự xuất-dương của một số người tại mật ở xứ ta, thêm vào đấy những sự chán-nản của cái nghề làm thông-ngôn ở một tỉnh nhỏ, đã

xui giục tiên-sinh bỏ nghề đi tìm một con đường khác hợp với chí-hướng của mình hơn.

Nhân năm 1906, có cuộc-đấu-xảo Marseille, tiên-sinh cùng bàn với ông Nguyễn-văn-Vĩnh rằng đi học đâu bằng sang học nước Pháp. Tiên-sinh bèn nhận một chân thợ khảm đi hạng tư, nằm trên boong tàu hơn một tháng trời sang Pháp. Ông Vĩnh, sau khi xem-xét được nhiều điều hay về nghề làm báo và nhà in, trở về nước, còn tiên-sinh ở lại vào học một trường tư - thực ở xã Bourg - Saint - Andéal, phủ Ardèche, sau theo ông đốc lên học ở Lyon. Đến năm 1908, nhờ anh em xin được học-bổng làm lưu-học sinh ở trường Thuộc-địa tại Paris, rồi vào học ở trường Tiểu-học sư-phạm (Ecole normale des Instituteurs) ở Melun.

— Trong những tháng đầu, tiên-sinh kể, tôi gặp nhiều sự khó-khăn lắm ; bên ta, ở Nam-định cũng như ở trường Thông-ngôn, tiếng đi học từng hàng năm, nhưng có được học gì mấy, học chữ Pháp thì chỉ tập dịch tập đặt câu, toán-pháp thì bốn phép : cộng trừ, nhân, chia... Khi vào học ở trường bên Pháp, họ nói đến « Chimie » « Physique » mình chẳng hiểu gì cả. Tuy vậy cũng cố mà học. Chúng tôi có học-bổng ở Đông-dương

gửi sang, đến năm 1911, ông toàn-quyền Klobukowski sang nhậm-chức bỏ học bổng ấy, tôi bó buộc phải về nước.

Vì sự đào-tạo, vì chí-hướng, tôi chỉ còn có một con đường để theo : đi dạy học.

Khởi đầu tôi được bổ vào dạy ở trường Bảo-hộ. Sau một năm, tôi thi được vào dạy trường Hậu-bổ. Năm 1919, trường ấy bãi bỏ, nhà nước bổ tôi vào dạy ở trường Sư-phạm. Năm 1921 lại bổ làm thanh-tra các trường tiểu học.

Trong thời kỳ làm thanh-tra, vào khoảng năm 1924 và 1926, tôi được cử vào hội đồng làm sách giáo-khoa. Non hai năm, mấy người chúng tôi làm xong các bộ sách để cho học sinh các lớp sơ-cấp tiểu-học dùng.

Năm 1931, cái ngạch thanh-tra ấy không còn ngạch học quan thành lập, tôi không nhận nhập vào ngạch này, trở lại dạy Trường Sư-phạm thực-hành Hàng Than ; đến năm 1933, tôi đứng giám-đốc các trường tiểu-học con trai Hà-nội cho đến ngày nay.

— *Tiền sinh cho biết sự đào-tạo về quốc-văn ?*

— Khi chúng tôi còn ít tuổi có được học đâu như các học-sinh bây giờ. Thiếu trường, thiếu sách vở, thiếu bạn bè. Phần nhiều là

học lấy cả. Khi tôi còn bé, học được mấy năm chữ nho nhưng không có kết quả mấy, sau này phải tự học ; quốc văn cũng vậy.

Từ trước, và nhất là khi ở bên Pháp, nhận thấy rằng mỗi nước đều có một văn - tự riêng, cái văn-tự ấy tức là cái tinh-thần của nước, mà mình thì từ cổ chí kim, hết thời-đại ấy đến thời-đại khác 'chỉ đi học tiếng người ; chúng tôi mang cái hoài-niệm là gây thế nào cho tiếng nước mình thành « quốc ngữ » chính-thức có giá-trị ngang với tiếng những nước văn-minh.

Khi ông Vĩnh làm tờ Đông-dương tạp-chí, tôi bắt đầu viết văn đăng báo, gặp gì viết nấy, bàn về những vấn-đề xã-hội, văn-học... nhưng viết gì cũng không quên cái mục đích trên : làm việc cho tiếng mẹ đẻ...

Năm 1915, việc dạy quốc văn đã phổ-thông hết các trường thôn-quê ; nhưng có chương trình thì dạy chứ các ông giáo không biết căn cứ vào chỗ nào, lấy bài ở đâu ra giảng cho học trò. Ông Shneider, chủ nhà in và Tạp-chí Đông-Dương bàn với tôi lập một tờ báo chuyên về việc học... tờ *Học-báo* ra đời. Từ buổi đầu, chúng tôi làm việc chăm-chỉ lắm ; tôi đứng đảm nhận việc biên tập, có nhờ mấy anh em giúp sức ; sau mấy

năm thấy công việc có ích và muốn cho tờ báo có tính-cách đặc-biệt. nhà nước lấy lại giao quyền giám-đốc cho nhà Học-chính Bắc-kỳ.

— *Xin tiên-sinh cho biết về bộ Nho-giáo, chủ-ý của tiên-sinh khi viết bộ sách ấy thế nào?*

— Kể từ đầu thế-kỷ, ở nước ta cũng như các nước khác ở Á-đông, có cuộc xung-đột lớn của hai nền văn-hóa cũ mà nền-tảng là Nho-giáo và văn-hóa mới từ ở Âu-châu đưa vào.

Kết-cục của sự xung-đột ấy, văn-hóa của mình sụp đổ tan-tác, rã-rời... Người mình tựa như ngồi trên con thuyền không lái, về đời tinh-thần, không biết bấu-vịn vào đâu.

Như vậy, một phần là do cái sức mạnh của văn-hóa mới, một phần do sự lằm-lạc trong học-vấn của mình. Một người An-nam thuộc vào hạng học-thức là một môn-đồ của nho-giáo. Tứ-thư, Ngũ Kinh thuộc lâu lâu, nhưng thuộc chưa chắc là hiểu, nhất là cái tinh-thần của nho-giáo thì ít người chịu đi sâu vào nó để hiểu biết một cách tinh-tường. Thành ra một nhà nho có khi chỉ nho ở cái áo khoác ngoài. Đến khi thấy một cái áo khoác có cái hình-thể khác,

mới-mẻ hơn, cứ việc cỡi cái cũ của mình để khoác cái áo mới vào, không đo-dự, không nhớ tiếc! Tiếc gì một chiếc áo, khi chiếc áo ấy chỉ có công-dụng mặc cho đủ ấm cái thân trong một thời mà thôi!

— *Tiền-sinh soạn bộ Nho-giáo mục-dịch giúp người mình hiểu cái tinh-thần của Nho-giáo?*

— Tôi vừa phác qua cái tình-cảnh của nho-giáo ở xứ ta cách đây hai ba mươi năm. Tôi đã so-sánh văn-hóa ấy với « một ngôi nhà cổ rất đẹp, lâu ngày không ai sửa-sang để đến nỗi bị cơn gió bão đánh đổ bẹp xuống. Ngày nay dầu có muốn dựng lại cũng không được vì người không có, mà cửa cũng không... »

Song cái nhà cổ ấy tự nó là một cái bảo vật vô giá, không lẽ để nó đổ nát đi mà không tìm cách giữ lấy cái di-tích. Không gì nữa thì ta cũng phải vẽ lấy cái bản đồ người sau biết rằng cái nhà ấy khi xưa đẹp-đẽ là thế mà sau đổ nát là thế.

Việc làm quyền sách nói về Nho giáo tức là làm việc vẽ lấy cái bản đồ của Nho-giáo.

Đáng lẽ là cái việc của những người đã sinh trưởng trong cái không-khí Nho-giáo,

đã tiêm-nhiễm cái không-khí Nho-giáo. Nhưng khốn thay, người đời lãnh-đạm, ai nấy thấy cái học cũ đã đồ thì thôi, không ai lưu ý đến nữa. Vậy chúng tôi vì chút lòng hoài-cổ, không quản sự khó-khăn, không sợ việc to lớn, đem cái sức nhỏ-mọn ra mà làm . . . » (1)

Sau này, nếu nhờ cuốn sách của tôi mà có người biết cái tinh-thần của xã-hội ta khi xưa bởi đâu mà sinh ra, và cái tinh-thần ấy về sau tại sao mà hư hỏng đi, tưởng chúng tôi đã đạt được một phần mục-dịch vậy.

— . . .

— Muốn tiến-hóa một cách chắc-chắn, không phải chỉ cần học lấy những cái mới của người mà còn cần phải biết rõ những cái hay của mình. Biết để mà giữ lấy, thiết-tha mà giữ lấy, dù là trong cảnh-ngộ nào. Những cái hay ấy tức là cái gốc của ta, cái tinh-thần của ta ; không có cái gốc ấy, dân-tộc mình đã là một dân-tộc vong-bản...

Lắm lúc tôi nhìn thấy những điều trước mắt mà lo. Ở xã-hội ta ngày nay có một

(1) Nói trong bài tựa Nho Giáo.

hạng người, nghe nói đến nước mình thì ngáy ngáy như người ngoại-quốc, sử nước mình không biết, tiếng nói nước mình thì chỉ biết qua-loa, đủ dùng trong sự giao-thiệp hàng ngày. Nếu sự đời cứ theo cái chiều ấy và cái đà ấy mà thay đổi thì không hiểu dân-tộc mình sẽ ra sao . . .

— *Quyền Nho-giáo ra đời, dư luận đối với quyền sách ấy thế nào ?*

— Nó ra đời vào buổi đang có sự xung-đột đã nói trên. Bên những người hiểu mục-đích, ủng-hộ nó, có bao nhiêu người công-kích nó. Ngày nay sự đời đã thay-đổi, những việc xảy ra đã giải rõ rằng những cái xưa kia ta coi như cỏ rác không phải là những cái không có giá-trị, thế mà còn có người chưa chịu hiểu, tha nó, còn đuổi theo nó mà công-kích . . .

Tôi không đề ý đến lắm. Chỉ hồi ông Phan-Khôi công -kích tôi trên tờ *Phụ-nữ tân-văn*, tôi giả lời, nghĩ rằng Phan tiên-sinh là người xuất-thân ở Khổng-giáo, sự bút-chiến có thể đem lại cho chúng tôi chút ánh-sáng . . . Tiếc rằng chúng tôi đang ở địa-hạt Nho-giáo, Phan tiên-sinh lại chuyển sang địa-hạt khác thành ra cuộc bút chiến không đi đến chỗ tôi mong đợi . . .

Còn nhiều người khác tôi không giả lời. Vì vậy có người cho tôi là kiêu căng. Không phải thế. Phàm trong những cuộc đàm-luận về tư-tưởng, về văn-chương, lời lẽ phải thanh tao, đĩnh đạc, không, các ông ấy đã dùng cái giọng của những bọn người hạ cấp để công-kích tôi; giả lời e không tiện, có khi lại có hại cho mình về phương-diện tinh-thần là khác nữa.

— *Tiên-sinh cho biết về bộ « Việt-nam sử lược » tiên-sinh bắt đầu viết từ năm nào? Chủ ý của tiên-sinh khi viết bộ sách ấy thế nào?*

— Tôi bắt đầu viết từ năm 1916 thì phải. Trước hết tôi viết từng bài một, đoạn nào có đủ tài-liệu trước thì viết trước.

Tại sao tôi lại viết bộ sách ấy?

Nước ta có sử từ đời nhà Trần, đến nay kẻ đã sáu, bảy thế-kỷ, nhưng sử của ta chép theo lối biên-niên của Tàu, ngày nào, năm nào, có việc gì thì ghi lấy mọi cách văn-tả không tìm đến cái gốc ngọn và sự liên-can đến việc.

Nhà làm sử lại là người làm quan, vua sai coi việc chép sử, cho nên việc chép sử không được tự-do, phải chiều nhà vua, chép việc nhà vua ít khi đề ý đến những

chuyện quan-hệ đến sự tiến-hóa của nhân dân trong nước... Thành ra đọc sử thấy, tẻ và không giúp được sự học-vấn mấy.

Sử của ta thì thế, mà người mình thì lại quá lãnh-đạm với nó. Qui lỗi cho dân-tộc mình có lẽ không đúng, vì từ trước đến nay cái học-vấn đã bắt buộc ta phải thuộc sử Tàu hơn là sử của mình. Học để đi thi, để làm thơ phú văn-chương theo những cái điển của Tàu. Trước còn là một sự bó buộc, sau thành một thói quen. Lúc ấy những chuyện nước mình, so sánh với những chuyện nước người, đều không đáng kể.

Thật đáng buồn !

Người trong nước mà không hiểu sự-tích nước mình có khác nào trong gia-đình mình không biết ông cha mình... Không biết thì yêu nước yêu nhà thế nào được...

— Nghĩa là tiên-sinh viết Nam-sử bằng quốc-văn, phổ-thông sử của nước mình, làm cho người mình biết nước để mà yêu nước. Cũng là một cách làm việc cho quốc-gia vậy.

— Đó là mục-đích của chúng tôi.

— Tiên-sinh đã làm việc thế nào ? Đã gặp những sự khó-khăn gì ?

— Viết một bộ sử có ba công việc là tìm tài-liệu, phê-bình và chọn tài-liệu, viết thành bộ sử. Công việc nào cũng khó-khăn cả. Về việc tìm tài-liệu, sách vở ta thiếu nhiều, những quyển có giá-trị, quyển thì mất đi, quyển thì bị đốt... Những di-tích lịch-sử như thành quách, đền chùa cũng vậy, cái còn, cái mất, thậm chí đến phủ chúa Trịnh, tính mới có hơn một trăm năm mà ngày nay không còn tí gì nữa ; thành ra khó quá. Tôi đành chỉ tìm trong những bộ sách bằng Hán-văn hoặc Pháp-văn có trong Trường Bác-cổ Hà-nội. Về việc phê-bình và chọn tài liệu lại càng khó hơn nữa. Đã nói phê phán, so sánh để rõ thực hư và để chọn thì nếu không có thừa, ít nhất cũng phải có đủ tài-liệu để phê phán và so sánh. Đàng này mình thiếu nhiều.

Một lẽ nữa, như đã nói trước, những nhà chép sử của ta là người nhà vua, vì vậy nhiều sự thực bị nhà làm-sử cố ý làm sai lạc để đem về cho triều-đình nhiều sự vẻ-vang hơn. Người ta đã cố ý, mình làm thế nào để tìm ra manh-mối của sự thực.

Tuy vậy, trong số những tài liệu tìm được, tôi cũng phải lựa-chọn cẩn-thận, bỏ những sự huyền-hoặc, không thể có.

Khi viết, tôi cố viết cho rõ ràng, cắt nghĩa từng việc một để ai xem cũng có thể hiểu. Tôi lại có ý nói nhiều về những việc trong nước, những vấn-đề thuộc về chính-trị, xã-hội, văn-hóa để bộ sử khởi có cái tinh-cách một bộ sách ghi chép riêng chuyện nhà vua. Thỉnh thoảng tôi có đem ý riêng ra mà bàn, mục-đích giúp sự suy-xét cho duyệt-giả, hoặc đem sự công bằng về cho một việc nhằm lẫn từ xưa. Như nói về nhà Tây-sơn, tôi cần bàn về cái danh hiệu, phải bỏ hết những tình riêng, lấy công-lý mà xét đoán, đem về cho nhà Tây-sơn cái chính danh kéo phạm vào cái lỗi bất công đối với mấy vị anh-hùng của nước mình, mấy vị anh-hùng có phen đã đánh đuổi được quân Tàu để bảo toàn lấy bờ cõi.

— Năm ngoái tiên-sinh cho xuất-bản quyển « Việt nam văn-phạm » xin tiên-sinh cho biết vài chuyện về quyển ấy.

— Cũng như những quyển « Nho giáo », « Việt nam sử-lược », quyển sách này tôi soạn không ngoài cái mục-đích bảo-tồn lấy những cái thuần túy của mình, những cái nó hợp lại thành cái tinh-thần của dân-tộc mình...

Hội Khai-trí tiến-đức, nói về khi mới thành lập, nghĩa là vào giữa hồi Âu-chiến trước,

có một mục-đích nhất định. Chiến tranh hết, cái mục đích ấy không còn nữa. Chẳng lẽ có cái hội ấy mà lại chẳng làm gì. Chúng tôi nghĩ lập thành một ban làm việc cho văn-học nước nhà. Buổi đầu, trong ban chỉ có những người chọn trong số các hội-viên. Sau chúng tôi xin đem vào cả những người không có chân trong hội, nhưng có thể là những người giúp việc rất đặc-lực cho ban chúng tôi.

Chúng tôi dự định soạn mấy cuốn từ-điển: « *Việt-nam từ điển* », « *Hán-việt từ điển* » « *Pháp-việt từ điển* »... và một cuốn *Việt-nam văn phạm*. Chúng tôi còn lập ra một tiểu ban khảo-cứu văn cổ, đem những chuyện bằng nôm cũ hiệu-chính lại, giải-thích các điển-tích, xong rồi chúng tôi sẽ theo từng thời đại mà nhặt những văn thơ cổ làm thành một tập sách để giữ lấy nền văn-chương cổ của ta.

Về cuốn *Việt-nam từ điển*, chúng tôi đã làm xong, bây giờ đương sửa lại cho thêm phần chu đáo. Chúng tôi đã làm công việc ấy trong 20 năm.

Ông còn lạ gì tính người mình, lúc khởi đầu làm một công việc gì thì nhiều người sốt-sắng lắm, sau cùng mỗi người một ngã,

có khi sau không còn một ai để gánh vác lấy công việc ấy nữa !

Khi đã có bộ từ-điển, tức như cái sổ kê những tiếng mình có và công dụng của từng tiếng, chúng tôi nghĩ đến làm cuốn văn-phạm tức như bộ luật qui-định cách thức dùng những tiếng ấy.

Cuốn *Việt-nam văn-phạm* trước định giao cho một tiểu ban soạn, sau có nhiều sự khó khăn, chúng tôi đành đảm nhận một mình. Mỗi khi soạn xong một bản sơ-cảo, chúng tôi đưa cho các ông Bùi-Kỷ, Phạm duy-Khiêm xem lại và trình ban văn-học duyệt-y.

— *Xin tiên-sinh cho biết ý kiến của tiên-sinh về mấy cuốn văn-phạm ta đã có từ trước ?*

Hình như những nhà làm văn-phạm trước câu nệ về cách làm văn-phạm của Pháp quá. Mỗi thứ tiếng có một tính-thần riêng chứ. Tôi nói đây tức là nói đến phương-pháp soạn cuốn văn-phạm của tôi.

Tôi đề ý đến quan-điểm này nhất :

Tôi không theo cách chia tiếng thành loại như của Tàu. Chia như vậy đơn sơ quá. Tôi theo phương-pháp Âu-tây, phương pháp có khoa-học hơn. Các ngài nhận cho rằng, chúng tôi chỉ theo cái phương-pháp mà thôi.

Tôi không làm cái công việc lấy những mẹo-luật của văn tây đặt trước mình, rồi tìm xem trong tiếng mình có tiếng nào hợp với luật ấy là bắt theo.

Tôi tìm những tiếng đồng loại có phạm sự giống nhau, đặt vào một loại; xong tôi tìm những luật nó ràng buộc những tiếng ấy.

Làm như vậy mới tránh được những sự « ép » có thể làm mất cả cái bản tính của tiếng nước mình.

Quan-hệ nhất là việc tìm những thí-dụ trong văn kim và cổ. Một người soạn văn-phạm phải tìm luật ở trong những tiếng đã có và người ta đang dùng.

— *Tiên-sinh có ý cho cuốn văn-phạm của tiên-sinh một đặc-sắc Việt-nam và giữ cho tiếng-Việt nam cái tinh-thần hoàn-toàn của nó ?*

— Đó là một điều cần phải thận trọng hết sức. Lúc nào tôi cũng muốn tiếng nước mình giữ được tinh-thần của tiếng nước mình.

Có người nói : « chúng ta sẽ đi câu cá, nếu chủ nhật này anh về chơi nhà tôi » Thật là ngây ngô ! Sao lại không nói : « chủ nhật này anh về chơi nhà tôi, chúng ta sẽ đi câu cá », có hợp với ngữ-diện của ta hơn

không ?

— Nói về nội-dung cuốn Việt-nam văn-phạm, xin tiên-sinh cho biết ý-kiến của tiên-sinh về việc dịch những tiếng *sujet*, *verbe*, *complément* của Pháp ra tiếng ta ? Tiên-sinh có thể công-nhận cách dịch như : *nom* — tiếng chỉ tên với ba cái gạch nối liền của Ô. Ô. Lê-Thước và Nguyễn-Hiệt-Chi không ?

— Tôi thiết-tưởng về việc này ta không nên câu-đệ quá. Sao lại không dịch tiếng *nom* là danh-tự. Danh-tự cũng chỉ có nghĩa là tiếng chỉ tên. Mà nghe hai tiếng danh-tự vừa đẹp vừa gọn. Sao khi tôi sinh ra không được đặt tên là Vàng mà lại đặt là Kim, sao người ta không gọi ông là Trong, lại gọi là Thanh ? Chỉ vì người mình cho là đặt tên tự đẹp hơn, và đã quen như thế rồi.

Đây là cả một vấn-đề : vấn-đề dùng chữ nho trong tiếng ta. Có người bảo nên bỏ chữ nho trong tiếng ta để giữ cho tiếng ta cái nguyên tính của nó. Tôi cho là không được. Tôi còn nhớ một lần trong hội K. T. T. Đ. một vị đường quan cũng đề-nghị như vậy ; tôi hỏi : nếu bây giờ người ta bỏ hai tiếng « Tổng đốc », hai tiếng ta mượn của chữ nho, thì thưa ngài, người ta gọi ngài

lại gì được... ? Có thể nói rằng không có ba câu văn Việt-nam liền, trong ấy không có một chữ nho.

Vấn biết bây giờ ta đọc những tiếng như : *lĩnh-tự, túc-từ* thấy lạ tai và khó nhớ, nhưng rồi sau quen, ta có thể nhớ được dễ như những tiếng *đặc-sắc, bản-tính...* mà thôi.

— *Hiện nay tiên-sinh dự-bị soạn những sách gì ?*

— Khi tôi soạn *Nho giáo*, định sau bộ này sẽ soạn đến bộ *Lão giáo*, từ ngày ấy đến nay vẫn chưa làm xong, tuy vậy tôi đã sưu-tập được đủ tài liệu rồi, bây giờ chỉ việc viết thành sách.

Lão giáo là một triết-học quá cao, lĩnh hội được thật là khó. Cũng như *Nho giáo*, *Lão giáo* mỗi ngày bị người ta làm sai lạc ; cái giá trị, vì thế bị dảm đi đôi chút. Ngày nay thấy lễ bái, người ta không hiểu nguyên-ủy sự lễ bái ấy là thế nào ? không hiểu thì làm thế nào mà tôn sùng được ?

Tôi đã nói với ông vì những lẽ gì tôi soạn bộ *Nho giáo*, tôi có thể nhắc lại đây những lẽ ấy, đối với bộ *Lão giáo*.

Có thể nói rằng ở xứ ta, đi bất cứ ở chỗ nào cũng thấy dấu tích của *Lão giáo* thế mà người ở ngay bên cạnh cũng không

hiền những dấu-tích ấy là gì, hoặc có hiền lại hiền sai lạc đi mất. Ngày nay, người học chữ nho còn nhiều mà cái tình trạng đã như vậy huống hồ mai sau.

Vì vậy, việc « vẽ bản đồ » cái nhà Lão-giáo cũng cần-thiết và khẩn cấp như việc vẽ bản đồ cái nhà Khổng-giáo vậy.

—.....

— Tôi sẽ soạn một bộ *Phật-giáo* nữa. cũng vẫn theo một mục-dịch như trên : làm cho người hiền cái chán-lý của đạo.

Ở ta, nhiều người nói là tín-đồ nhà Phật, nhưng ngoài mấy câu kinh, câu kệ và sự đến chùa lễ bái để cầu phúc, cầu đức ra, hỏi đến Phật, đến Bồ-Tát là thế nào thì không mấy người biết được. Cả đến cách bài trí ở trong chùa thấy có tượng thì gọi là tượng Phật, tượng Thánh mà thôi, chứ không biết đích-xác là ngôi tượng nào thờ vị nào, và bày ra như thế là có ý nghĩa gì ?

Chưa nói gì đến những điều cao siêu của đạo.

Trước khi soạn bộ *Phật-giáo*, trong ấy tôi bày tỏ cả về lý-thuyết và lịch-sử, tôi đã soạn quyển *Phật-lục* nói sơ-lược về những điều cốt-yếu của đạo Phật.

Sách đã xuất-bản được vài năm nay. Nó

chỉ có một mục-dịch thiên-cận, một giá-trị phổ-thông mà thôi.

Trong mấy năm gần đây, tôi đề ý vào việc soạn quyển « *Vũ-trụ đại-quan* ». Nay cũng đã gần xong... Về thiên-văn-học, tôi đã đọc sách, khi hiểu biết được ít nhiều. Ban đêm tôi hay ra sân ngồi nhìn những vì sao trên trời, vừa nhìn vừa nghĩ, thấy những điều mình biết cũng hay, thiên-văn-học của mình cũng tinh-vi lắm. Tôi nghiên cứu thêm, biết nhiều điều lạ. Thì ra môn học này của mình, hay nói cho đúng, môn học này của Đông-phương, chẳng kém gì môn học của Tây-phương, vào khoảng hai ba trăm năm về trước. Chưa nghiên-cứu tường tận, ta tưởng môn học của ta vu-vơ, sự thực cũng khoa-học lắm, Người ta lấy cái lẽ « trời đất », mình lấy cái lẽ « âm dương » làm nền tảng cho sự học, hay nhất là ở chỗ âm dương, thuộc về trừu-tượng mà ta đã hình-tượng ra được...

— Theo tiên-sinh thì văn-học của ta có tiến không ? Ý của tiên-sinh đối với văn-học ngày nay thế nào ?

— Có thể nói là tiến, đó là lẽ tự-nhiên, xung quanh mình cái gì cũng tiến, văn-học cũng phải theo cái đà ấy mà tiến. Nhưng

muốn cái bước tiến của mình nhanh hơn nữa, cần phải chịu khó, người làm văn đừng tưởng rằng quốc-ngữ viết thế nào cũng được. Cái nghệ-thuật trong văn-chương là phải làm thế nào khi người đọc mình không thấy mình khó nhọc gọt dũa mà sự thực mình đã mất rất nhiều công phu.

Thứ nhất là khi hành-văn cũng như khi tư-tưởng, phải tỏ mình là một người Việt-nam thuần-túy.

Chắc ông cũng như tôi phải nhận rằng ngày nay, một số đông người mình, phần nhiều là các ông nhà báo, viết văn cầu-thả quá, dùng chữ cầu-thả, đặt câu cầu-thả. Hình như các ông ấy có ý muốn bắt chước lối hành văn của người các nước, làm mất hẳn cái tinh-thần Việt-nam đi.

Sao lại thế ?

Tôi tưởng người Việt-nam ta ngày nay, nếu có còn cái gì, thì chỉ kể được cái *hương-hỏa về tinh-thần* của tổ-tiên ta để lại. Cái hương-hỏa ấy tức là cái gốc của ta. Bồn-phận của ta là phải vun đắp thế nào để giữ lấy cái gốc ấy mãi mãi. Được như vậy thì dù có ở vào cảnh-ngộ nào, ta cũng không lo một ngày kia ta không có một tương-lai.

Đồng-hồ trên tường gỗ, báo cho biết

chúng tôi ngồi đã lâu. Chúng tôi cáo từ. Tiên-sinh đứng dậy vừa tiễn chúng tôi ra cửa, vừa tóm-tắt cho chúng tôi những ý chính của tiên-sinh. Tiên-sinh không quên nhắc lại đề khuyến-khích chúng tôi trong việc gây cái « nền gốc » cho dân tộc mình.

Tiên-sinh ân cần: «Cứ gây lấy cái «gốc» ấy đã. Biết đâu sau này chúng ta lại không được hái những bông hoa rất đẹp. Nếu chúng ta không được hưởng cái đẹp ấy, thì đã có con cháu chúng ta. Công việc của chúng ta chỉ có thế, và cũng chỉ còn có thế ».

Ông NGUYỄN VĂN TỔ

Tôi nhớ ngày trước
tôi đến học thầy đồ. Thầy
kiêm- thông cả Pháp-văn.
Một hôm tôi hỏi: «Thưa
thầy, học cái gì khô?»
Thầy dạy rằng: «Học cách
làm người, học để giúp
ích cho nhà, cho nước, cho
đồng-bào, học bao giờ biết
được những việc gì là hay,
là phải...» Ngẫm ra lời
dạy ấy đời nào cũng hợp

Nguyễn Văn Tố

NĂM 1936, sang du-lịch xứ Lào, chuyển thuyền từ Savannakhet lên Vientiane, có một người Pháp làm giáo-sư ở Hà-nội cùng đi du lịch như tôi. Nhân nói đến việc ông Nguyễn-văn-Vĩnh mất ở Tchépone, vị giáo sư ấy nói với tôi : « Xứ Bắc-Kỳ có *ba người thông-minh* (1) đáng chú ý : Ông Phạm-Quỳnh, ông Nguyễn văn-Vĩnh và ông Nguyễn văn-Tổ. Tôi đã đọc văn của ba ông — cả Pháp-văn và quốc-văn — trong nhiều tờ báo. Nếu người ta bắt tôi phê-bình ba người, chắc tôi phải kết-luận bài phê-bình của tôi rằng : Tôi cảm phục ông Quỳnh, tôi thương ông Vĩnh và yêu ông

1) Trols Intelligences

Tổ ». Ông giảng-giải : « ... Ông Nguyễn văn-Tổ có những đức-tính hoàn toàn Việt-Nam, tựa hồ như một người dân bà Việt-Nam xưa, vừa có duyên vừa đức-hạnh, ở một vùng quê xa, chưa biết cái văn-minh mới là gì ».

Từ đấy, mỗi khi nghĩ đến Nguyễn tiên-sinh, tôi lại nhớ đến những lời phê-bình của vị giáo-sư người Pháp ấy. Tôi tưởng tượng tiên-sinh là một người không ưa những sự xã-giao « rầm rộ », chỉ chuộng sự yên tĩnh, làm thế nào học được nhiều là hơn. Vì nghĩ thế nên tuy tiên-sinh vẫn giúp một cách đều việc biên tập tờ *Tri-Tân* là tạp-chí mà tôi cũng giúp bài, tôi vẫn do-dự mãi, không dám ngổ ý đến chơi nói chuyện với tiên-sinh.

Nhưng hôm nay thì tôi không còn do-dự nữa. Vì nghĩ sau này, nếu ai biên-tập cuốn sử văn-học Việt-Nam hiện-đại, trong mục những nhà học giả, không thể nào không đề vài trang nói về tiên-sinh. . .

Tiên-sinh tiếp chúng tôi ngay trong buồng giấy của tiên-sinh tại trường Bác-cổ Viễn-đông phố Carreau. Việc đó không làm chúng tôi ngạc-nhiên chút nào. Chúng tôi đã biết trước rằng thi-giờ của tiên-sinh xếp đặt

chu-đáo lắm. Ngoài những giờ làm việc của sở, và ở nhà nghỉ-ngơi, tiên-sinh ở lại buồng giấy làm việc cho đến chín, mười giờ tối mới về. Vì vậy, ai có việc gì, việc khảo cổ, việc các hội học, đều lại hỏi tiên-sinh ở đấy cả.

Một căn phòng không được rộng rãi lắm, nhìn chỗ nào cũng thấy những sách vở, giấy má xếp thành tập một. Đằng sau chỗ tiên-sinh ngồi, trên tường treo một cái ảnh thành Hà-nội chụp trên tàu bay đã hơn hai mươi năm nay, một bảng những triều đại bên Tàu từ thái cổ đến cận kim đối chiếu với Tây lịch.

Tiên-sinh tuy đã năm mươi ba tuổi, nhưng còn trẻ và khỏe mạnh, nói chuyện rất rõ ràng, vui vẻ, tự nhiên, chẳng khác nào những lúc tiên-sinh đứng trên diễn đài nói chuyện hoặc giới-thiệu một diễn giả vậy.

—

— Tôi sinh ở Hà-nội, ngày 5 Juin 1889. Theo tuổi ta thì kém một năm, tức là năm 1890. Vốn là con nhà nho, nên vỡ lòng với con một người trong họ hồi ấy ngồi án-sát Bắc-giang; đến năm lên chín về Hà-nội học chữ Tây, rồi thì được học bổng vào trường Thông - ngôn phổ Bờ-sông. Ở

đấy, toàn là người Pháp dạy học, chỉ trừ có cụ giáo chữ nho và cụ giáo dạy dịch chữ Pháp ra tiếng ta là người Nam. Học bấy giờ không cốt ở bề rộng như bây giờ, chỉ học tính, địa-dư, sử-ký — địa-dư, sử-ký của nước nhà — và thứ nhất là Pháp-văn, nghĩa là học thế nào để có thể chóng đi làm thông-ngôn cho người Pháp được. Cụ giáo Trần hữu-Đức dạy dịch chữ Tây ra chữ quốc-ngữ có những phương-pháp dạy đặc-biệt. Cụ không ưa cái lối dịch theo cú pháp của văn Tây. Thí-dụ như : « người học trò này bị đánh bởi người bạn ». Cụ cho dịch thế, mất cả tính-thần tiếng ta. Tôi lấy làm tâm-phục lắm.

Năm 1905, tôi đỗ bằng thành chung, hồi bấy giờ gọi là « *diplôme de fin d'études complémentaires* ».

Đỗ xong, được ông Chánh trường Bắc-cổ đến tận trường Thông-ngôn chọn ra làm. Nhưng khi làm giấy má, sở Tài-chính bảo cái bằng « *diplôme* » không có giá trị, phải thi thông-ngôn tòa sứ mới được bổ. Tôi thi đỗ đầu. Độ ấy, thi có cả bài chữ nho nữa.

Sau tôi học luật ở tòa án Hà-nội, đỗ được bằng « *brevet de capacité en droit* ».

Tôi vào trường Bác-cổ làm năm 1905. Lúc ấy trường chỉ có ông Chánh với một người Tây làm kế-toán và hai người ta, một người Nam-kỳ và tôi. Ở đấy sẵn có sách, học được sử-ký các nước Viễn-dông.

— . . .

— Sách vở hồi ấy đã nhiều lắm, nhưng tôi toàn học lấy cả.

— *Tiên-sinh thấy có xu-hướng về sử ngay từ hồi ấy ?*

— Tôi không nhớ có đích thế không... Nhưng phần nhiều, tôi học là để làm việc. Thường ngày, chúng tôi phải vào sổ những sách vở và đồ đồ mới mua. Muốn biết một quyển sách vào loại nào, ít nhất phải biết nội-dụng thế nào ; muốn vào sổ một pho tượng tám tay, ít nhất phải biết tên pho tượng là gì, biết qua-loa tại sao pho tượng ấy lại có tám tay... Cứ thế, vừa làm, vừa học.

— *Rồi sau gặp trường-hợp nào, tiên-sinh bắt đầu viết văn ? Công việc luyện tập quốc-văn của tiên-sinh thế nào ?*

— Tôi không luyện tập gì cả, vì thực ra không phải là văn. Tôi thấy gì chép nấy, chép một cách giản-dị, thế thôi.

Năm 1907, tôi 17 tuổi, ông Chánh Trường Bác-cổ cho đi Dalat và Lang-Bian chép tiếng

mọi Ko-ho, ta thường gọi là « mọi cà-răng cãng-tai ». Hồi ấy, từ Hà nội vào trong ấy chưa được tiện lợi như bây giờ ; chúng tôi đi tàu bè đến Nha-trang, rồi đi xe lửa. Giữa đường, gặp người Tây làm chủ báo « *L'Indochine commerciale* » nhờ viết vài bài. Tôi làm bài « *Voyage d'études en Annam* », ký tên là Nguyễn Tổ, đó là bài báo đầu tiên của tôi.

Sau có báo Tây khác nhờ làm, nhưng không viết đều như hồi 1917 1940.

Từ 1917 đến 1929 làm cho *Courrier d'Haiphong*, phần nhiều ký tên J. R. ; bình phẩm sách mới ký là N. TỐ. Sau gặp ông Lamblot và ông H. de Massiac nhờ viết *L'Avenir du Tonkin*, bắt đầu cũng ký là N. Tổ, hay N.T., hay T.. hay A. T.

— . . .

— Vì tờ báo làm cho Tây xem, nên viết toàn giọng người Pháp, nói cho người Pháp nghe, cái tên cũng vì đó mà thay đổi.

Năm 1914, dịch sách Tây trong *Đông-Dương tạp-chí*, phần văn-chương, cùng làm với hội viên hội Trí-tri Hà-nội.

Báo quốc-vấn, có viết bài hàng ngày cho *Khai-hóa* (1924), *Thực-nghiệp* thì chỉ viết có vài bài, *Đông thanh* cũng vài bài.

— *Viết báo, tiền-sinh thường chuyên về loại gì ?*

— Thường ngày nào cũng viết, nên gặp cái gì có thể làm đầu đề là viết, văn-đề xã-hội, văn-chương...

— *Tiền-sinh cho biết về những sách tiền-sinh đã xuất-bản, những bài nghiên-cứu đăng trong các báo, tạp-chí, và những sách tiền-sinh dự-bị soạn sau này.*

— Tôi không hề ra một quyển sách nào cả. Còn những bài đã đăng có thể in thành sách thì có những bài nói về lịch-sử, mỹ-thuật và văn-chương các xứ Đông-Dương, đăng trong :

L'Echo annamite, năm 1925-1927

La Tribune indochinoise, năm 1928-1931

L'Annam nouveau, từ số đầu

L'Avenir du Tonkin, năm 1930-1941

Pháp-viện báo, suốt mười mấy số

Indochine, một vài bài...

bài nào cũng ký tên Ứng-Học cả.

Tôi không dự-bị soạn một bộ sách nào, tài-liệu có sẵn thì nhiều, vì đã góp nhặt được hơn ba mươi năm nay, để vào trong từng tập một, nhưng chưa tập nào đủ; vả lại tính vốn lười, nên không viết mấy.

Khi ông Đào duy-Anh định ra vài bộ sách *Quốc-học*, ông có nhờ tôi trông nom bộ sử-học và soạn một vài quyển sử. Tôi nhận lời dự-bị soạn một tập về *Lý-Bôn*, nhưng sau gặp nhiều sự khó-khăn, bộ sách ấy không ra được...

Nhà nước có giao cho tôi việc soạn một quyển lịch-sử mỹ-thuật Đông-Dương bằng chữ Pháp, giao cho tôi đã mấy năm nay, nhưng tôi bận quá, chưa có thì-giờ làm xong.

— *Tiên-sinh* chuyên về sử, lại sẵn có tài-liệu, sao tiên-sinh không dự-bị soạn bộ nào cả? Ý tiên-sinh về những bộ sử đã có ra sao?

— Hiện nay, nước ta cho việc làm sách cũng như một « nghề kiếm ăn », cho nên tôi chưa dự định in sách, chỉ viết báo thôi. Và lại, tôi tưởng chưa phải lúc soạn hẳn một bộ sử như bộ Toàn-thư của các cụ ngày xưa. Vì còn nhiều vấn-đề chưa giải-quyết xong, cần phải nghiên-cứu vụn vặt đã, đem những việc nhỏ ra xét lại. Những việc ấy rất nhiều, khi nào tìm được rõ ràng, ta mới nên làm đến việc lớn là soạn bộ sử từ thượng cổ đến cận kim... Tôi thiết nghĩ phải soạn lại từ đầu, dịch hết các bộ sử chữ nho ra quốc-ngữ, như bộ *Đại-Việt sử-ký*, *Khâm-định Việt-sử*, v.v....

Các cụ ngày xưa chép sử có phương-pháp và cẩn-thận lắm, chỉ chép việc, không hề nói đến tình-cảm riêng, thật là hoàn-toàn « khách-quan », cũng như phần đông những nhà làm sử Âu-châu bây giờ.

Có một điều đáng tiếc là ta chép sử của nước ta sau người Tàu thành ra các cụ phải dựa vào sách Tàu, lại không chua rõ ở sách nào, ngày nay ta muốn kiểm-điểm lại thật khó.

Công việc càng khó, ta càng phải nghĩ đến gấp, vì rồi đây năm ba mươi năm, không còn mấy người thông nho thì ai là người đảm nhận những công việc ấy.

— *Tiên-sinh có tin rằng nho học tàn, mình sẽ không có những người đủ sức để đảm nhận những công việc ấy ?*

— Tôi tưởng nho học không thể tàn được, mà chữ nho không thể mất hẳn, vì người mình còn theo thuốc bắc, còn theo đạo Phật, thì Hán-học hãy còn : muốn học kinh, muốn hiểu đạo, phải đọc nho. Song nếu không phòng ngay, thì có lẽ sau này, nước ta sẽ có một hồi như hồi triều Lý. Trần. những người giỏi nho toàn là những nhà tu hành của đạo Phật. . Mà lúc ấy, việc làm sử sẽ khó hơn, vì có thứ sử-liệu mất dần đi, hay « tam sao thất bản ». Bởi vậy, ngay bây giờ,

phải đem dịch sử chữ nho ra chữ quốc-ngữ. Công việc dễ lắm, chỉ cần một nhóm người có tâm huyết, có học lực, ngồi vừa dịch vừa đọc cho một người thư-ký chép. Xong, kiểm cách in để cho người hiếu học dùng sau này. Công việc giản-dị, nhưng không phải một ai làm nổi. Phải một hội học có người và có tiền.

—...

— Ý của tôi về các bộ sử Việt-nam. tôi đã viết trong *Bulletin de la Société d'Enseignement mutuel*, quyển thứ nhất. Không kể những bộ sử bằng chữ nho mà tôi đã có dịp nói đến trước rồi, ngay từ khi người Pháp mới sang, họ đã đề ý đến sử của ta. Nhưng phần nhiều họ chỉ chép qua-loa. Mãi đến năm 1866 ông Le Grand de la Liraye, ông Bouillevaux mới ra những quyển sử Nam có giá-trị, đôi chút. Vì là bước đầu tiên nên những sách ấy có nhiều chỗ lầm lẫn.

Đến năm 1875-1877 ông, Trương Vĩnh-Ký cho xuất-bản hai quyển *Cours d'histoire annamite*. Quyển này khá hơn. Tác-giả là một người thâm nho, đã lấy tài-liệu thẳng ở những bộ sử của ta, lại là người ta, hiểu việc của ta, nên sự phán đoán chắc chắn hơn.

Sau lại có bộ sử của ông Charles B. Maybon (*Histoire moderne du pays d'Annam*), cũng là một tác-phẩm soạn rất công phu, thứ nhất là về sự giao-thiệp của ta với người Tây trong buổi đầu.

— Ý tiên-sinh đối với quyền Việt-Nam sử lược của ông Trần trọng-Kim thế nào ?

— Bộ sử của ông Kim vẫn là bộ có giá-trị nhất. Tác-giả tìm tài liệu thẳng trong sách nhỏ, dàn xếp và chia thời-đại rất khéo ; bỏ cái lối kê dài giòng về những việc riêng của các triều vua, chỉ chép những điều quan trọng đến dân-gian, để ý đến lịch-sử của nước hơn là lịch-sử nhà vua.

— Về sử, phương-pháp làm việc của tiên-sinh như thế nào ?

— Phương-pháp, tôi theo quyền « *Introduction aux études historiques* » của Ch. V. Langlois và Ch. Saignobos, và quyền « *De la méthode dans les sciences* », trong có bài của ông G. Monod về phép làm sử.

Đại-khai nhà làm sử bắt đầu phải tìm tài-liệu cho thật đủ, chọn lọc và phê bình tài-liệu, rồi mới dùng tài-liệu để viết thành sách.

Tài-liệu tìm ở văn thư, ở những di tích còn lại, tìm cho thật hết. Nhưng muốn

tìm được tài-liệu, nhà làm sử phải biết ít nhiều về khoa-học phụ thuộc. Thí-du một người muốn viết về lịch-sử Đông-dương — viết một cách mới-mẻ, chứ không phải viết đề « phổ-thông » — tất phải biết chữ nho, chữ Phạm, chữ Chiêm-thành, chữ Lào, đề có thể đọc sách, đọc bia ; muốn tả xã-hội Việt-Nam, phải biết chút ít về xã-hội học ; muốn hiểu bộ luật Hồng-Đức, phải biết khoa luật học. . .

Khi đã tìm đủ tài-liệu, nhà làm sử phải phê phán xem thứ nào dùng được chắc-chắn, thứ nào phải tạm bỏ ra.

Phê-phán là công việc quan-hệ nhất, cái giá-trị của bài khảo-cứu là ở đấy cả.

Những nhà làm sử Âu Mỹ chia ra nào là phê-phán cái ngoại-diện tài-liệu, phê-phán đề hồi phục nguyên-trạng tài-liệu, phê-phán đề biết cái tài-liệu xuất xứ ở đâu... rồi lại phê-phán cái nội-dụng tài-liệu...

Khi đã phê-phán tài-liệu xong, biết được những việc nhỏ, lúc bấy giờ mới bắt đầu tổng-hợp lại thành những việc lớn... rồi theo đấy mà viết thành sử. Viết đúng như sử-liệu, đừng đề tình-cảm, vì đề tình-cảm vào, sợ có khi thiên.

— *Tiên-sinh có tiếng về lối văn diễn-thuyết,*

xin tiên-sinh cho biết một vài chuyện về những buổi diễn-thuyết của tiên-sinh. Theo ý tiên-sinh, văn diễn-thuyết phải như thế nào?

— Cứ thực ra, tôi chưa diễn-thuyết bao giờ. Chỉ có thỉnh-thoảng, Trường-Bác-cổ cử ra nói chuyện cho người Tây nghe về việc khảo cổ thì tôi ra nói, thế thôi. Còn ở các hội học, mỗi khi có cuộc diễn-thuyết, tôi nói một vài câu, là phận sự phải làm chứ chưa gọi là diễn-thuyết được. Sở dĩ tôi không diễn-thuyết là vì thiết tưởng ra nói cho hàng trăm người nghe, câu chuyện đã phải hay, lời nói lại phải có duyên. Chọn câu chuyện thì may tôi làm được, còn nói, tôi sợ không hay... Văn diễn-thuyết lại cốt giản-dị, những câu mình viết ra giấy là cốt đề nhớ mà nói, chứ có phải đề cho người đọc đâu mà phải cầu-kỳ.

—

— Người mình hình như có tính lười. Một người nhận ra nói chuyện, tức là người ta đã có công nghiên-ngẫm, tìm tòi hàng tháng trong bao nhiêu sách vở để hiểu thấu đầu đề. Mình chỉ mất độ một giờ đồng-hồ ra ngồi nghe, biết được tất cả câu chuyện, học rất nhanh chóng, thế mà người mình cũng ngại. Người mình chưa chuộng cái lối học

ấy thì thề văn diễn-thuyết chưa tiến được.

— Theo ý tiên-sinh thì văn-học ta tiến thoái thế nào ?

— Trong vòng hai ba mươi năm nay, văn xuôi ta tiến nhiều lắm. Chỉ hiềm những người thuộc phái tân học, theo Tây quá, thành ra mất cái tinh-thần của tiếng nước nhà đôi chút. Mỗi văn-chương có một cái đặc-sắc riêng, văn-chương ta cũng vậy, theo Tây để bỏ mất cái đặc-sắc ấy đi, rất là không nên.

— Theo ý tiên-sinh, thanh-niên chúng tôi phải làm những gì, và phải làm thế nào để có thể giúp ích cho quốc-văn ?

— Chắc ngài cũng nhận rằng người mình không ham học lắm. Thí-dụ như người đồ bằng tốt nghiệp rồi, có công ăn việc làm thế thôi, không chịu học thêm. Tôi cho thế là nhầm lẫn. Người ta dạy cho bấy nhiêu là để cho mình tạm đủ sức mà học lấy ; khi ở trường ra mới là ở chỗ khởi-hành, mình lại tưởng đã đến nơi rồi.

Nếu tôi được phép, tôi sẽ khuyên anh em thanh-niên học rõ nhiều, chuyên đọc văn Tây, học lại tiếng ta, vì phần đông người ta mà viết văn ta còn sai nhiều lắm...

Chúng tôi còn muốn được biết ít nhiều về « Hội Truyền-bá học Quốc-ngữ », hội mà tiên-sinh là chánh hội-trưởng từ khi hội mới sáng lập, một người có công lớn với nó, câu chuyện vẫn còn trong phạm-vi từ-ngữ và văn-học Việt-nam, nhưng không may, chúng tôi đến thăm tiên-sinh vào buổi thi-giờ của tiên-sinh ít-ỏi quá, chúng tôi phải ra về, tự hẹn một ngày sẽ trở lại để được tiên-sinh cho biết về hội học ấy cùng là nhiều vấn-đề khác nữa.

Ô. Tùng-Vân NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

Bút tích ông Tùng-Vân

南
人
味
松
石

« Nam-dân bát-châu Tùng-Vân »
(chữ mới viết, «au mười năm
bị mực-tật)

松
雲

« Tùng Vân »
(chữ viết trước
khi bị mực-tật)

N GUYỄN ĐƠN-PHỤC tiên - sinh, tự Hi-
Án, hiệu Tùng-Vân đạo-nhân, vốn là
một bậc cựu-học ; sau khi đỗ tú-tài,
tiên-sinh dạy học và sau này giúp việc
biên-tập tạp-chí *Nam-Phong*, góp một phần
vào việc xây quốc-văn thành một nền văn-
chương có giá-trị ngang với văn-chương
các nước văn-minh.

Khi còn ít tuổi lắm, tôi đã được đọc văn
thơ của tiên-sinh, tưởng-tượng tiên-sinh là
một nhà thơ có cái tâm-hồn trong-trẻo,
thuần-túy, hơn nữa, có cái tâm-hồn của
một triết-nhân Á-Đông.

Tôi kính-phục, ước-ao một ngày được
diện-kiến tiên-sinh.

Sự ước-muốn của tôi tăng bội phần khi được

tin tiên-sinh bị táng-minh, trong những ngày ẩm-đạm, tiên-sinh chỉ còn biết lẩn lại trong ký-ức những quãng đời hoạt-động đầy vẻ-vang của tiên-sinh.

Vừa đây — nhờ ông bạn Hoa-Băng, mà cụ thân-sinh ra ông vốn với Tùng-Vân tiên-sinh là chỗ niên nghị, hướng-dẫn — chúng tôi đã được hầu chuyện tiên-sinh trong một căn nhà giản-dị ở đầu phố Nguyễn Hữu-Độ Hà-dông.

Tiên-sinh nay đã 65 tuổi, tóc đã bạc, răng đã long ; trên khuôn mặt nghiêm-trang, ưu-tư còn để lại dọc ngang bao nhiêu nét dài rõ-rệt.

Tiên-sinh ngồi, vừa lần cài khuy cổ chiếc áo the, vừa kể cho chúng tôi nghe về thân-thể và sự-nghiệp văn-chương của tiên-sinh. Thỉnh-thoảng, tiên-sinh chậm-chạp, thờ-ơ, vè một điệu thuốc láo đề vào điệu, chờ người nhà đánh diêm tiên-sinh hút.

Ngồi hầu chuyện tiên-sinh, chúng tôi không giấu được sự cảm-động. Chúng tôi có những ý nghĩ gần như chua xót, muốn than to lên một tiếng đề tỏ lòng phần-ức đối với Hóa-công đã quá tàn-nhẫn với một tâm-hồn yêu văn-chương, tư-tưởng, say-sua đến quên cả rằng cái sức lực của người cũng

có một biên-giới.

Tôi hãy ngừng lại đây kéo lại rơi vào những sáo luận và đề dành lời cho tiên-sinh:

— Tôi sinh ngày hai mươi hai, tháng tám, năm Mậu-dần, niên-hiệu Tự-Đức thứ ba mươi mốt, tức là năm 1878, nguyên quán ở làng Oai-Nỗ-thượng, tổng Xuân-Canh, huyện Đông-Anh, trước thuộc Bắc-ninh, nay thuộc Phúc-yên.

Khi tôi còn nhỏ, trong vùng, giặc-giã nổi lên quấy nhiễu, đời sống ít khi được yên-đón, ông thân-sinh ra tôi cho rời sang Hà-đông, lấy tịch ở mẫu quán, làng Ý-La, tổng La-Nội, huyện Từ-Liêm, phủ Hoài-Đức.

Lúc về ở đây, sự học mới được bắt đầu; và suốt đời, học-vấn tôi chỉ được thụ giáo trong gia-đình, thụ giáo ông thân-sinh ra tôi mà thôi.

—

— Người hiệu là Uy-Son, tự là Tá-Khanh, húy là Nguyễn Tất-Tổ, vốn là một bậc cựu-học đồ cử-nhân, đi làm quan. Nhưng khi làm tri phủ Điện-bàn, cuối triều Tự-Đức, người cáo xin về nghỉ ở nhà dạy học.

Người cũng sành văn-chương lắm, có làm nhiều văn thơ đề dùng vào việc giáo-dục, năm bảy mươi tuổi còn soạn khúc « Quốc-

sử lục-thập-tứ vịnh ». Sau này, tôi có dịch ra văn nôm, thượng lục hạ bát, đăng trong tạp-chí Nam-Phong.

Nói về sự học của tôi, từ năm 10 tuổi đến năm 20, chuyên về cái học cũ, Tứ thư, Ngũ kinh, ngoài cái mục-dịch khoa-cử, chưa hoài-bảo gì.

Khi tôi 20 tuổi, thời-thế đổi thay, làn sóng văn-minh Âu-Mỹ tràn vào Á-Đông, kích-thích những dân-tộc cũ như Trung-Hoa .. Nước ta cũng chịu một phần ảnh-hưởng; những sách mới viết ra đề cổ-dộng cho cái phong-trào duy-tân của Khang hữu Vi, Lương khải-Siêu... nhập - cảng vào đây, lúc ấy tôi mới bắt đầu đọc.

Năm 29 tuổi, tôi đi thi trường Nam đỗ được cái tú-tài.

— *Tiền-sinh có còn kỷ-niệm gì về kỳ thi ấy không ?*

— Khoa ấy là khoa Bính-ngọ (1906), cụ Nguyễn Tư-Trực đỗ thủ-khoa. Về bài về văn hoàn-toàn cũ, chưa có chữ quốc-ngữ, chữ Pháp như những khoa sau.

Sau khi tôi đỗ tú-tài, về văn-học đã có thể biết trước sắp có những cuộc thay đổi lớn, thành ra tuy việc khoa-cử chưa gọi là chán, nhưng cũng muốn ở nhà dạy học và kiêm

việc làm thuốc để chờ thời...

— Trong thời-kỳ gia-đình giáo-huấn và thời-kỳ dạy học, tiên-sinh đã thấy có xu-hướng về quốc-văn chưa ?

— Khi đi học cũng như sau này, tôi vẫn chú-ý đến quốc-văn, vẫn đọc sách quốc-văn, thỉnh-thoảng làm văn thơ, hoặc để dạy con trẻ học, hoặc để tạo cho mình trong chốc lát chút lý-thú về tinh-thần.

Cũng có nghiên-cứu về những vấn-đề triết-học và văn-học, sưu-tập tài-liệu để dạy. Sau này, khi viết báo Nam-Phong mới có dịp đem ra dùng.

— Tiên-sinh bắt đầu giúp Nam-Phong từ năm nào? Tiên-sinh cho biết những công việc của tiên-sinh trong tòa-soạn của tạp-chí ấy.

— Sau khi tạp-chí ấy ra đời được vài năm, tôi bắt đầu viết. Tôi viết nhiều, nhưng vẫn viết vắn ở ngoài, không thường ngồi bàn giấy.

Khi ấy, ông Phạm Thượng-Chi đứng chủ-nhiệm kiêm chủ-bút; về hán-văn có ông Tiêu-Đầu, sau khi ông này vào kinh làm việc, có ông Sở-Cường vào thay; ông Đông-Châu làm việc dịch-thuật hán-văn; còn tôi, ngoài việc dịch thơ đăng vào mục « Văn-uyên »,

chuyên về mặt văn - chương, viết những bài nghị-luận về văn - học, triết - lý, viết những mục du-ký, hải-văn . . .

Tuy tạp-chi ra mỗi tháng có một kỳ, nhưng công việc có thể nói là nặng-nề ; có bài phải tra-cứu nhiều, khi viết thành cảo, có đến ba, bốn mươi trang giấy.

— *Tiên-sinh cho biết những bài báo nào tiên-sinh được đặc ý . . .*

— Những bài tôi tâm-tạm đặc ý, phần nhiều là những bài văn du-ký. Thuật lại những cuộc ngao-du sơn thủy, tôi thấy tâm-hồn được hưởng những cái thú tựa như khi mình còn đang ở trong cảnh núi non, sông nước vậy.

Về thể này, tôi viết : « *Cuộc đi chơi năm từng núi* », « *Sài-sơn du-ký* », « *Cuộc chơi miền đông-bắc Hải-dương* », « *Cồ-loa-thành du-ký* », « *Bốn ngày chơi Bắc-ninh* »... Trong bài sau này, tôi có thuật lại cuộc thiên-di của tôi từ Bắc-ninh sang Hà-đông, và có nói những cảm-tưởng của tôi khi trở lại tỉnh cũ của mình.

Văn nghị-luận, tôi « *Bàn về triết-lý trời, đất, người* », bàn về « *Vấn-đề quốc-văn* », « *Vấn-đề ấu-trĩ-viên* », và sau khi bị táng-minh rồi, tôi còn viết « *Cuộc thiên-đồ của nước*

Tàu », cái đầu đề như vậy, sự thực nó là một bài khảo về lịch-sử nước Tàu.

— Khi làm báo Nam-Phong, tiên-sinh có dịch chung với cụ Đông-Châu bộ Luận-ngữ và bộ Mạnh-tử ?

— Chúng tôi dịch là đề đăng vào báo Nam-phong, sau này có in thành sách. Bộ Luận-ngữ, chúng tôi dịch đến thiên Hương-dăng đệ thập. Tôi tưởng sau này dịch tiếp cho xong toàn bộ, nhưng chẳng may công việc đang dở-dang, tôi bị táng-minh thành phải bỏ cả.

Trong khi dịch, chúng tôi gặp nhiều sự khó-khăn. Khi dịch Mạnh-tử thấy dễ, tưởng Luận-ngữ cũng thế. Sự thực, sách Luận-ngữ thuộc về loại thuyết của thánh nhân, lời lẽ hồn-nhiên thực là khó quá! Tuy vậy, chúng tôi cũng cố vượt khỏi. Chúng tôi định sau dịch cả Kinh và Truyện, nhưng vì lẽ trên, không làm được. Chúng tôi cũng tiếc lắm !

— Mới đây, trong khi giúp việc cho báo Đông-Pháp và tạp-chí Tri-Tân, tiên-sinh có đề xướng ra lối « Nam-đàn bát-châu », tiên-sinh cho biết chủ-ý của tiên-sinh trong công việc ấy ?

— Nam-đàn bát-châu là gì ?

Tức là tám hạt minh-châu của thi-đàn

Việt-nam vậy. Thảo lối thơ ấy, mục-dịch của tôi là nâng cao Nam-luật bằng Đường-luật.

Pháp-độ thì theo Đường-luật, cách-điệu thì theo Nam-âm; nội-dung, tính chất lối thơ Nam-đàn bát-châu chỉ dễ-dàng sáng-sủa như vậy.

Tại sao pháp-độ lại theo Đường-luật ?

Ai cũng phải công nhận rằng đã bao nhiêu lâu, bao nhiêu danh-nhân tài-sĩ, thi-thánh thi-bá rèn tập chung đúc ở trong tám câu thơ, lại gồm bao nhiêu vẻ thanh-tâm diễm-lệ, hùng-hồn tuấn-nhã, phong-lưu hào dạt phô bày trên tám câu thơ, thơ Đường-luật làm gì không nhiều giá-trị và chẳng đáng làm gương cho ta.

Nhưng làm thơ Đường-luật tốn nhiều công-phu mới thành, mà lúc thành ít khi hay.

Vậy phải thảo lấy một lối thơ làm tốn ít công-phu mà thành, khi thành dễ hay.

Nam-đàn bát-châu, cách-điệu theo Nam-âm vì thế.

Tiền-đồ thơ Nam-đàn bát-châu có quan-hệ với những thể-cách gì ?

Một là hát nói cổ, hai là văn-chương truyện Kiều, ba là phong-dao, bốn là Đường-thi.

1.) Trong quốc-âm ta, lối hát nói cổ là phong-phú nhất, có nhiều câu mạnh-mẽ (tạ)

tình, có bút lực, có khí cốt, càng những bài cổ lại càng hay ; thơ Nam-đàn bát-châu phải trăn-trọng ở bút lực ấy.

2.) Văn-chương truyện Kiều có nghìn vạn điều hay, thơ hay về bút-pháp mà thơ truyện Kiều có rất nhiều bút-pháp, chỉ một phép *cú trung đối* (đối ở trong câu) đã đủ cầm-tú cho trời Việt, châu-ngọc cho muôn đời. Lối thơ Nam-đàn bát-châu phải học tập về bút-pháp ấy.

3.) Và thi-gia phải thưởng-thức đến phong-dao, vì phong-dao có cái bút-pháp tài tình của tạo-hóa.

4.) Đến thơ Đường là một cái kho quý-báu vô ngần, những áng lâu-đài rực-rỡ, thi-gia phải dịch ra quốc-âm cho nhiều ; dịch một bài thơ Đường tám câu bằng tám câu của lối Nam-đàn bát-châu thì thích hợp lắm.

Vì thế, lối thơ Nam-đàn bát-châu chuẩn-định lấy tám câu là đủ cách của bài thơ, dùng hai câu *bầy đầu* ba chẹn với hai câu *trên sáu dưới tám* tức là thể tài *song thất lục bát*, đề theo cách điệu Nam-âm.

Trong bài chia ra bốn bộ-phận : câu nhất nhì gọi là *khởi bát*, câu tam tứ gọi là *chuyển bát* và *phổ bát*, câu ngũ lục gọi là *thán*

chỉnh bút, câu thất bát gọi là kết-bút.

Những câu *bảy đậu ba* là nguồn gốc ở thể, tài hát nói cổ ; cho nên lối thơ này có lệ đặt rồi chữ, như là *tám đậu ba, chín đậu ba*, nhưng đến chín chữ là cùng.

Về âm-diệu, lối thơ Nam-dân bát-châu nhất thiết theo đúng âm-diệu cổ nước Nam. Song có hai cách : một là *chính cách*, cho đến câu lục bát, theo khuôn đã nghiêm-định trong Nam-luật, chữ bằng chữ trắc không được đổi ; hai là *hoán cách*, chữ trắc chữ bằng có thể đổi được. . .

Đây tôi chỉ nói đại-khái lối thơ Nam-dân bát-châu là thế nào, kể thể-cách niêm luật còn nhiều điều tỷ-mỉ, thảo luận của tôi về thể thơ này gồm đến sáu tập. Tôi đã đề vào đây bảy năm, thể thơ mới tạm gọi là thành hình...

— Xin tiên-sinh cho nghe một bài làm thí-dụ.

— Thơ tôi soạn cũng nhiều, dịch cũng nhiều, nhưng để xin đọc bài tôi đã dùng làm đoạn kết cho tập thảo bút của tôi :

« *Thơ Nam-dân, tám câu là cụ-thể ;*

« *Hạt minh-châu, mong rạng vẻ nước cùng non*

« *Tân danh lập cổ điều tồn ;*

« Học nghề Đường-luật, giữ hồn quốc-âm.
 « Đòi phen dạo Tây-viên thăm hãn-mặc;
 « Hỏi ai về Nam-phố nhần tri-âm,
 « Rong-rải góp chuyên thi lâm
 « Những mong tú khôi cầm tâm sau này ».

T. V.

— Theo ý tiên-sinh thì văn thơ nôm ta từ hai, ba mươi năm nay, tiến thoái thế nào ?

— Nói đến sự tiến-thoái của một thể văn trong một thời thật là khó, thứ nhất là văn thơ nôm ta từ ít lâu nay. Bây giờ, văn xuôi cũng như thơ, đang vào thời-kỳ nảy-nở, sự phẩm bình không lấy gì làm chắc-chắn lắm. Nói thí-du mình đọc một bài thơ thấy hay, biết cái hay ấy là cái hay tuyệt-đối hay là cái hay tương-đối.

Tôi tưởng chúng ta bây giờ không nên phẩm-bình gì nhiều, không nên vội đo cái bước của mình đã đi, mình hãy nên đàm-luận tìm những công việc mình phải làm cho văn-chương ta mau tiến.

— Tiên-sinh cho biết những công việc ấy là công việc gì ? Bọn hậu-sinh chúng tôi rất mong-mỏi ở sự chỉ dẫn của tiên-sinh. .

— Đã gọi là đàm-luận để tìm những công việc, thì tất những công việc ấy, mình chưa biết là những công việc nào. Nhưng đại khái...

Nói đến đây, tiên-sinh nghĩ như đề soạn lại trong trí những công việc mà lát nữa đây, tiên sinh sẽ đem ra chỉ bảo cho chúng tôi. Sau khi hút một điếu thuốc lào đề từ lâu, tiên-sinh tiếp :

— Quốc-văn ta vừa bước đến một bước rất quan-hệ. Chúng ta có cái trách-nhiệm làm cho quốc-văn ta trở nên phong-phú; làm thế nào để đạt mục-dích ấy ? Phải nhập-tịch những chữ mới, tài-liệu lấy trong cổ-văn. Hiềm vì ngày nay, ở ta phần người tham uho có thể đảm được những công việc ấy càng ngày càng ít.

Phạm việc nhập tịch chữ mới, phải trọng ở kinh-nghiệm. Chữ nào các bậc tiền-bối ta nhập-tịch rồi, ta phải nhận là chữ quốc-âm, nghiên-cứu nghĩa cho tinh-tường.

Tôi xem các cụ làm việc thận-trọng và có phương-pháp lắm.

Kho thứ hai có thể cung tài-liệu được là cái kho xã-hội sinh-hoạt ; ba là kho cảnh-trí vũ-trụ ; bốn là kho quốc-âm, gồm có phong-đạo, tục ngữ, văn nôm, v. v. . . Trong những kho ấy, vàng ngọc rơi vụn, ta chỉ phải khéo tay một chút là có thể đem về cho văn-chương ta bao nhiêu cái quý, cái hay.

Việc nhập-tịch rất cần-thiết, quốc-văn ta tiến hay không là ở chỗ ta làm cho văn-chương ta được những việc trên hay không.

Tôi nói văn-chương ta đang đứng vào tình-thế quan-hệ, và trách-nhiệm của nhà văn ta ngày nay nặng-nề là thế.

— Ý của tiên-sinh đối việc đổi mới trong văn-chương ta thế nào ?

— Việc đổi mới là cần cho sự tiến-bóa, nhưng đổi thế nào thì đổi, cốt phải giữ lấy cái tinh-thần của văn-chương ta.

Tiếng Nam ta cũng như tiếng Tàu là tiếng độc âm, cái đặc-sắc của nó là sự đối-ngẫu trong câu văn, trong đoạn văn. Minh sao-những sự cân-đối là mình bỏ mất cái đặc-sắc của văn-chương mình. Vì vậy, trong thơ của tôi, riêng về Nam-dân bát-châu cũng vậy, tôi chủ-trương sự đối của những câu tam tứ phỏng theo văn-pháp « cú trung đối » trong truyện Kiều và ngũ lục phỏng theo thể hát nói cổ, thơ phú cổ đối chọi, đối sinh. Bỏ cái đối ấy, còn gì cho bài thơ nữa,

Mỗi văn-chương có một cái đẹp riêng, cái đẹp trong văn-chương của người ta, người ta biết giữ, cái đẹp của văn-chương mình, chỉ vì nó không giống những cái đẹp

của người, mình lăm-le bỏ đi, thực là một việc thất sách !

Nói đến câu đối, tôi lại nhớ đến việc này, việc cần phải cổ-động trong nước : khắc những câu đối bằng chữ quốc-ngữ, như lối chữ triện đề treo trong các đình chùa, thư-viện, buồng khách... Một nhà văn làm bài thơ nôm, câu đối nôm đề rồi bỏ một chỗ thì còn gì chán bằng. Trái lại, nếu đem khắc treo lên, người làm thơ, câu đối thấy công việc của mình có ý nghĩa và có hứng-thú hơn.

Một là giúp cho mỹ-thuật, hai là giúp cho quốc-văn ta chóng nầy-nở về mọi phương-diện. Ấy cũng là một việc cần phải chú-ý lắm.

— Sau « Nam-dân bát-châu », tiên-sinh dự-định viết gì nữa ? Tiên-sinh có nghĩ đến việc chọn lọc những thơ văn cũ in thành sách không ?

— Ngày nay, toàn-lực chú vào « Nam-dân bát-châu », chưa dám đặt hi-vọng vào việc nào khác.

Việc soạn những thơ văn của tôi in thành sách để cho đồng-chí xem cũng là một việc hay, chúng tôi không mong gì hơn ; nhưng từ trước đến nay, bình phư việc ấy còn

trên sức chúng tôi. Bây giờ tôi bị mục-tật, các cháu thì còn trẻ thơ cả, giá có một nhà xuất-bản nào đứng in, tôi sẽ phải đọc lại, sửa-sang đôi đoạn, bài nào đáng in thì in, tôi sẽ lấy nhan đề là « *Tùng-Vân văn tập* ».

Cả tập *Nam-dân bát-châu*, sau này cũng có thể in được thành bộ sách, giúp ích được cho văn-học-sử một phần.

Tiên-sinh tỏ những dự-dịnh của tiên sinh bằng một giọng thành thực, đầy ước muốn. Chúng tôi ngồi nghe, trong giây lát có những tình-cảm như hối-hận vì đã quá lãnh-đạm đối với tiên-sinh. Bọn hậu sinh chúng ta, từ trước đến nay chỉ nghĩ đến việc in và ủng hộ những văn phẩm mà cái giá-trị còn phải nghi-ngờ, còn những áng văn như « Ông đồ Ba Vầy », « Chơi núi Sài-son », v.v.. ta để nằm yên một chỗ, mặc cho đời quên bỏ. Đến nỗi người sáng tác ra nó, ngày nay tuổi đã già, sức đã yếu mà còn phải đem cái tàn lực ra nghĩ đến nó.

Nhân đây, tôi thiết-tha kêu gọi tất cả những tấm lòng biết tôn quý những bảo-vật hiện tàng-trữ trong cái kho văn-học của ta ! Những nhà xuất-bản, những đồng

chỉ đã được trông thấy cái quãng đời về-vang của tiên-sinh, những bạn trẻ hậu-sinh đã được hưởng trực-tiếp hay gián-tiếp cái kết-quả những công-việc của tiên-sinh... bôn-phận chúng ta là phải giúp vào việc in những văn thơ của tiên-sinh thành những bộ sách đẹp, những bộ sách ấy hiện đã thành hình trong trí nghĩ của tiên-sinh.

— *Tiên-sinh bị mục-tật từ bao giờ ? Ngày nay tiên-sinh giúp cho các báo, chắc phải đọc cho người viết ? Công-việc khó khăn và nặng nhọc !*

— Tôi bị táng-minh tinh đến nay là 12 năm rồi. Những năm đầu thấy khó chịu và chán-nản, tinh-thần kém, tôi phải vào Thanh-hóa, ở một nơi mát-mẻ, nghỉ ngơi. Cách đây vài năm, thấy tinh-thần trở nên mạnh mẽ, nghĩ mình còn có thể góp thêm vào cái thi đàn Việt-Nam chút ít, tôi trở ra Bắc, lại bắt đầu làm việc cho văn-chương.

Bây giờ, muốn viết tôi phải đọc cho các cháu chép, còn những tài-liệu phần nhiều tôi nhớ, nếu không lại phải chỉ chỗ cho các cháu tìm... kể cũng khó nhọc, nhưng đó là phương-tiện độc nhất còn lại cho tôi.

Nói đến đây, tiên-sinh im lặng, hình như tiên-sinh bạn ôn lại một cách bao quát cái

quãng đời dang-dăng hơn mười năm giờ
vừa qua của tiên-sinh.

Không muốn để tiên-sinh giở lại quá lâu
với những ngày vô-liêu của tiên-sinh, chúng
tôi yêu cầu tiên-sinh cho nghe về cách tu
thân theo quan-niệm Á-Đông của một nhà
thơ đề nhà thơ có một tâm-hồn trong-trẻo,
xứng đáng với thi-nghệ của mình.

Tiên-sinh phân biệt nhà văn-học với nhà
triết-học, nhà khoa-học . . . phân-biệt cái
tục học với cái chính học ; phàm là thi nhân,
phải gạt cái tục học ra một bên. Tiên-sinh
giảng giải với những thí-dụ trong văn-chương
Trung-Hoa và Việt-Nam.

Nhưng tôi tưởng không cần phải thuật
lại đây, cái đời tiên-sinh đã chẳng là một
tấm gương tu thân, hậu-sinh chúng ta chỉ
việc nhìn vào đấy là đủ thấy một con đường
đề theo, đời tiên-sinh đã chẳng là một bài
học được tiên-sinh giảng-giải rõ-ràng, một
bài học mà ta có thể tóm-tắt bằng mấy
tiếng :

« Học-vấn và Nhân-nại » hay sao ?

Ông Trúc-Khê NGÔ VĂN-TRIỆN

Mời đến nhận nuôi Kari và cả
Hoc và con Hedy và cả
Hedy và con Hedy và cả
Hedy và con Hedy và cả
Hedy và con Hedy và cả



Bui-Tich Ong Truc-Kho

TRƯỚC khi thuật lại câu chuyện ông Trúc-Khê đã cho chúng tôi nghe, chúng tôi phải nói ngay rằng từ lâu, tuy so tuổi ông hơn tôi vừa 12 tuổi, giữa ông và chúng tôi vẫn có một tình bằng hữu gần với cái tình huynh-đệ.

Gia-đình ông ở cách Hà-nội hơn mười cây số, mỗi tuần lễ ông ra làm ở Hà-nội sáu ngày, chiều thứ bảy ông lại — như chúng tôi thường nói đùa : — « ném cái thân về giả lại cho gia-đình ông ».

Đường từ Hà-nội về cũng tiện, thường ngày chủ-nhật, chúng tôi vẫn về đây để tìm sự yên-tĩnh và trong những phút nhàn-rỗi, cùng ông đàm luận văn-chương.

Chính trong cái khung cảnh ở quê ông, chúng tôi đã có câu chuyện dưới đây. Tuy là một câu chuyện văn - chương,

ngoài vòng bằng-hữu, nhưng có khi thân-mật quá, chúng tôi muốn giữ nguyên- vẹn từ cách xưng-hô cho đến những tiêu- liết trong câu chuyện để giữ lấy sự thành- thực.

—...

— Tôi sinh ngày mồng năm tháng tư năm Tân-sửu, lịch tây năm 1901, ở thôn Thị-cấm, làng Phương-canh, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-đông. Năm lên bảy tuổi đi học chữ nho, học một cu đờ trong làng. Năm mười một tuổi đi học chữ quốc-ngữ ở trường tổng-sư. Sau vài tháng mới biết vẽ, lại quay về trường cũ học chữ nho.

Trong thời-kỳ từ năm lên bảy đến năm mười hai, rất hay trốn học, chỉ thích chơi đùa, sự học chẳng có gì là tấn tới.

Năm tôi mười hai, phần thi cu đờ nho tạ thế, phần thi giận tôi lười học, hai thân tôi bắt tôi ở nhà đi chăn trâu, vì nhà tôi vốn làm ruộng. Đầu năm mười ba mới lại cho tôi đi học một thầy đồ khác. Bắt đầu từ nay, tôi đã biết lấy sự học làm vui. Sau mấy tháng, người học-trò vừa khi mới vào lười biếng dốt nát đã trở nên người học-trò khá nhất.

Cuối năm mười ba, tôi đã bỏ xa các bạn

nhieu, đã biết làm văn sách, thơ phú, còn các bạn khác chỉ biết làm câu đối.

Mỗi buổi phải học hàng chục trang chữ in mà vẫn thuộc lòng.

Cha mẹ và thầy học rất vui mừng về sự học của tôi, linh-toán cho tôi học đến cùng, sau này giạt giải tranh leo, ông nghè, ông cống . . .

Nhưng đến cuối năm 14 thì rất là thất vọng vì được tin sau khoa Ất-mão (1915), thi cử bằng chữ nho sẽ bỏ hẳn ở Bắc-kỳ.

— *Anh còn nhớ những cảm-tưởng của anh khi anh được tin nhà nước bỏ thi cử bằng chữ nho ?*

— Khi ấy tôi còn nhỏ, tình-cảm chưa được mạnh như sau này, thấy hai thân tôi nói về việc bỏ thi, có vẻ buồn-rầu, tôi cũng bâng khuâng . . . Hai thân tôi cũng như những người đồng thời, lúc bấy giờ chưa rõ cái ý hay của sự bãi bỏ khoa-cử, cho đó là một sự rất đáng hậm-hực.

Nhưng sau này, mỗi ngày tình-cảm thêm rõ-rệt. Một lần tôi ra chơi Văn-miếu Hà-nội, lấy bút chì đề hai bài thơ vào tường :

« Miếu đình xây dựng trải bao đời

« Mốc phủ rêu trùm bốn vách với

« Gió Mỹ mưa Âu phong hội mới

« Than ôi, thánh đạo sắp suy rồi ! »

(Đề Văn-miến)

« Ngày tám mươi hai tấm thạch bi,

« Lê triều tấn-sĩ họ tên ghi

« Nghìn thu đề đó làm di vật,

« Khoa cử từ đây đã bãi đi ».

(Đề nhà bia tấn-sĩ)

Trong mấy câu thơ này đủ thấy cái cảm tình của tôi đối với hán học, đối với khoa cử cũng có ý thương tiếc thế nào.

— Sau anh vẫn đi học tiếp, tuy biết nho học không phải là cái thang có thể dùng để bước lên hoạn-lộ ?

— Sang năm sau, tôi bỏ ngay, vì không thể kiên-tâm được nữa, khi người ta đi học chỉ có một mục-dịch thi đỗ làm quan, mà mục-dịch ấy không còn.

Bỏ chữ nho, tôi lại đến trường tổng-sư học quốc-ngữ. Học được mấy tháng thì võ đề Liên-mạc, phải nghỉ học đến nửa năm giò, nhưng đến cuối năm đi thi cũng đỗ tuyển-sinh.

—...

— Tôi thi ở Hà-dông. Đầu bài những gì tôi không nhớ, chỉ nhớ phải thi một bài âm-

tả, một bài luận quốc-văn và hai bài tính-đổ.

Năm sau đi thi khóa-sinh cũng thi ở Hà-đông. Đầu bài dĩ nhiên khó hơn, lại thêm một bài luận hàn văn : « Sinh tài hữu đại đạo luận », chữ trong sách Đại-học...

— Trong khi anh học trường tổng, đã thấy có xu-hướng về quốc-văn chưa ?

— Khi học trường ấy, sau mấy tháng tôi đã trở nên một trò khá, thứ nhất về quốc-văn. Làm quốc-văn, tôi chỉ thích gò-gập cho câu văn cân đối như khi trước làm văn chữ nho. Anh nhớ cho rằng về thời bấy giờ, văn quốc-ngữ ta cũng thịnh cái lối cân đối lắm.

Thấy tôi có khiếu về quốc-văn, ông giáo cho tôi nhận những báo chí để đọc. Trường có hai tờ báo, *Đông - dương tạp - chí* và *Trung-Bắc tân-văn*. Tôi đọc với tất cả sự ham muốn của tuổi trẻ, ảnh-hưởng của hai tờ báo ấy trong cái đời làm văn của tôi không phải là ít...

Sau khi đỗ khóa-sinh, vì cảnh nhà túng bần, phải bỏ học, xoay làm công-nghệ — tôi làm nghề đăng-ten — để chống giữ cho nền kinh-tế của gia-đình khỏi sụp đổ.

Tuy nhiên vẫn vừa phấn-dấu cho sự sống, vẫn vừa tự học. Tôi lại quay về ham

thích cái kho tàng chữ Hán. Quanh năm dù bận đến đâu, không ngày nào là không mở đến quyển sách. Tôi đọc Nam-sử, Bắc-sử, còn Kinh Truyện thì không ham lắm. Nhiều khi tôi vừa làm công việc bằng tay, vừa kèm bên mình một quyển sách.

—...

— Trong khi học ở trường tổng-sư, đã có đôi lần tôi làm thơ nôm. Đến năm 1917-18, đọc những tập « *Khối tình con* » của Tân-Đà, « *Một tấm lòng* » của Đoàn-như-Khuê, lòng yêu thích quốc-văn càng mạnh. Lúc bấy giờ mới mơ tưởng làm văn thơ đăng báo.

Năm hai mươi tuổi đã làm ra được nhiều thơ, nhưng thơ làm từ trước đến bấy giờ toàn bằng một giọng sầu cảm, nào than về quốc-vận, nào oán về gia-tình; những bài về loại trên có nhiều lời khích liệt, hai thân tôi nghe được thường quở mắng, bảo có thể đưa đến một sự nguy-hiểm sau này. Đây là một bài thơ làm trong thời-kỳ ấy :

Kiếp học-trò

« *Giời bắt sinh ra kiếp học-trò,*
« *Học-trò sinh phải bước nhiều lo*

« Lo nhà, lo nước, lo thân thể
 « Nhà khó, thân hèn, nước riu ro
 « Nhà khó, thân hèn, nước riu ro
 « Lòng tơ trăm mối rối như vò
 « Kiếp sau thôi chớ làm người nữa
 « Làm kiếp chim bằng ta tự-do.
 « Làm kiếp chim bằng ta tự do
 « Trời Nam bề Bắc rộng khôn đo
 « Dặm khơi chín vạn bay lung cánh.
 « Trút sạch trần-gian trăm mối lo ».

Cũng vào thời-kỳ ấy, tôi bắt đầu viết văn nghị-luận đăng báo. Bài thứ nhất là bài « Cải-lương hương tặc » đăng ở Trung-Bắc tân-văn (1920).

— . . .

— Ban đầu, từ sự làm thơ chuyển sang sự viết văn xuôi thấy khó-khăn lắm. Khi còn đi học, ở trường tuy có làm luận quốc-văn, nhưng là những bài ngắn-ngắn, đến nay muốn viết những bài trường thiên đại luận, thấy quanh co lúng-lúng, sự dàn xếp đoạn lạc có vẻ vụng-về, thấy không giản dị như làm bài thơ bốn câu hay tám câu.

Năm này, tôi ra làm thư-ký một ty rượu của bà di-mẫu ở Hà nội, có cùng Nguyễn-hữu-Kim — sau này có hồi trở nên một

nhà viết kịch có tiếng — bàn nhau rủ anh em bạn góp tiền chung mua báo sách, lập ra một phòng đọc sách, và sau nhân ý, kiến ấy, khuếch-trương ra thành một hội-tức là hội Uân-hoa mà Nguyễn-hữu-Kim và tôi cùng mấy anh bạn nữa là sáng-lập hội-viên.

Hồi này, tôi dịch quyển « Đồng Mệnh Điều », cuốn tiểu-thuyết lỗi mới của Tàu, tác-giả là Lý đình Di. Năm 1921, anh Nguyễn hữu-Kim bỏ tiền xuất-bản tập đầu ; sau vì bán chậm, không ra tiếp được nữa.

Khoảng năm 1922-23, rất thích văn Cung-Oán, có làm ra nhiều ca-khúc theo thể văn ấy, sau tôi bỏ đi cả, chỉ còn giữ được bài « Chinh phụ dạ tỉnh ngâm khúc », bài ấy bắt đầu bằng những câu :

*Đêm gió thổi bức màn phân phát,
Giấc chiêm-bao vơ vẩn canh trường.
Trăng khuya chiếu lọt đầu giường,
Bừng con mắt dậy luống càng ngằn-ngor.
Cảnh đơn chiếc chi ngò đến nỗi,
Sầu biệt ly khôn nói nên lời.
Sắt cầm duyên mới hoà vui,
Quan san phút đã chia đôi gánh tình.*

*Ngoài ải tía sương kinh tuyết khờ,
Chốn buồng điều phấn ố hương phai.
Hương phai phấn ố bao nài,
Tuyết sương thương kẻ cỗi ngoài xông pha.*

Tập ấy, năm 1925 có đem in thành sách.

— Sau nhân cơ-hội gì, anh lại nhập tịch làng báo ?

— Năm 1925, sau khi các việc công thương thất bại và sau khi vận nhà đen rấp, hai thân tôi tạ thế trong vòng mấy ngày giờ, gia-tình túng quẩn, phải nhờ người anh rể họ xin hộ một việc đóng sách trong nhà in Thực-Nghịệp.

Làm công việc ấy lương ít ỏi, nhưng không bao lâu, tôi lại điều-dinh được việc viết bài cho báo *Thực-Nghịệp* để lấy tiền thêm. Tôi xin vào nhà in, mục-dịch cũng chỉ ở chỗ được gần nhà báo, để tập luyện thêm và xoay dần vào nghề viết báo.

Năm 1926, tôi thôi việc nhà in để giữ một cây bút chính trong tờ *Thực-Nghịệp*.

Năm 1927 — 28 vẫn đương làm báo, tôi dựng *Trúc-Khê thư-cục*, xuất-bản sách.

— Anh cho tôi biết về những tiểu-thuyết của anh.

— Tôi bắt đầu viết tiểu thuyết dài với bộ tiểu-thuyết lịch-sử « *Hùng-Vương diễn*

nghĩa ». Bấy giờ là năm 1929 phải về ở nhà
 quê, nhiều thì-giờ, tôi có cái chí đem tất cả
 lịch-sử nước nhà viết thành tiểu-thuyết, vì
 thế bắt đầu bằng bộ *Hùng-Vương diễn-*
ngĩa. rồi đến *Thục An-dương-vương*, sau
 bộ *Thục An dương vương* đáng lẽ theo thứ tự
 thì tôi viết đời nhà Triệu, nhưng tôi lại tạm
 bỏ cách quãng mà viết bộ *Mai-thúc-Loan*.
 Mấy bộ này, bộ *Hùng-Vương diễn-ngĩa*
 đã in thành sách, bộ *Mai-thúc-Loan* đã in
 ra được mấy tập mỏng, rồi vì một cơ riêng
 phải tạm bỏ dở, còn bộ *Thục An-dương-vương*
 thì chưa in. Những tiểu-thuyết ngoài loại
 lịch-sử, trong thời kỳ này, tôi có viết được
 vài cuốn : *Mặt nước cánh hoa*, *Thu-phương*
hận sử và ít truyện ngắn. Những truyện tôi
 viết về thời-kỳ này còn theo lối văn cổ,
 xây dựng đã cổ mà lối hành văn cũng cổ,
 hay chen vào những đoạn biền-ngẫu và
 hay có những chữ thêm đệm rất thừa.
 Nhất là quyển « *Mặt nước cánh hoa* », tôi
 viết rất công phu, phần nhiều bằng lối
 văn từ-lục, lối văn của nhà văn Tầu Từ
 Trầm Á trong những cuốn *Ngọc-Lê-Hồn* và
Tuyết-Hồng lê-sử. Như những đoạn sau
 này : « *Nghĩ mình đương là khách ở chốn*
đỏ hội phồn hoa, trên đàn văn mặc, giống

*trông mở cờ, Nhị đỏ Nùng xanh, từng đã
đỉnh duyên non nước. Lại lúc quê cũ quay
cương, vườn xưa thâm thú, Nhuệ thủy
huyền ai mấy lá, Hương-Kê nước chảy
bồn mùa... Thế mà nay trời bày vãn cầu,
đất đời tang thương, nhà tan một khắc,
mình giạt đòi phương... v. v. »*

Đây anh xem văn tiểu-thuyết của tôi hồi
trước viết kỳ-cục đến thế ! Vì tôi đã dịch
cuốn tiểu-thuyết « Ngọc-Lê-Hồn » của Từ
Trầm-Á, nên chịu ảnh hưởng lối văn của
nhà văn-sĩ này.

Mãi đến năm 1938, tôi từ già cổ viên ra
ở Hà-nội. Hồi này đọc nhiều tiểu-thuyết
viết bằng lối văn mới, bấy giờ tôi mới viết
những cuốn « Nát ngọc », « Hồn về »,
« Trăm lạng vàng » và một số những truyện
ngắn bằng lối văn đời mới, khác hẳn với
lối văn viết ngày xưa.

— Anh viết tiểu-thuyết lịch-sử, chủ-trương
như thế nào ?

— Này ra cái ý-dịnh viết tiểu-thuyết lịch-
sử là vì tôi nghĩ muốn cho người ta mến
yêu đất nước, trước hết nên cho người ta
hiểu biết lịch-sử. Thế mà chính-sử thì khô-
khan, không có sức quyến-dũ người đọc.
Chỉ có cách lợi-dụng cái tính ham đọc tiểu-

thuyết của quần chúng, đem quốc-sử viết thành tiểu-thuyết mới có thể đạt được ý muốn. Vậy cái chủ-trương của tôi là đem lịch-sử viết ra, cốt cho người đọc nhân xem tiểu-thuyết mà hiểu biết được quốc-sử.

Vì cái mục-dịch ấy, người viết tiểu-thuyết không được làm sai về các phương-diện như chính-trị, địa-lý, chế-độ, phong-lục, không được đảo lộn các người hay dở và các việc trước sau.

Tha hồ tưởng-tượng, thêm-thắt đề câu chuyện có hứng - vị, nhưng không được tưởng-tượng ra những cái mà thời-đại ấy không thể có.

Về hình-thức thì thế, về tinh-thần thì phải làm cho người đọc sinh lòng nhớ mền nước cũ, có mối cảm-linh thấm-thiết với chủng-tộc, giang-sơn.

— Tôi muốn biết ý kiến của anh đối với những nhà văn viết lịch-sử tiểu-thuyết của ta ngày nay.

— Hiện nay, có mấy nhà văn viết lịch-sử tiểu-thuyết như Nguyễn triệu-Luật, Phan-trần Chúc, Lan-Khai. Tiểu-thuyết của các ông ấy xuất-bản, phần nhiều tôi có đọc. Hai nhà tiểu-thuyết trên đều có cố gắng trong việc kể cứu lịch-sử. Tuy nhiên, cái lối «trái sử»

chưa tránh hết.

Về nghệ-thuật, Nguyễn-quân hay chênh-mảng, thành tiểu-thuyết khô-khan, rời-rạc.

Còn Lan-Khai, theo thiên-ý, không thể gọi là một nhà tiểu-thuyết lịch-sử được. Trong những truyện lịch-sử của ông, ta chỉ thấy có cái tên người trong lịch-sử, còn những hành-động của người trong truyện, cho đến những cái thuộc về địa-lý, chính-trị, chế-độ, phong-tục, hầu hết không hợp với lịch-sử chút nào. Lỗi ấy, vì ông chưa đủ về sử-học.

Tôi còn phản-đối ông điều này nữa, là ông quên rằng mình là người Việt-nam nói đến Nam-sử.

Trong tiểu-thuyết « *Chế Bồng-Nga* », ông mượn miệng người Chiêm chửi mắng người Nam thế này :

« — Bớ quân Nam cầu ! (giống chó An-nam)

« — Bớ quân Nam-man kêu-ngạo, ta sẽ giết sạch chúng bay ! »

Thật là một quái-trang ở một nhà văn-sĩ !

— Anh cho biết về hai quyển Cao bá-Quát và Nguyễn Trãi ?

— Đó là hai tập danh-nhân truyện-ký của tôi. Về thể truyện-ký này, tôi đã có dịp giải-thích một cách đầy-đủ trong một cuộc bút

chiến với ông Phan-Khôi, bình-bút ở *Dân-báo* trong Nam-kỳ.

Nguyên truyện-ký của Tàu trước kia là một thể phụ thuộc của chính sử. Tìm đến nguồn-gốc, thể liệt truyện trong bộ *Sử-ký* của Tư-mã Thiên chính là loại văn truyện-ký này. Sau bộ ấy, nhiều bộ sử của Tàu và của ta đều có thể liệt-truyện. Dựa vào đấy thì truyện-ký là thể văn phải viết toàn những sự thực lọc-lỗi gần như chính-sử.

Song lối truyện-ký ấy nó đầy một khí-vị khô-khan như chết, tôi không thích viết. Viết *Cao-bá-Quát* và *Nguyễn Trãi*, tôi viết theo lối truyện-ký mới của người Tây phương. Ở Âu-châu, trong khoảng mấy chục năm nay, người ta có lối truyện-ký tiểu-thuyết-hóa, đem truyện một đời của các bậc danh-nhân, dùng ngòi bút tiểu-thuyế mà điểm hóa vào để đem đến cái hứng vị ham vui cho người đọc. Nhà văn sĩ Anh Giles Lytton Strachey, nhà văn sĩ Pháp André Maurois, viết mấy quyển truyện-ký đều bằng lối truyện-ký tiểu-thuyết-hóa này cả.

— Anh có một tập thơ nhan-dề là « *Chợ chiều* », có phải vì anh nghĩ văn thơ anh làm

theo thể cũ cũ, một cái văn-chương làn-cục, mà anh lấy nhan-đề ấy ?

— Không phải. Trong tập này, thơ tôi tuy đều làm theo thể cũ, nhưng phần nhiều lời mới ý mới, thứ nhất là những bài tôi làm từ năm 1937-38 trở về sau. Nhan đề ấy, tôi lấy ở câu « *Gặp gỡ nhau trong buổi chợ chiều* », câu cuối ở một bài thơ trong tập ấy. Dùng nhan-đề này một là có ý nghĩa đối với một người bạn gái, hai là ý bảo đến tận bây giờ mình mới in ra tập thơ đầu, sau khi những người đồng lớp đã in nhiều thơ, chẳng khác nào người gánh hàng đi chợ muộn về buổi chiều vậy.

— Ý của anh đối với thơ mới thế nào ?

— Tôi cho là thơ mới nên có đề gỡ bí cho những nhà thơ — cả cũ lẫn mới — lúc hỗn thơ dào giạt, mà cái khuôn-khổ thơ Đường câu thúc quá, không đề cho cái hỗn thơ ấy phát-triển được.

Nhưng tôi ghét cay ghét độc những bài thơ bí hiểm, đọc lên chẳng hiểu tác-giả nói gì. Dù họ có viện hàng trăm Valéry và Malharmé, tôi cũng bảo như vậy.

— Anh có tin ở sự tiến-bộ của thi ca không ?

— Nó còn tiến, còn tiến mãi đến chỗ không chịu thua kém những thơ hay ngoại

quốc. Tôi dám nói như thế, vì tôi thấy bước tiến của thơ ta trong vòng mười năm nay thực nhanh chóng không ai ngờ. Và lại, một thứ tiếng đã có một tập thơ như Kim-Vân-Kiều thì không ai có thể chế hạn được cái tiến trình của nó. . . .

Ông Song-An HOÀNG NGỌC-PHÁCH

Tôi nhớ lại khi học trường
Bưởi, bên cạnh hồ này,
Chiều chiều cùng bạn ra
đứng bờ hồ, nhìn Thưa Lúa,
thì ai? stuyên gì ấy; cỡi đũa
hỏi hồ? phong cảnh hình
như hồ. Ở với mình mà
bây giờ vẫn một nước kia
vẫn đã giới ấy; núi Tam
đảo vẫn đó. / mở đường và
chiếc thuyền vùn, vùn từ
tức qua lại,.....

Saepe

Có lẽ là một sự khó tính mà chúng tôi cần xin lỗi với những văn-nhân và thi-nhân mà chúng tôi đã được nghe chuyện là chúng tôi ước-ao được nói chuyện ngay trong buồng làm việc, trước một bàn giấy đầy những tập bản-thảo, những mẫu tài liệu, sách vở. . . , ở đấy tính tò mò của chúng tôi có khi được thỏa-mãn. Chúng tôi có thể biết qua được một vài thói quen của nhà văn, một vài công việc đang làm và sắp làm của nhà văn . . .

Thứ nhất chúng tôi được ở trong cái « bầu không-khí » của nhà văn.

Sự khó tính ấy đã làm cho tôi, khi sang thăm Song-An tiên-sinh, suốt từ đầu câu chuyện cho đến lúc ra về, thấy ngượng-ngịu . . . Vì tiên-sinh tiếp chúng tôi ở

buồng khách, một căn phòng rộng-rãi, trang hoàng rất lịch-sự theo kiểu Á-Đông.

Nhìn xung quanh hình như thiếu một cái gì Chúng tôi tìm một cảnh « trời biển mênh mông » có thể nhắc chúng tôi tới cảnh « mênh mông sóng rộng chân trời » và cuộc ngao du lãng-mạn của cặp tình nhân bất tử ở bãi bờ Đồ-Sơn, hai mươi năm về trước. May chúng tôi còn thấy một bức tranh thủy mặc, bằng một vài nét, họa một cảnh đêm trăng, nhắc thắm trong trí nhớ chúng tôi câu « đêm thu trăng tỏ ».

Chúng tôi quên rằng tiên-sinh không phải chỉ là một nhà văn, tiên-sinh là một vị giáo sư mấy năm trước đây kiêm giám-đốc các trường Cao đẳng tiểu học và Tiểu-học ở tỉnh lỵ Bắc-ninh, và có lẽ vì chức-nghiep, tiên-sinh phải tổ chức sự sống hợp với địa vị xã-hội của tiên-sinh hơn là hợp với cái tự do của tâm-hồn lãng-mạn của tiên-sinh.

—

— Tôi sinh ngày mồng mười, tháng ba, năm 1898, tức là ngày 18 tháng hai năm Mậu-Tuất ở làng Đông-Thái, phủ Đức-Thọ, tỉnh Hà-Tĩnh. Từ nhiều thế hệ, nhà tôi vẫn giữ được cái cụ truyền về khoa-cử và văn-học. Vỡ lòng, tôi học chữ nho với các ông

tú, ông cử trong làng là chỗ chú bác, anh em thân thuộc.

Năm 13 tuổi, thấy sự học chữ tây đã thịnh mà trong lúc ấy thì chữ nho còn trọng dụng lắm, tôi ra Bắc bắt đầu học chữ Pháp ở một trường tư ở ấp Thái-hà. Trường của cụ Bùi-dinh-Tá, một trường tư rất lớn, có một đặc-sắc là học-trò hầu hết, nếu không phải là ông ấm thì cũng là con một nhà giàu về thời bấy giờ. Mới vào, tôi chỉ là một cậu bé nhà quê còn đề chồm bên những ông học-trò có búi tóc, có râu ria. Phần nhiều là lưu - học - sinh, sáng đến các ông còn được người nhà đem vào trường cho cái điếu và ấm nước trà tàu để các ông « điềm tâm ». Tối đến, có ông mở cửa đi tiêu-khiên ở phố ấp.

Nói thế, ông chờ tướng trong trường quy-cử không được trọng, sự học không được tấn tới. Cụ đốc Tá và mấy cụ giáo khác, thuộc phái tân-học mà có vẻ nho phong, rất đạo-mạo và tận-tâm nên học-trò kính sợ lắm.

Riêng về sự học của tôi, thấy rất tấn tới. Sau hai năm, tôi đã vượt mấy lớp, kể cả lớp nhì — hồi bấy giờ không có học bạ, không có hạn một năm mới lên lớp.

Sau tôi ra học lớp nhất trường Hàng Vôi, tức là trường Nguyễn-Du bây giờ, cùng một lớp với Tú Mỡ Hồ-trọng-Hiểu.

— Trong khi nói chuyện với ông Tú Mỡ, chúng tôi có được nghe nhà thơ trào-phúng này nói đến tiên-sinh nhiều lần, thứ nhất là về thời-kỳ học trường Bưởi, chắc quãng đời ấy có nhiều cái lý thú ?

— Phải, tôi học với ông Hiếu từ năm ấy cho đến hết bốn năm trường Bưởi... Ngay ở trường Hàng Vôi, ông Hiếu là một học-trò nhỏ nhất lớp, rất thông-minh, có cái tính tình nghịch, tự chủ, ... trên hết bạn đến thầy. Sau này, ông trở nên một nhà thơ trào-phúng cũng không lấy làm lạ...

Sau khi đỗ bằng sơ-học, tôi vào trường Bưởi vẫn được là học-trò khá quốc-văn. Ngay từ năm đầu, chúng tôi đã chuyên luyện tập Pháp-văn và quốc-văn chăm lắm.

Về Pháp-văn, chúng tôi được cụ Dufresne — chúng tôi vẫn gọi là cụ « Phên » — cụ là một giáo-sư có đặc tính của một nhà thông-thái, một triết nhân. Cụ có những phương-pháp dạy văn-chương riêng của cụ. Một bài ám-tả với ba câu mà cụ giảng hết ngày ấy đến ngày khác, ai chịu khó học có thể hiểu rất rõ về văn-phạm. Cụ

biết chữ Nho, giỏi tiếng Nam, rất thông thạo về phong-tục, lịch-sử, địa-dư của ta. Tôi thường được cụ dắt về các vùng nhà quê. Có kỳ nghỉ hè đi luôn ba bốn tuần-lễ. Gặp một ngôi chùa cổ, một cảnh nhà quê cụ thích, cụ đứng hàng giờ ngoài nắng, cụ vẽ... Vẽ thấy chưa đủ tả hết cái tinh-thần của nó, cụ ghi chép. Đến bữa, đói, cụ cũng ăn cơm an-nam, hoặc vào chùa kiếm phẩm oản quả chuối, ăn thế là đủ.

Nhà cụ là mấy túp lều tranh ở bờ hồ Tây. Cụ tưởng ở giản-dị thế cho hợp với tư-tưởng của cụ, không ngờ có hại cho cụ không biết bao nhiêu. Nhà cụ cháy, tất cả tài-liệu của cụ sưu-tập được cháy hết. Cụ chán-nản, buồn rầu.

Tôi học chữ Pháp cụ. Chữ tôi học có lẽ không đáng kể bằng cái phương pháp làm việc của cụ mà tôi lĩnh-hội được.

Về Việt-văn, chúng tôi có các giáo-sư như cụ Huân Đan, cụ Bảng Mộng, cụ Tú-Tiếp... Các cụ tuy dạy chữ nho, nhưng thường khuyến-khích chúng tôi về quốc-văn nhiều lắm. Trong những giờ học, không những các cụ dạy về văn quốc-ngữ mà còn giảng về văn-hóa cho chúng tôi nghe. Thứ nhất

là cụ Huấn Đan — cụ đã qua Trung-hoa, Nhật-bản — cụ là một bậc học rộng, biết nhiều, lại có tâm-huyết đối với tiền-đồ quốc học. Thường cụ cho chúng tôi đến nhà cụ, một cái gác con ở đường Yên-phụ hầu chuyên cụ. Những câu chuyện thân mật ấy đã bổ ích cho chúng tôi hơn là những bài học ở trường, đã làm cho chúng tôi biết yêu cái văn-hóa cũ của nước nhà . . .

Trong số bạn học chúng tôi, có mấy anh em mà anh Nguyễn-Pho là một, rất thích quốc-văn, chúng tôi cùng nhau luyện tập, có khi quên cả các bài khác ở trường. Bao nhiêu văn thơ nôm cổ, những truyện Kiều, Phan-Trần. chúng tôi thuộc gần hết. Chúng tôi lại học thêm chữ nho, đọc thêm sách nho nhiều. Gặp kỳ thi Hương cuối cùng ở trường Nam, các thầy và các bạn bảo tôi lều chiếu một phen, nhưng tôi không dám thử.

— . . .

— Riêng về tôi, thường làm bài luận nào cũng được các cụ giáo khen, được đem đọc cho cả lớp nghe. Không những thế, có bài của tôi truyền từ lớp nọ đến lớp kia, có khi hàng tháng mới thấy nó

giở lại với mình, lúc bấy giờ thì giấy đã nhàu. Nhiều bài sửa qua-loa rồi, các bạn đem đăng báo, dưới ký tên » Song-An ». Đại - khái như bài « Cảm-tình đối với phong - cảnh hồ Tây » là một bài luận làm ở trường mà hiện nay tôi còn giữ được.

Vì lúc nào tôi cũng giữ được dáng-diệu điềm-tĩnh, nên anh em trong trường tin yêu, không có mấy việc quan-hệ mà không hỏi đến tôi. Những công việc xã-hội trong cái xã-hội nhỏ là trường Bưởi, phần nhiều có tôi dự.

Năm tôi học năm thứ tư thì trong trường có một anh nghèo quá, phải làm thuê cho nhà người ta lấy cơm ăn ; đi học về, anh phải làm-lụng vất vả. Việc đến tai bà đốc Donnadien. Bà cho anh vào làm lưu-học-sinh, nhưng không bắt trả tiền, vì sự đối đãi đặc-biệt ấy mà trong trường có người khinh anh, thứ nhất là một ông giám-thị. Có lần, ông này làm nhục anh ta. Các bạn xúm lại phản-đối. Rồi từ tháng ấy, anh em người một hào, người dăm xu, góp lại đủ tiền cơm tháng cho anh ta.

Nhân việc ấy, chúng tôi nảy ra ý lập một hội gọi là « Tân cựu học-sinh ái-hữu », mục

đích giúp đỡ anh em. Tôi được bầu làm hội-trưởng trong ban trị-sự tạm thời, lập một khán đài trong vườn trường lên diễn-thuyết cổ động cho hội. Bài diễn-thuyết được hoan nghênh. Ngay sau cuộc diễn thuyết, số học - sinh xin nhập hội có đến ngót nghìn người.

— ...

— Hội làm được nhiều việc hay. Tôi còn nhớ một anh học rất giỏi, nhưng nhà nghèo quá. Anh được phần thưởng, mấy ngày sau được ra nhà hát tây lĩnh, nhưng quần áo rách tơi. Hội may một cái áo trắng dài, và khi vắng anh, anh em để áo ấy vào trong tư bàn với mấy chữ « Hội biến anh đề mai anh mặc ra lĩnh thưởng. Sau hội bị giải tán vì chúng tôi chưa đến tuổi diễn khiến một hội như thế.

— *Nghĩa là tiên-sinh bắt đầu làm việc xã-hội và làm văn từ khi còn là một học-sinh trên trường Bưởi ?*

— Vâng, hồi đó chúng tôi rất hăng hái, sốt-sắng về công việc xã-hội: nhất là đối với bạn nghèo, những người thất học hoặc những người phải chịu mọi nỗi bất công. Chúng tôi có những cái ngưỡng vọng viên-vông, ngây thơ mà cảm-động của tuổi thanh

niên. Có lẽ chúng tôi được cái ảnh-hưởng xinh đẹp của trường Bưởi bên cạnh hồ Tây nên việc làm của chúng tôi được nhiều người đề ý.

Lại thêm mấy bài văn đăng báo, mấy cuộc thi thơ, v. v. . nên nhiều người biết đến. Những anh « tai mắt », mỗi anh có một tên hiệu. Anh em cứ thường gọi tôi là Song-An, ít khi gọi đến tên chính.

Hồi này là buổi thiếu thời để lại cho tôi rất nhiều tình-cảm, rất nhiều di-tích êm đềm đối với thầy, với bạn. Có lẽ nó hơn hết cả những lúc khác ra đời, nên khi xa trường, có dịp nhớ đến cảnh cũ người xưa là tôi nhắc lại.

Nói đến đây, tiên-sinh đọc một câu tá trong quyển tiều-thuyết *Tổ-Tám* :

« Tôi nhớ khi còn học trường Bưởi bên cạnh hồ này, chiều chiều tan học, mấy anh em ra đứng bờ hồ, ném thia-lia, thả thuyền giấy, chơi đùa hôn-hở, phong-cảnh xem như bỡn-cợt với mình, mà hôm nay vẫn mặt nước kia, vẫn da gòai ấy, núi Tam-đảo vẫn lơ mờ dàng xa, chiếc thuyền ván vẫn từ từ qua lại... »

Sau khi ở trường Bưởi ra, tôi vào học ban văn-chương trường Cao-đẳng sư-phạm.

Ở trường này, công việc văn-chương — thứ nhất là Việt-văn — có phương hướng hẳn. Chúng tôi ít làm thơ, chuyên viết văn xuôi, hăng hái nghiên-cứu tìm một lối đề dung hòa hai văn-hóa Đông Tây ; nói hẹp lại là hai văn-hóa Pháp-Việt, trong phạm-vi văn-chương, luân-lý, giáo-dục... Khi làm việc, chúng tôi luôn luôn được trực tiếp với các bậc đàn anh : cụ Vĩnh, cụ Quỳnh, cụ Tố, v.v... Ở trường Bác-cổ, chúng tôi đề bạn Nguyễn Pho ; ở Nam Phong, bạn Hoàng tích-Chu. Tuy bận nhiều công việc trong trường, chúng tôi vẫn giúp mấy tờ báo. Hồi đó, tôi viết nhiều trong các báo chí, nhất là Nam Phong, đã có nhiều cuộc bút chiến về tư-tưởng Đông Tây. Cái đề mục « *Văn-chương với nữ-giới* » kéo dài ra đến mấy tháng.

— . . .

— Về Việt-văn, chúng tôi được học cụ Bảng Kỷ. Cụ hết sức khuyến-khích. Cụ là bậc cụu nho, nhưng có tư-tưởng mới, phương-pháp giáo-dục mới. Cụ giảng bài như nói chuyện chơi và đối với học trò thân như bạn.

— Trong số những anh em trong trường có xu-hướng về văn-học, ngoài tiên-sinh. . .

— Hồi học, tôi có người bạn đồng tâm là anh Lê Hữu-Phúc, anh cùng học ban văn-chương với tôi, anh cũng có những chí-hướng, cũng bằng hái như tôi...

Tốt nghiệp trường Cao-đẳng, tôi ra dạy học; anh Phúc vào làm nhà học-chính Đông-dương. Được ít lâu, anh sang Pháp học, cũng học ban văn-chương. Sau khi đỗ cử-nhân, anh học thi tiến-sĩ; mục-đích chưa đạt, anh đã mất. . . Nếu anh không xấu số, anh là một người có thể giúp ích nhiều cho văn-chương Việt-nam.

Tiên-sinh vừa kể cho chúng tôi vài kỷ-niệm của tiên-sinh với Lê-Hữu-Phúc, vừa đưa cho chúng tôi xem một bức thư màu xanh đã phai nhạt:

« Đông năm Kỷ-tị, ngày 5, tháng 11 (5-11-1929).

« Ông Song-An ơi, tin đau buồn quá, chắc lòng ông mấy buổi nay xao-xáo đã nhiều.

Thôi! Còn nói gì được nữa. Tôi gửi mảnh giấy này đến ông, cũng chẳng qua gửi ông giọt nước mắt của người bạn gái mất Lê Hữu-Phúc mà thôi.

Trong bức thư dài ông Phúc gửi cho tôi tháng trước đây có nhắc đến ông T... và ông. Vây giọt lệ thương tâm của bạn

gái này cũng xin hòa cùng hai ông đề khóc người bạn đáng thương, đáng tiếc chung là Lê Hữu-Phúc, từ đây không bao giờ ta còn được gặp nữa.

« Trời tây thăm thăm, mấy vạn trùng dương, Lê-quân một bước chân ra, ai hay lối thiên-cổ đi về nẻo ấy ! Ông Song-An ơi ! Thật không ngờ mà ta mất người bạn ấy.

« Thôi ! Tiếc thương mấy nữa cũng là thôi ! Ông Phúc mất đi, để lại bạn cũ gần xa biết bao tấm lòng từ đây vắng vẻ.

« Khôn ngoan chi lắm đề mau già !

« Nghĩ đến cái đời sống lênh-đênh, chết lênh-đênh của Lê Hữu-Phúc mà thương !

« Thương lắm thay ! Bạn ơi !

« Cht làm trai chưa thỏa, u hồn đất khách hận bao thôi ! »

« Một người bạn gái »

Nhớ ngày nào tôi vừa gửi cho anh Phúc một tấm ảnh mà anh bắt tôi phải có mấy câu thơ. Tôi đề rằng :

« Gửi sang cho bác một Song-An,

« Ngày vắng đêm khuya bác luận bàn.

« Bút sắt chọc giờ ai có hỏi,

« Rằng tôi với bác ở trần-gian ».

Nay anh đã mất !

Cái chết của anh làm mất của tôi một người bạn đồng chí rất thân yêu. Không những thế, khi anh dự-bị làm luận-án thi tiến-sĩ văn-chương, tôi gửi sang cho anh rất nhiều tài-liệu về văn-hóa Việt-nam. Anh mất trong một bệnh viện, từ cổ vô thân, nên đồ đạc của anh mất cả, những tài-liệu của tôi cũng mất. Sau nhiều lần tôi nhờ người tìm hộ, nhưng không thấy.

— Ngoài sự đào-tạo của nhà trường, về văn-chương và tư-tưởng, tiên-sinh còn chịu những ảnh-hưởng nào ?

— Tôi sinh-trưởng ở một đất văn-vật, ngay từ bé, việc văn-chương thi-cử là câu chuyện hàng ngày. Khi tôi ở nhà, tuy quốc-văn chưa được đề ý đến, nhưng những chuyện văn-hóa — thứ nhất là những giờ cụ tôi giảng cổ văn cho nghe — có lợi cho tôi nhiều lắm.

Những ngày học trong cái tuổi anh-niên đã tạo cho tôi một cái cốt nho học. Xung quanh cái cốt ấy, sau này, trong một trường chuyên về văn-chương, chúng tôi xây đắp tư-tưởng với những tài-liệu nhật trong văn-chương Pháp.

Chúng tôi nhờ có những giáo-sư chuyên-

môn dạy bảo, đọc rất nhiều sách của các văn-nhân và thi-nhân Pháp. Mà càng học, càng thấy cái rùng bực bao-la man-mác; mình thì như một người trẻ tuổi nhiều trí ham muốn quá, thấy cái gì đẹp, cái gì hay đều muốn vơ lấy cả.

Chúng tôi đọc Bourget, Barrès... nhưng thích nhất là những văn-gia, thi-sĩ về thế-kỷ thứ XVIII và XIX : Rousseau, Chateaubriand và bốn thi-sĩ mà chúng tôi gọi là « tứ trụ », tức là : Lamartine, Hugo, Musset và Vigny.

— *Sau này, tiên-sinh là một nhà văn trữ-tình không phải là lạ.*

— Những thi-gia này hợp với tâm-hồn thanh-niên ta bấy giờ, cái tâm-hồn do thời thế tạo nên : chúng tôi đang ở vào một buổi giao-thời, tựa hời Lê-mạt, Trần-suy ở bên ta và sau hời đại cách-mệnh về thế-kỷ thứ XVIII bên Pháp.

Đọc văn quốc-ngữ, chúng tôi chỉ có những bài thơ than về quốc-vận mà tác-giả là những người ôm chủ-nghĩa yếm-thế vào hời 1904 đến 1925.

Nhưng phải nhận điều này :

Ở mỗi thanh-niên hời bấy giờ có hai sức mạnh phản-động : sức mạnh của tình-cảm

và lý-trí. Sống cuộc đời bên trong thì sống với tình-cảm, nhưng khi hành-động thì hành-động theo lý-trí. Trong những cuộc đàm-luận, những cuộc bút chiến của chúng tôi, sự xung-đột ấy, có thể nhận thấy rất rõ-rệt.

Mà phải thế mới được. Sống với tình-cảm là cần cho tâm-hồn, nhưng nếu cứ miên-man với tình-cảm thì còn làm gì được đề lợi cho văn-chương, tư-tưởng.

— Vì vậy mà ở sự-nghiệp của mỗi nhà văn, ta phân-biệt hai phần, một phần khó khăn tìm thấy trong những bài nghị-luận về những vấn-đề văn-học, triết-học, luân-lý, tức như tập « Thời-thế với văn-chương » — một phần trửu-linh tìm thấy trong những tiểu-thuyết, du-ký, thơ phú, v. v... — tức như quyển « Tổ-Tâm » của tiên-sinh.

Tiên-sinh là đại-biểu không những cho những văn-gia, thi-gia, mà cả cho cái thế-hệ thanh-niên hồi bấy giờ !

— Sự nhận xét ấy có lẽ đúng.

— Tiên-sinh cho biết về tiểu-thuyết Tổ-Tâm.

— Tiểu-thuyết « Tổ-Tâm », tôi viết trong trường Cao-dẳng. Hồi ấy, tôi có mục-dích viết một quyển tiểu-thuyết khác hẳn những

tiểu-thuyết đã có, cả về hình-thức và tinh-thần. Về hình-thức, chúng tôi xếp đặt theo những tiểu-thuyết mới của Pháp, lối kể chuyện, tả cảnh, theo văn-chương Pháp cả. Về tinh-thần, chúng tôi đem vào những tư-tưởng mới, tâm-lý nhân-vật được phân-tách theo phương - pháp của những nhà tâm-lý tiểu-thuyết có tiếng đương thời.

— *Quyền Tổ-Tâm là quyền tâm-lý tiểu-thuyết đầu tiên của ta. Nó mở một kỷ-nguyên mới trong lịch-sử của tiểu-thuyết*

— Có nhẽ thế. Nhiều nhà phê-bình cũng công-nhận như vậy.

— *Tiên-sinh viết quyền ấy có dễ-dàng không?*

— Dễ-dàng, tôi viết trong hơn một tháng. Hồi ấy, tài-liệu, chúng tôi sẵn cả : những bức thư tôi cần cho tiểu-thuyết, chúng tôi có sẵn ; chuyện cũng có sẵn, chỉ việc dàn xếp, thêm bớt đi ít nhiều là tiểu-thuyết của tôi đã xong rồi.

—

— Nói thế không phải tiểu-thuyết của tôi là một truyện thật một trăm phần trăm như nhiều người đã bảo. Họ cứ cho *Tổ-Tâm* là người ở phố này, phố nọ . . . Ngay khi tôi còn ở trường Cao-đẳng, nhiều bạn hỏi tôi : « *Tổ-Tâm* là ai ? » Tôi chỉ cười mà không

đáp. Có nhiều lần, các bạn tinh nghịch giấu những vật thiết dụng hàng ngày như sách vở, quần áo, có khi giấu cả bài luận Pháp-văn sắp phải nộp đề « bắt cóc tội » phải nói Tổ-Tâm là ai... Lại sau này, một hôm thầy hội chùa Hương, mười mười lăm anh em thư-sinh đương lênh đênh trong hai chiếc thuyền trên sông Phủ - lý. Đêm khuya, trăng sáng, các bạn đang cùng nhau ngắm cảnh, một bạn ngâm một câu trong truyện : « Mệnh-móng sóng dợn chân giời », « Ấy ai du-tử, tức người đào-nguyên »... Một bạn nhớ ra, đề-ngợi : « Đem ngâm Song - An xuống nước, khi nào cho biết hết chuyện thật về Tổ-Tâm mới cho lên, ... »

Nhân đây, tôi xin trả lời chung các bạn đọc thân yêu. Chuyện đời có đâu giống hẳn như tiểu-thuyết. Người chép truyện tất phải thêm bớt ít nhiều cho truyện có mạch-lạc, có cấu kết. Nhưng chép tâm lý mà lại bịa truyện ra thì không có nghĩa lý gì cả. Đã là phân khảo một việc ở cõi lòng thì việc đó tất phải hiển-hiện, nhân-vật phải có thật, và những điều phát-động như thư tín, văn thơ trong truyện đều phải có. Nếu không, câu chuyện của mình

chỉ là một lân-dài bằng giấy dựng ở quảng không-gian, đứng vững sao được với gió mưa, ngày tháng? Tóm lại, truyện Tổ-Tâm có thật, nhưng không thật hẳn trăm phần trăm.

— *Tiên-sinh có thể cho biết dư-luận đối với quyền Tổ-Tâm khi mới xuất-bản.*

— Có lẽ nó ra đời vào lúc người mình đang chờ một tiểu-thuyết như thế. Tiểu-thuyết của tôi được mướn chôn. Có nhiều người tôi tưởng không khi nào đọc đến sách mà cũng hỏi tôi. Người ta nói đến tôi luôn ở chỗ đông người, có ai nói đến tên tôi là thấy nhiều người thì thảo. chỉ trở, nom hình như tôi đã phạm một lỗi gì. Người ta giới-thiệu tôi, thường chỉ nói đến tên quyền sách. Hồi đó, tôi nhận được rất nhiều thư của các độc-giả : người hoan-nghehnh cũng lắm ; người công-kích cũng nhiều. Phái thứ hai này, phần đông là các ông thủ - cụ, người ta ché phần luân lý của quyền truyện và kết câu quá buồn.

Ông tỉnh, một quyền sách kiệt-tác như quyền *Kiểu* mà người ta còn cho là dẫu, thư, hưởng chỉ quyền *Tổ-Tâm*, không trách có người cho là « vô-đạo »

Nhưng dư-luận bây giờ khác hẳn, phần luân-lý người ta không đề ý nữa, cho là một việc rất thường như trong tiểu-thuyết Âu-tây. Người ta tìm thấy trong *Tổ-Tâm* có nhiều quan-niệm về tư-tưởng, văn-chương khác, can-hệ hơn, đó là một thâm ý của tác-giả mà bây giờ nhiều nhà phê-bình đã chú ý phân-khảo ra. Hiện nay, tôi đã thấy ở các bậc trung-học, cao-học đem giảng thuyết quyền truyện đó. Và mới đây, tôi nhận được thư của nhà học-chánh Đông-Pháp hỏi về quyền này.

— *Quyền Tổ-Tâm xuất-bản được mấy lần ?*

— Bốn lần tất cả, không kể lần in vào tập kỷ-yếu của hội sinh-viên trường Cao-Đẳng. Lần thứ nhất do nhà in Chân-Phương xuất-bản, cách trình bày hồi đó còn vụng-về; mấy lần sau do nhà Nam-Ký xuất-bản. Lần in ở nhà Trung-Bắc được ông Đỗ Văn trông nom nên sách rất đẹp. Ông Văn thật có biệt-tài về nghề in.

Lần thứ tư hết đã lần, tôi thường vẫn nhận được thư hỏi, nhưng mấy năm nay chưa tiện đem in lại.

— *Tiên-sinh có nhận được cái ảnh-hưởng quyền tiểu-thuyết của tiên-sinh trong văn ta không ?*

— Điều đó khó nói quá ! Tôi chỉ nhớ một lần, nhà làm báo Ngọc-Thổ gặp tôi, bảo : « Ông nhiều học-trò lắm, nhưng toàn là học trò chưa có nghệ-thuật bằng thầy ». Tôi-tưởng ông nói về học-trò trường công, sau mới biết ông nói về ảnh-hưởng quyền tiếu-thuyết Tổ-Tám ấy.

— Trong quyền Tổ-Tám, tiên-sinh hành-văn trọng cái lối cân đối, đọc lên nghe du-dương, ý của tiên-sinh đối với lối hành-văn ấy thế nào ?

— Hồi ấy, tuy ta đã học Pháp văn, nhưng chúng ta chịu ảnh-hưởng lối hành-văn của Tàu nhiều hơn. Cái điệu văn cân đối là điệu của Hán văn. . . . Ngày xưa, ta viết văn là đề ngâm to lên, làm thế nào cho khi đọc nghe du-dương là quý. Ngày nay, lúc ta viết cố ý bỏ bớt chữ cho đỡ rườm-rà, nhưng cũng đừng đi đến cái cực-đoạn thứ hai là làm nên những câu văn trúc-trắc. Văn-chương ta có một tinh-thần riêng, cần phải giữ tinh-thần ấy, bắt chước một cách triệt-đề lối hành-văn của Pháp thế nào được. Thứ nhất là văn tiếu-thuyết, cần tả tình-cảm nhiều, hành-văn thế nào đọc lên nghe êm dềm văn hơn.

— Tiên-sinh cho biết ý-kiến của tiên-sinh

đối với những nhà tiểu-thuyết ngày nay.

— Thường tôi vẫn đọc những tiểu-thuyết mới xuất-bản của ông Nguyễn công Hoan, Lê văn-Trương, v. v... Nhất là tác-phẩm của các ông Nhất-Linh và Khái-Hùng là hai nhà văn quen biết từ lâu. Các ông ấy có một nghệ-thuật chắc chắn, văn-chương mới mẻ. Ấy là nói riêng về phương-diện nghệ-thuật; về phương-diện ý-lượng, các ông ấy đứng về mặt phá-hoại, phá hết...! Bây giờ còn đương thời-kỳ « phá », chưa đến lúc kiến-thiết, nên chưa thể bình-phẩm.

— Ý-kiến của tiên-sinh về gia - đình thế nào ?

— Tôi rất lưu ý về vấn-đề đó. Bài luận án của tôi ở kỳ thi tốt-nghiệp trường Cao-đẳng sư-phạm bàn về gia-đình Việt-nam và ảnh-hưởng luân-lý của gia-đình (La famille annamite et son influence morale), lúc làm bài đó, tôi đã xem hết những sách của tác-giả người Âu trong các thư-viện nói về gia-tộc Việt-nam, Trung-hoa và Nhật-bản.

Tôi cho gia-đình là nền-tảng xã-hội. Tuy gia-đình ta cũng có nhiều điều phiền phức cần phải sửa đổi, nhưng đại-cương có nhiều điều rất hay. Những cái mà bây giờ

người ta công-kích là những chuyện nhỏ-nhen, hoặc cái biến trong cái thường; những « ca » rất ít xảy ra trong những gia - đình lục đục, rồi người ta tức giận, đem « vơ cả nắm » mà kết án gia - đình muốn đem phá-hoại nó đi. Còn những nhà khác vẫn sống một cách êm-dềm, vui-vẻ. Những điều lặt-vặt trong gia-dình thì cơ-quan xã-hội nào không có, ở đời nào, nước nào cũng vậy. Tôi trước là con em, nay là gia-trưởng, tôi chẳng thấy gì là cái khốc-hại của gia-dình. Tôi vẫn thấy nó có một cái nghĩa thiêng liêng, cái tình mãnh liệt. Hiện giờ nó là một cơ-quan của xã-hội Việt-nam để đào-luyện những đức hy-sinh, tận-tụy, làm cho người ta có thể đặt những tình bác-ái thiêng liêng trên hết những sự nhỏ-nhen và ích-kỷ.

— Có nhà phê - bình quyền Tổ - Tam, nói rằng đó là một tấn kịch gia-dình với cá - nhân và tác-giả muốn nêu lên việc cần phải chống với gia-dình, có phải thế không ?

— Không hẳn thế, trong lúc buồn-bực, cá-nhân cũng có khi trách oán gia - đình ; nhưng trong quyền Tổ-Tam, tôi muốn bày ra cái ảnh-hưởng màu-nhiệm của gia-dình.

Người trong truyện vẫn hiểu cái nghĩa hy-sinh đối với cha mẹ. Như thế là điều hay. Người ta có hy-sinh được với nhà mới tận-tụy được với nước. Thành nhân có câu : « Cầu trung thần tất do hiếu tử chi môn » (cần tới trung phải tìm ở nơi con hiếu). Tôi chưa thấy một người con bội bạc với cha mẹ mà trung-thành với nước non. Tục-trung có bọc đại trí, đại tài, quên nhà để giúp nước, đó là các ngài cho bên nợ nặng hơn bên kia, chứ không phải chê gia - đình là đời bại. Các bọc đó vẫn nghĩ đến nhà luôn, thường vẫn nén lòng tư-gia để làm xong việc nước.

Câu chuyện của chúng tôi chưa hết.

Trong mẫu giấy ghi những câu hỏi của tôi còn đến hai, ba điều... tiên-sinh còn đang giả lời cho chúng tôi tại sao sau tiên-thuyết *Tổ-Tâm*, tiên-sinh không viết nữa...

— Câu ngài hỏi đã có nhiều người hỏi tôi rồi. Có bạn cho rằng tôi đã được hoan-ngênh ở quyền *Tổ-Tâm*, sợ viết quyền khác không được bằng quyền ấy chăng... Sự thực không phải thế. Sau khi ở trường ra, đi làm ít thì-giờ quá. Khi mình đi học, cứ tưởng sau này ra đi làm sẽ có nhiều thì-giờ. Khi đi làm thì nào chức-vụ, việc

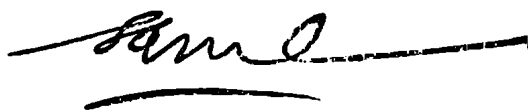
gia-đình... tôi bại, không mấy lúc có thì-giờ để nghĩ đến làm một việc công phu hàng tháng. Thứ nhất là chúng tôi ở tỉnh nhỏ, có nhiều cái bất lợi cho sự làm văn. Muốn khảo gì, sách thiếu; xung quanh mình, bạn-bè không có chí-hướng như mình, không có người khuyến-khích. Ngoài ra lại còn việc xã-hội, mình đã có chút địa-vị, không mấy việc mình có thể bỏ qua... Và chẳng sức yếu, làm việc thường đã thấy mệt, nên cũng nản viết văn. Những bài tôi viết sau này là ở các bạn bắt buộc, nhất là bạn Hoàng Tích-Chu với tờ Đông-Tây ngày trước.

Tiên-sinh còn đang nói thì một chứng cơ đột-nhiên đến cho tiên-sinh : một nhân-viên của « hội Truyền bá học quốc-ngữ » ở Hà-nội sang đề-nghị với tiên-sinh lập một chi hội ở Bắc-ninh.

Nghĩ rằng tôi ở lại có thể biết thêm được ít điều nhưng chưa chắc đã ích gì cho mọi người, mà trái lại, làm bận tiên-sinh trong công việc lập chi-nhánh « hội Truyền-bá học quốc-ngữ », một công việc xã-hội mà ảnh-hưởng lớn cho văn-chương Việt-nam, ngày nay chưa ai có thể lượng được. Tôi xin phép ra về.

Ông VŨ ĐÌNH-LONG

Ở nước nào cũng vậy,
người ta đề hết cả hi-
vọng vào những người
tướng-lai » đó. Ở họ
hay còn trong trắng,
những điều họ thấy và
họ đọc bây giờ sẽ ảnh-
hưởng mãi mãi đến
tâm hồn họ. Có người
đã già rồi vẫn chưa
quên những cảnh, những
tranh, những truyện đã
in vào tâm hồn từ lúc
thiếu thời.



NÓI đến ông Vũ đình-Long, phần nhiều ngày nay chỉ biết đến ông Vũ đình-Long nhà xuất-bản, đã gieo vào vườn văn-học ta từ tập tiên thuyết dịch của Tàu : *Thủy-Hử*, *Tam-quốc*... cho đến những áng văn có giá trị ngày nay. Ít người nhớ rằng ông là một nhà văn đã từng có công với văn-học nước nhà. Trong thời kỳ văn-học còn đang thành lập, ông là người đầu tiên đã dùng tiếng Nam sáng-tác những vở kịch mới theo thể kịch của Pháp...

Chúng tôi lại thăm ông, là để được biết riêng về cái công của ông đối với văn kịch của ta.

Chúng tôi có thư, ngỏ ý muốn được lại thăm ông, ông giả lời rất khiêm-tốn, ông

khuyến chúng tôi nên dành những câu chuyện văn-chương của chúng tôi cho những văn-hữu đã giúp tác-phẩm cho nhà xuất-bản của ông hơn là những « món đồ cổ » — ông chỉ những vở kịch « *Chén thuốc độc* », « *Tòa án lương tâm* » của ông.

« — Vâng, chính là những món đồ cổ, nhưng là những món đồ cổ quý báu. Ngày nay nó đã có một giá-trị lịch-sử. Chúng tôi muốn khảo về thẻ văn kịch trong văn chương Việt-nam cận-đại, sẽ không thể bỏ qua được những món « đồ cổ » ấy ».

Chúng tôi đã viện lẽ như vậy, và ông đã nhận lời. Ông tiếp chúng tôi ở ngay phòng làm việc của ông, văn phòng lịch-sử của một nhà in lớn và một nhà xuất-bản, những cách bày biện trang hoàng có vẻ tao nhã thuần túy Đông phương : tượng Thánh Khổng, lọ Đồng-Thanh, ký thư cổ họa v.v..

Vào truyện, ông thuật cho chúng tôi nghe việc ông đi vào Nam dự lễ khai mạc cuộc triển lãm sách báo và ảnh các văn-nhân, thi-nhân Việt-nam do một nhà sách lớn ở trong ấy tổ-chức.

— Kết-quả rất mỹ-mãn, tôi không ngờ được trông thấy cái kết-quả to tát nhường ấy, thật là đáng khen, thật là đáng mừng.

thứ nhất là sự tổ-chức chỉ do có một người mà thôi. Cuộc triển-lãm sách này sẽ có ảnh-hưởng tốt đẹp và xâu-xa vô cùng. Rồi đây, sách báo Bắc-hà sẽ vào khắp Nam-kỳ lục-tỉnh.

Đó là một sự rất đáng mừng, vì sách báo vào trong ấy càng nhiều bao nhiêu, sự liên-lạc về tinh thần của người Nam kẻ Bắc càng mật thiết bấy nhiêu... Và lại là một cách làm cho tiếng ta chóng được nhất trí nữa.

Ông còn cho chúng tôi biết về tình hình văn-học, sự liên-lạc của các nhà văn, nhà báo ở đất Đồng-Nai v.v...

Tuy câu chuyện không ngoài vòng văn-chương và không phải là không có ích, nhưng chúng tôi phải cắt đứt đề thì giờ cho những câu chuyện về kịch mà chúng tôi đã định trước.

— ...

— Tôi sinh ngày 19 tháng chạp năm 1896 ở Hà-nội. Học ban tiểu học một trường Pháp-việt rồi vào ban Trung-học một trường Pháp (Collège Paul Bert), thành thử trong thời kỳ đi học, tôi ít được luyện-tập quốc-văn.

Khi còn ở ban tiểu-học, tôi rất ham đọc

tiểu thuyết Tàu do người Nam-kỳ dịch ra quốc-văn và xuất-bản ở Sai-gòn. Tôi thích nhất là hai bộ Tam-quốc và Thủy-hử là những bộ tiểu-thuyết rất hay, từ người ít học cho đến người trí thức, ai đọc cũng phải ham... Bây giờ có người cho là về phương-diện nghệ-thuật, tiểu-thuyết ấy có những đoạn cổ không hợp thời. Phải nói là không hợp với quan-niệm về nghệ-thuật tiểu-thuyết bây giờ thì mới đúng.

Tiểu-thuyết là gì, nếu không phải là những bộ sách viết để cho người đọc, trong chốc lát, có thể thoát ra khỏi vòng thực tế, trong cái đời sống buồn tẻ này.

Quan - niệm như thế, những bộ Tam-quốc, Thủy-hử chẳng là những bộ tiểu-thuyết có nghệ-thuật, xứng-dáng để cho người ta xếp vào đệ nhất và đệ ngũ tài tử của văn-học Trung-quốc hay sao? ...

Khi đã hiểu đôi chút thế nào là văn-chương, tôi rất thích đọc *Đông-dương tạp-chí* và sau này *Nam-phong tạp chí*.

Nhân đó mà có xu-hướng về quốc-văn.

— Trong số những nhà văn thuộc thế-hệ ông — tức là cái thế-hệ 1920-1930, — mà tôi đã có dịp đi thăm như các ông Thái-phỉ, Tam-lang, Song-an, không ông nào

là không nhận được đào tạo bởi cái trường Đông-dương tạp-chí và Nam-phong tạp-chí.

— Vâng, cái công của hai tờ tạp-chí ấy trong việc vun đắp nền quốc-văn không phải là nhỏ.

— *Khi ông học ở trường, đọc những vở kịch cổ-diễn của Pháp, ông đã thấy có xu-hướng về kịch chưa ?*

— Có lẽ chưa ; tôi đọc những vở ấy cũng như các tập sách khác... Và lại hồi ấy, tuy đã có chút xu-hướng về quốc-văn nhưng có bao giờ dám hi-vọng học đề sau này làm một văn-sĩ hay kịch-sĩ.

— *Đi dạy học, ông đã khéo chọn cái « hoàn cảnh » cho sự đào luyện về quốc-văn.*

— Trong thời-kỳ dạy học, tôi rất chú ý đến việc luyện-tập quốc-văn cho học trò tôi mà tôi coi như những người thợ tương-lai của cái tàu dài quốc-văn sau này.

Tôi soạn những sách giáo-khoa bằng quốc-văn, cũng trong thời kỳ ấy và cũng không ngoài cái mục-đích đào luyện những người thợ tương-lai kia.

— *Ông cho biết về tình hình kịch của ta — kể cả lối chèo và cải-lương — trước khi có những vở kịch soạn theo lối Tây.*

— Hồi ấy chỉ có tuồng, chèo cải-lương ;

nói là « cái-lương » nhưng vẫn là những vở cũ có không biết từ bao giờ, đã diễn đi diễn lại không biết bao nhiêu lần, chỉ khác ở chỗ người ta cắt đi xếp lại làm bốn, năm cảnh... Mỗi cảnh có một bức phòng vẽ sơn; cái thì vẽ một cảnh triều-đình, cái thì rừng núi, đường đi. Nhưng một rạp hát chỉ có một số phòng nhất định, không chịu thay đổi theo vở tuồng diễn, thành ra phòng nhiều khi không hợp cảnh. Có khi diễn một tích tuồng mới bên ta, họ cho một chiếc phông họa một cảnh triều-đình thượng cổ bên Tàu; tôi còn nhớ có lần họ diễn một tích Tàu mà cái phòng lại là con đường làng Bưởi bên ta! Thứ nhất là lần nào mình đi xem cũng chỉ thấy có những bức phòng ấy, xem mãi hóa chán... Đó « cái lương hý kịch » hồi ấy là thế đấy! Giá cứ để nguyên những vở tuồng chèo cổ mà diễn, xem còn thú hơn.

— Chắc ông không bỏ qua buổi diễn kịch tối hôm chủ nhật 25 tháng tư năm 1920.

— Buổi diễn vở « Bệnh tướng » của Nguyễn văn-Vĩnh tiên-sinh, dịch vở « Le malade imaginaire » và do hội « Khai-trí Tiến-Đức » tổ-chức. Tôi vẫn rất ưa đọc những bản dịch tài tình, văn chương giản dị của Nguyễn

tiên-sinh, nên tôi rất sốt - sắng đến xem buổi diễn đó.

Nhưng đến xem thấy người mình mặc y-phục cổ của người Pháp, nói tiếng ta, điệu bộ khi thì Tây, khi thì ta, tôi không được thỏa-mãn. Lúc ra về, tôi ước ao được xem một buổi diễn kịch thuần việt-nam, việt-nam từ vở kịch cho đến ngôn-ngữ, cử-chỉ, y-phục.

— *Mong tưởng ấy sau này đã thành sự thực với vở « Chén thuốc độc » của ông, vở kịch mới đầu tiên của văn-chương ta.*

Có phải ngay sau buổi diễn ấy ông có ý định soạn vở « Chén thuốc độc » ?

Không, tôi đã soạn vở « *Chén thuốc độc* » của tôi vào những trường-hợp khác, có thể gọi là ngẫu-nhiên hơn.

Hồi ấy tôi dạy học ở Hà-dông. Mấy ông giáo trưởng tôi như ông Đốc Nguyễn đình-Thông, cụ giáo Nguyễn văn-Hùng đều là những người yêu văn-chương sách vở. Chúng tôi đặt cái lệ mỗi tháng hai kỳ, vào hai buổi tối, hội họp tại « Hồng hoa biệt thự » (Villa des Roses) của ông Nguyễn đình-Thông, uống trà và nói chuyện văn-chương. Ngoài sự đàm luận về văn-học cổ kim, về những vấn-đề quan-hệ đến nền quốc-học, chúng

tôi ai tìm được bài gì hay đều đem lại đọc cùng nghe.

Năm ấy là 1919 hay 20, hội « Nông công thương » được chính-phủ cho phép xuất-bản tạp-chí « *Hữu-Thanh* lấy hữu-ái làm chủ nghĩa », mục đích là « du dịch cái tinh-thần hữu ái trong đồng-bào » ; và do tạp-chí *Hữu-thanh* mà anh em đồng chí lập nên « Ích-hữu thư-xã, mở tòa tu thư, lập ấn-quán » làm việc trước-thuật, xuất-bản và ấn loát, « ghé vai vào giúp một phần việc văn-học trong quốc dân ».

Chúng tôi hoan-nghehnh hội « Ích-hữu » lắm, cụ Nguyễn văn-hùng và tôi có vào mấy cỗ phần. Hơn nữa, tuy tài còn mọn, tôi cũng muốn giúp vào sự biên tập tạp-chí « *Hữu-Thanh* ». Tôi viết kịch « *Chén thuốc độc* », đem đọc ở Hồng-hoa biệt-thự, được các bạn nhà giáo khen ngợi và khuyên nên gửi đăng *Hữu-Thanh*.

Sau khi gửi đi được mấy hôm, tôi được hân-hạnh tiếp Tản-Đà tiên-sinh, hồi ấy giữ chức chủ-bút tạp-chí *Hữu-Thanh* và một ông Tú cùng đi với tiên-sinh. Hai ông cất công từ Hà-nội vào thăm, mục-dịch chỉ để cho tôi biết là nhận được vở kịch của tôi, « tòa báo đã họp nghe đọc » và ai nấy

đều hoan-nghênh. vở kịch sẽ đăng vào tạp chí. Hai ông ở lại chơi đêm chuyện trò, sáng hôm sau mới ra về.

Sau khi đăng vở kịch được ít lâu, hội « Nông công thương đồng nghiệp » diễn lần đầu tiên đêm 22 Octobre 1921 tại nhà Hát tây Hà nội lấy tiền giúp trẻ mồ côi.

Trước khi mở màn, ông Nguyễn huy-Hội hội trưởng hội N. C. T., ông Dương như-Tiếp, hội trưởng hội đồng diễn kịch, có đọc diễn văn tỏ rõ mục đích buổi diễn ấy. Các ông không quên giới-thiệu với quốc-dân việc cải lương hí kịch, đại khái nói cái hí trường của ta từng diễn theo lối hát cổ của tiền nhân ta để lại, đem những diễn cổ xưa ra mà phác lại trên sân khấu... lối ấy mập mờ không có gì là tả chân, là hợp với thời đại, phong tục... nay cần phải cải cách, phải đem những cảnh thực có ở xã hội ta ra mà diễn.. mới mong bổ ích cho phong hóa.

Rồi ông giới-thiệu vở kịch của tôi.

— . . .

— Buổi diễn do bà Thống-sứ Monguillot chủ tọa, có phường nhạc tây và hội nhạc Trĩ-hòa giúp vui. Người đến xem đông lắm, vé không còn để bán. Các tài tử luyện tập rất công phu nên luôn luôn được khán-giả

vỗ tay hoan nghênh.

— Ông còn nhớ ai đóng những vai trong vở kịch ?

— Tôi cũng không nhớ hết, đại khái nhớ mấy bạn đóng vai chính :

Bà Thịnh	đóng	Cụ Thông
O. O. Nguyễn đình Kao	—	Thầy Thông Thu
Nguyễn mạnh Bằng	—	Giáo Xuân
Nguyễn Thống	—	Cậu ấm sát

Trong các vai trò, có ông Nguyễn đình Kao thủ vai thầy Thông Thu diễn hay nhất. Ông đóng rất tự nhiên, khi ông khóc trên sân khấu, nước mắt chan bòa, làm cho nhiều người đi xem cũng khóc theo. Một người Pháp đi xem hôm ấy bình phẩm về buổi diễn đại khái nói :

« — Tôi sang An nam đã 20 năm, khi tôi mới sang chưa thấy gì là tiến bộ, mà nay thì hình như đã theo văn-minh Âu-châu nhiều lắm... Riêng về đóng kịch, như người đóng vai thầy Thông Thu thì chẳng kém gì bên Tây... Tôi tưởng cứ lấy tích Annam như tích này mà diễn còn hơn những kịch Tây vừa khó diễn vừa không hợp với phong hóa An-nam ».

Buổi diễn này sau có thuật trong một số

tạp-chí Hữu-thanh

—...

— Ban kịch xuống diễn tại rạp Hát Tây Hải-phòng, rạp hát Hàng Rượu Nam-định, lần nào tôi cũng đi xem và thấy đâu đâu cũng được khán-giả hoan-nghênh.

Về sau « Chén thuốc độc » có diễn tại nhiều tỉnh Bắc-kỳ. Trung-kỳ và Ai-lao. Nghe có diễn cả trong Nam-kỳ thì phải.

— *Bản kịch của ông, có người đã dịch ra Pháp văn ?*

— Có, ông G. Cordier, chánh phòng dịch tại tòa Thượng-thẩm, một người có công với văn-học ta, đã dịch « Chén thuốc độc » đăng vào tập kỷ-yếu của hội Trí-Tri và năm 1927 thì in thành sách. Sau này ông có in toàn bản vào tập « Khảo cứu về văn-chương Việt-nam » (Etude sur la littérature annamite) của ông.

Bên cái phần khán giả hoan nghênh, trong báo chí bấy giờ có ai công-kích nó không ?

— Tôi nhớ khi diễn vở « Bệnh tương » của ông Nguyễn văn - Vĩnh, có một số người trong ấy phần nhiều là trí thức tân học đứng lên phản đối ; họ theo thuyết của Rousseau cho rằng kịch sẽ làm hại cho luân-

lý chứ không giúp ích gì cho sự tiến-hóa của ta.

— Có lẽ không, khi vở kịch của tôi ra đời thì hình như dư-luận đã sáng-suốt hơn, người mình đã hiểu thế nào là kịch. Vả lại vở của tôi có gì là hại cho luân-lý ; trái lại tôi đã đem lên sân-khấu tất cả những cái điều đúng mà sự chơi-hời có thể đem lại cho một thanh-niên không biết phận sự. Tôi đã đem bày ra tất cả sự tai-hại có thể đến cho một bà già quên cả phận sự làm mẹ vì ham mê đồng bóng.

Tôi tưởng đứng về phương-diện luân-lý, vở kịch của tôi không có gì là đáng đề cho người ta công kích.

—...

— Tôi không ngờ tác-phẩm đầu tay của tôi được hoan nghênh, khi ấy tôi còn ít tuổi, có lúc tưởng mình đã thành văn-sĩ, kịch-sĩ thật rồi.

Tôi cao-hứng viết bi-kịch « *Tòa án lương tâm* », « *Tây sương lân kịch* », ngoài ra có viết các bài luận-cáo đăng Hữu-Thanh và Nam-phong.

—...

— Vở « *Tòa án lương tâm* » là vở bi-kịch đầu tiên cũng như vở « *Chén thuốc*

độc » là vở hí kịch đầu tiên, nếu tôi không nhớ sai.

Vì vở « Tòa án lương tâm » khó diễn, và thứ nhất là vì những việc diễn kịch tay có sự lôi-thôi về tiền bạc cho nên tôi không muốn cho diễn vở này. Vì những lẽ đó, ở trang cuối vở kịch, tôi đã có mấy lời cùng bạn đọc.

— Sau những vở « Chén thuốc độc » và « Tòa án lương tâm », có nhiều người soạn theo những lối kịch ấy không ?

— Cũng có nhiều cuộc diễn kịch, nhưng hình như không có bóng vang mấy.

— Ông cho biết ý-kiến của ông về thể văn kịch ?

— Kịch độc khó hơn tiểu thuyết, cho nên người mình ít đọc. Vả lại một vở kịch soạn ra là dễ diễn chứ không phải dễ đọc, mà trong kịch trường còn hiểm nhân tài thì thể văn kịch thể nào cũng tiến chậm hơn các thể văn khác. Tuy vậy, ngay bây giờ ta đã có thể nhìn nó bằng con mắt lạc quan. Các ông Vi-huyền-Đắc, Tương-Huyền, Đoàn phù-Tứ là những kịch-sĩ có tài. Tác-phẩm của các ông ấy đáng chú-ý lắm.

— . . .

— Thanh-niên ta ưa xem chiếu bóng hơn xem kịch, một đấng thì vì nhiều vở kịch diễn dở làm cho người xem chán, không muốn xem; một vở kịch hay mà diễn dở cũng không xem được huống hồ những vở kịch đã dở, người đem diễn lại dở lắm; một đấng thì nghệ thuật chiếu bóng tiến nhanh quá, tất cả những mảnh khoe văn-minh được ứng dụng để làm tăng cái giá-trị của chiếu bóng. Trong những cuộc đàm luận tôi cũng thường được nghe người ta nói chiếu bóng sẽ giết chết kịch, nhưng theo ý tôi thì mỗi lối có một cái hay; nói lúc nào số người thích xem kịch cũng ít hơn số người xem chiếu bóng có lẽ mới đúng sự thực.

— Ý ông đối với văn-chương Việt-nam hiện thời thế nào?

— Trong mười năm nay, văn-chương ta tiến nhanh quá, bước tiến bộ của nó từ 1930 đến nay dài hơn bước tiến của nó trong một thế-kỷ về trước. Bây giờ ta có những nhà tiểu-thuyết có những tác-phẩm không kém gì tác-phẩm của Âu-châu. Mà tôi tin nó còn tiến nữa. Chúng ta đã ở trên một cái đà rồi.

— Ông có định viết một vở kịch nào khác?

— Từ năm 1925, tôi dời ra Hà-nội, lập Tân-dân thư-quán. Từ đấy, bận việc kinh doanh, tôi không viết gì nữa.

Sau này, từ ngày xuất-bản báo *Tiểu-thuyết thứ bảy*, tôi thấy nhiều văn-hữu có tài, tôi chỉ muốn đem văn tài của các văn-Lưu giới thiệu với quốc dân ; tôi chuyên tâm làm việc xuất-bản, chẳng nghĩ gì đến « món đồ cở » là « *Chén thuốc độc* » và « *Tòa án lương-lâm* » của tôi. Tôi cũng không có ý viết gì bây giờ, tôi mong khi thật hưu-trí — bây giờ tôi là một giặc-học hưu-trí, nhưng còn là nhà xuất-bản tại chức — tôi sẽ lại được viết, vì tôi cho rằng không có gì thú bằng viết văn.

Ít lâu nay, tôi không viết đề chuyên tâm làm việc xuất-bản. là vì tôi nhận thấy rằng việc xuất-bản cũng rất cần cho văn-học.

Ông vừa nói đến đây, ông và tôi cùng vô-tình nhìn xung-quanh và phòng bên cạnh. Trông thấy những chồng báo, những đồng tạp-chí, sách vở xếp nằm la liệt chờ giờ gửi đi khắp nơi, từ thành-thị đến hang cùng ngõ hẻm, tôi có những cảm-tưởng mâu-thuẫn.

Đáng lẽ tôi phải hỏi ông những điều về công việc xuất-bản, cũng là những công

việc có tính cách văn-học. Nhưng không phải là việc của tôi lúc này, vì tôi đã định dành riêng những câu chuyện hôm nay cho văn kịch.

Xin hẹn đến một giờ khác.

Ông Tú·Mỡ HỒ TRỌNG-HIỆU

Triết mặt vàng Thô, chân mố dơi!
Hoa như kén thắm, lá không tươi,
Gió buồn với nước, trời gay gắt,
Chim hót, toàn nghe giọng mưa mai.

Đi Pro

TÚ-MỠ ở một biệt-thự trên con đường Láng, cách Hà-nội sáu bảy cây số. Một biệt-thự nhỏ được chủ-nhân làm đóm cho bằng sự chăm nom tỉ mỉ hơn là bằng những sự phở bầy lòe loẹt.

Mấy gian nhà gạch cao ráo, thừa ánh sáng, xung quanh đủ các thứ cây cối...

Chúng tôi qua ngưỡng cửa, còn đang hỏi thăm thì thi-sĩ ở trong vườn đã vòng theo trái nhà ra tiếp chúng tôi.

Ông mời chúng tôi vào nhà, đi thay bộ cánh làm vườn gồm có cái áo ngắn đứt trong quần, một cái quần nhét trong đôi nịt. Nếu ông cứ để bộ cánh ấy tiếp chúng tôi, có lẽ lý thú hơn...

— *Chúng tôi lên gặp cậu ông cho chúng tôi*

được biết « một vài câu chuyện » về ông và văn-nghiệp của ông, sau này có thể làm tài liệu cho cuốn sử văn-học Việt-nam cận-đại.

Nghe câu hỏi của chúng tôi, ông nhìn chúng tôi, tỏ vẻ e ngại. Lần này không phải là lần đầu chúng tôi nhận thấy sự e ngại ấy ở một nhà văn mà chúng tôi đến « phỏng-vấn ». Các ông ấy viện lẽ rằng mình chưa có tiếng, hoặc có tiếng không biết cái tiếng ấy có còn mãi không. Công việc của chúng tôi làm sợ sớm quá.

Sau một hồi chúng tôi giải rõ ý nghĩa việc làm của chúng tôi, ông chậm-rãi :

— Tôi sinh ngày 14 tháng ba tây năm 1900, tức là ngày 14 tháng hai năm Canh-tí ở phố Hàng Hòm Hà-nội.

Lên năm tuổi, ông nội tôi võ lòng dạy tôi học chữ nho. Tuy bấy giờ phong-trào học chữ tây đã lan rộng, nhưng ông tôi bảo rằng học võ lòng phải học chữ thánh hiền trước, rồi sau muốn học gì thì học.

Tôi học ông tôi vừa hết pho « Tam tự Kinh », sau pho « Dương liết », thì ông tôi mất. Bấy giờ thầy tôi mới cho đi học chữ tây, bắt đầu học a, b, c tại trường cụ giáo Quý, tức là thầy học đầu tiên dạy tôi quốc-

văn vậy.

Học cu được một năm thì thầy tôi xin cho tôi vào trường nhà nước, tức là trường Hàng Bông (bây giờ là hiệu cao-lâu Tự-Hung)

Sau ra trường Hàng Vôi học cho hết lớp nhất, đậu bằng Sơ-học Pháp-Việt năm 1914 với con số 1 đối với toàn xứ Bắc-kỳ.

-- Khi ấy, ông đã thấy có xu-hướng về quốc-văn, thứ nhất là về thi ca chưa?

— Có lẽ chưa. Thời-kỳ ấy và sau này vào trường Bưởi cũng vậy, tôi chỉ là một người học-trò ranh mãnh, nghịch ngợm... Trái với những học-trò chữ nho, vừa nhu mì, vừa lễ phép, tôi nghịch ngợm có thể là biểu-tượng của học-trò chữ tây. Nghịch ngợm và ham chơi đến nỗi chỉ trong một năm, bị mất học-bổng.

Được chú-ý về cái nghịch, nhưng cũng được chú-ý về một vài cái khác nữa. Trong lớp, tôi là một học-trò khá về Pháp-văn, thích đọc Pháp-văn.

Lên năm thứ ba (1916), bắt đầu mắc cái « bệnh » làm thơ.

— ...

— Một nhà văn, một nhà thơ thường được đào-tạo ra bởi những trường-học bất ngờ... Sinh ra đời, ngay cả những

người được sống những ngày đầu trong bầu không-khí văn-chương, ai dám chắc rằng sau này mình sẽ là một nhà thơ... Do những trường hợp bất ngờ cả.

Năm ấy, thấy hai anh Hoàng ngọc-Phách và Nguyễn-Pho, hai anh giỏi quốc-văn nhất lớp, trong trường thường họa thơ với nhau một cách rất khoái chí, mỗi anh một cuốn sổ tay, chép chép biên biên như hai nhà học-giả.

Chúng tôi học cụ Phên (Dufresne), một giáo-sư có tiếng là « phi-lô-dốp ». Thấy cụ chải cái đầu lật ngược, anh Pho cũng chải cái đầu như thế. Nhất cử nhất động của cụ đều được anh Pho chép đúng cả.

Dưới con mắt nghịch ngợm của tôi lúc bấy giờ, thì xem chừng hai anh tự tưởng là hai bậc hiền-triết có cái chí hơn người, còn chúng tôi, một lũ phàm-phu tục-tử.

Tôi nói không có ý chế riễu hai anh, chỉ muốn nhắc lại một ít ý nghĩ và cảm-tưởng của tôi trong thời-kỳ còn nhỏ ấy.

Vì tính thích trêu trọc, tôi rủ anh Quế, tính cũng quái quắc như tôi, kết bạn xướng họa, mục-dịch là làm vẽ thư hai của đôi câu đối mà về bên kia là các anh Phách — Pho.

Phách với Phọ làm toàn thơ đúng đắn và hay thì Quế với Hiếu chỉ làm rất thơ nhảm nhí và kém. Hạ cái gì vinh cái ấy : vinh cái chuông xe điện, vinh các viên giám-thị, vinh các ông giáo .. Thơ nhảm hết chỗ nói, tôi nhắc lại, chỉ cốt nhạo lại hai anh thi-sĩ kia thôi.

Song cũng là cái số, mình sinh ra để thỉnh thoảng làm thơ, lớn quá hóa thật, sau đâm ra thích làm thơ.

— . . .

— Thật ra, còn có một chuyện khác, chuyện tình. Phải, cái thơ này trong tâm-hồn thì cái tình cũng nảy trong tim. Cậu học sinh trường Bưởi, mới mười bảy tuổi đã yêu một cô gái mười tám tuổi ở phố Hàng Bông. Gọi là *yêu*, không biết có đúng không. Một thứ tình vợ vắn, yêu mà không dám tỏ cho người mình yêu biết, và cũng không biết người mình yêu có yêu mình, hoặc biết mình yêu không.

Thích làm thơ, liền nhờ anh Phọ chỉ bảo cho... Để giả lời sự khần-khoản của mình, anh nhìn bằng con mắt thương hại mà bảo rằng : « Anh cũng làm thơ ư ? Phải có thiên-khieu mới được ! Có phải ai cũng là thi-sĩ được đâu ! »

Bực mình, lại phải nhờ anh Phách... Anh tươi cười, nhưng thành thực : « Phải chữa làm thơ nhảm và tập làm thơ đúng đắn đi ». Rồi anh chỉ bảo cho thế nào là niêm luật, bằng bằng, trắc trắc, v. v... Và từ đó, theo anh Phách làm thơ « đúng đắn » Bài đầu làm đưa anh Phách chữa hộ là bài *Tương-tư*. Tôi còn nhớ :

« Vì ai nên nỗi nhớ cùng thương
 « Một mối tơ tình dạ vấn vương
 « Sáu khắc mơ màng tình bạn ngọc
 « Năm canh nhớ tưởng bóng người vàng
 « Ruột lằm chín khúc vò tơ rối
 « Giấc điệp năm canh diễn khắc trường
 « Muốn nhắn cùng ai, ai nhắn hộ,
 « Mòn đuôi con mắt giải sông Tương »

Sáo quá !

Nhưng hình như cũng tả được một phần nhỏ cái sự tương-tư cô gái hàng Bông.

Đọc bài thơ trên, anh Phách cho là khá : « mơ màng người bạn ngọc », « nhớ tưởng bóng người vàng », đối như thế là chỉnh lắm. Duy có « sáu khắc » với « năm canh » cũ quá. Anh sửa :

« Tựa gối mơ màng hình bạn ngọc,
 « Thấy giăng nhớ tưởng bóng người
 vàng »

Anh lại bảo hai câu ngũ lục không phải của tôi, tôi đã lấy của một quyền thơ... Thì thật thế. Mình đâm ra phục anh Phách, một người vừa giỏi, vừa biết nhiều.

Anh khuyên nên đọc truyện Kiều, trong có nhiều câu hay, nhiều chữ dùng rất tài tình, ý-tứ rất rời rạc, v. v.. Anh bảo gì, tôi nghe nấy.

Sang năm thứ tư (1917), bắt đầu mê thơ Tản-Đà. Hai quyển « *Khởi tình con* » ra đời, không một bài nào tôi bỏ qua.

Thích nhất là thơ Tú-Xương. Những bài thơ do tạp-chí Nam-Phong sao lục, tôi đọc gần thuộc cả.

Có thể gọi Tú-Xương là thầy học của Tú-Mỡ.

— Vì nhớ ơn ông thầy học ấy nên ông mới lấy cái biệt hiệu ngộ nghĩnh là Tú-Mỡ?

Ông giả lời tôi bằng một cái mỉm cười, nhận lấy cái hành-động đầy sự biết ơn đối với ông thầy thơ của giòng sông Vị.

Rồi ông tiếp :

— Tuy vậy, vì giữa thời-kỳ tình-ái còn đang thống-quản tất cả những tình-cảm và hành-động, cái ảnh-hưởng về bên Tản-Đà nặng hơn.

— Ông còn giữ được nhiều thơ soạn vào

thời bấy giờ ?

— Những bài mà tôi tưởng là có giá-trị nhất, phần nhiều là thơ làm về mối tình tôi đã kể trên. Thơ sâu thẳm, ý và lời đều rất sáo :

*« Một mối tơ tình khéo cột ta
« Cột ta chi mãi hỡi giăng già
« Giăng già sao chẳng xe duyên thắm
« Dây thắm hay còn gỡ chửa ra »*
(Trách giăng già)

*« Lòng còn đeo nặng khối tình con ;
« Đối ngọn đèn khuya gợi mối buồn.
« Ngọn bút tình này khôn tả nỗi,
« Biết cùng ai giải lấm lòng son »*

(Sầu tình)

(mỗi câu thơ có một cái tên sách)

Sau này, tôi biên thành một tập, lấy nhan đề là *« Câu cười tiếng khóc »*, cái nhan đề tôi lấy trong câu *« Cuộc nhân thế câu cười tiếng khóc »* của Nguyễn khắc-Hiếu.

Tập thơ này tôi không xuất-bản.

Theo sự yêu cầu của tôi, ông đứng dậy, lấy trong tủ ra cho tôi xem tập thơ đầu tiên của ông. Tôi rất cảm-động khi được cầm trong tay một tập sách cũ kỹ, khổ rộng, bìa

vẽ rất công-phu, nhưng màu mực đã bị thời-gian xóa nhòa gần hết, tôi nhận mãi mới thấy rõ được cái nhan-đề, dưới ký tên Nguyên-Trực Hồ trọng-Hiếu. Bla sau vẽ hai cái mặt người — cũng đã nhòa gần hết — một cái cười, một cái khóc.

— Ông nên giữ tập thơ này cẩn-thận, nó sẽ giúp rất nhiều cho ai sau này muốn nghiên-cứu, không riêng gì về ông mà về cả một thời-đại. Nó có thể là vết tích một trạng-thái tâm-hồn của cái thể-hệ nhà văn 1916-1920.

— Cái thể-hệ nhà văn lãng-mạn mà sau này anh Song-An là người đại-biểu với quyển « Tổ-lâm ».

— Ông có thể cho chúng tôi biết những nguyên-do nó làm cho ông bỏ cái lối thơ sâu thẳm mà thiên về lối thơ hài-hước và trào-phúng ?

— Đỗ bằng Thành-chung năm 1918, ở trường ra, tôi vào làm sở « Phi-năng ». Trong những buổi đầu, tôi vẫn còn làm thơ « khuôn sáo », vẫn những tình và mộng.

Sau hai năm làm việc với những điều ngựa mất chương tai, đã làm nẩy nở ở tôi cái mầm hài-hước sẵn có, nhưng từ trước vẫn bị cái nhu-cảm nó lăm-le đè lụi đi mất.

‘ Bài thơ hài-hước đầu tiên của tôi là

« Bốn cái mong của thầy phán », sau này đăng ở tạp-chí « Việt-nam thanh-niên » :

« Làm nghề thầy ký với thầy thông
 « Sống ở trên đời có bốn mong :
 « Mong tháng chóng qua, tiền chóng lỉnh,
 « Mong giờ mau hết, việc mau xong,
 « Miền-day mong được dăm mười chiếc,
 « Lương bổng mong tăng sáu bảy đồng.
 « Hãy tạm thời nay mong thế thế,
 « Còn bao mong nữa xếp bên lòng ».

Bài thứ hai là bài « Phú thầy phán », do anh Nguyễn Tường-Tam sao lục đăng trong *Nam Phong*. Vì chúng tôi giấu tên nên sau này, nhiều người đã nhầm bài ấy là của Tú-Xương. Tôi không tưởng-tượng được người ta có thể có được những cái làm lớn đến thế. Trong bài của tôi, có nhiều cái mà thời đại của Tú-Xương không có.

Sau tôi cũng làm được những bài khác, phần nhiều đã đăng trong *Việt-Nam thanh-niên* và *Tứ-dân tạp-chí*.

— Cho đến khi ông xuất-hiện với Tự-lực văn-đoan, ông có thể cho chúng tôi biết bước đường của ông từ tạp-chí V. N. T. N. đến báo Phong-Hóa ?

— Năm 1932, anh Nguyễn Tường-Tam cho tôi biết anh có ý định cùng mấy anh em lập một tờ báo trào-phúng. Tôi quen anh Tam từ khi anh với tôi cùng làm ở sở Tài-chính. Khi ấy anh chưa sang Pháp du học, anh đã đề ý đến quốc-văn.

Khi ấy sở Tài-chính còn ở Bờ hồ, trong sở chúng tôi bày ra nhiều trò chơi có ích cho sự tến-thủ về mặt luyện tập quốc-văn. Thí-dụ chúng tôi giao hẹn, hễ ai nói một câu tiếng Nam mà có xen vào một tiếng Pháp như hầu hết các công-chức hồi bấy giờ và bây giờ, thì bị phạt.

Ngoài những giờ làm việc, chúng tôi thường đến sở, đóng cửa cho đủ sự yên tĩnh, anh Tam thì viết văn, tôi thì làm thơ, không thì đọc sách...

Giờ lại với việc xuất-bản tờ *Phong-Hóa*.

Trước hết, chúng tôi chỉ có mấy người, đầu có anh Tam, anh Long (anh anh Tam, tức là Hoàng-Đạo), anh Lân (em anh Tam, tức là Thạch-Lam), và tôi.

— ...

— Mấy tháng sau mới có Khải-Hung và một năm sau, anh Lễ-Lữ.

Anh Tam thuê một cái nhà ở dưới ấp Thái-Hà để mấy anh em làm việc. Tôi đi

làm thì chớ, về là đến đấy bàn bạc về cái « tôn-chỉ » của tờ báo và soạn bài vở dự-bị cho đủ in trong sáu tháng. Anh Tam vừa viết, vừa vẽ... Anh đặt ra mục này mục nọ, giao cho mỗi người. Anh có cái óc làm việc rất khoa-học, anh đã giao cho ai việc gì thì chỉ chuyên làm có việc ấy.

Nhiều lúc, tôi tỏ ý muốn viết những bài thuộc về loại khác, anh khuyên chỉ nên chuyên về một lối. Có lẽ là một điều rất hay cho chúng tôi.

Tôi có thể nói anh Tam là người đã tạo ra Tú-Mỡ vậy.

Mục *Giòng nước ngược* đã có, tôi cứ thế mà đúc thơ... Từ 1932 đến bây giờ, mười năm giờ làm được mấy trăm bài thơ, soạn in thành hai tập. Kề là ít, nhưng ông rõ cho những thơ ấy làm sau những giờ làm việc mệt nhọc trong sở...

Nói đến đây, ông có vẻ nghĩ ngợi... Tôi đã nắm được đầu mỗi ý nghĩ ấy, không muốn chờ ở ông một câu chuyện mà thường ông chỉ nghĩ thầm, tôi hỏi sang chuyện khác :

— Ông có một vài thói quen khi làm thơ? Ông làm thơ có dễ như người ta có cảm tưởng khi đọc thơ ông không ?

— Phải có cho tôi một nơi thật tĩnh, tôi nghĩ ban ngày, viết ban đêm.

Chúng tôi đi làm mà còn viết văn, thường bị người ta dị-nghị. Người ta bảo chúng tôi đã lấy thi-giờ đáng lẽ dùng làm việc sở để viết văn.

Tôi không thể nào làm thơ ở sở được, dù là những giờ nhàn rỗi. Nhà nước có thể tin chắc-chắn rằng Phan Hiếu không dùng thi-giờ của nhà nước để làm thơ !...

Tôi làm thơ, có khi có hứng viết rất dễ dàng, cũng có khi bí thì đến là chật vật. Khi túng vẫn thường hay cắn môi, có khi đến rớm máu.

— ...

— Những bài thơ người ta đọc trơn như câu chuyện có văn, ấy là những bài tôi viết vất vả nhất.

— Ông có chịu nhiều ảnh-hưởng của các nhà văn, nhà thơ trào-phúng Pháp ?

— Thi-sĩ trào-phúng, tôi ưa đọc Boileau, thứ nhất là René Buzelin ; Buzelin chuyên làm thơ châm-biểu cho tờ báo *Le canard enchaîné*. Đọc anh này lý-thú lắm. Tôi nhận có chịu chút ảnh-hưởng, vì vậy, có anh em gọi đùa tôi là « Buzelin An-nam », Buzelin là « Tú Mỡ Tây »...

— *Thơ châm-biểu của ông có thể làm cho nhiều người mất lòng ; về phương-diện này, ông có kỷ-niệm gì hay hay trong cái đời làm thơ và làm báo của ông ?*

— Làm cho nhiều người mất lòng cũng có, cho nhiều người vui lòng cũng có, tôi có thể kể ông nghe hai chuyện, làm thí-dụ :

Tôi được một người bạn đồng-nghiep kể cho nghe một câu « chuyện sống » hay hay ; tôi dùng chuyện ấy làm tài-liệu cho một bài thơ... Tôi làm bài này cũng như những bài khác, có ngờ đâu sau mấy ngày, tôi hái được một kết-quả không ngờ. Người bị châm-biểu — tôi không ngờ người ấy lại là vai chủ-động trong chuyện kia — đến tận sở làm việc của tôi, đòi sinh sự với tôi... Họ định làm to chuyện, chủ-ý đi đến cái cứu-cánh : võ-lực.

Sau cùng, sự « gặp-gỡ » của họ với tôi chỉ đem về cho họ mấy giòong cái-chính có thể gọi là một cái tên châm-biểu nữa bắn cho họ.

Câu chuyện thứ hai là sau khi tôi làm bài « *Hồ Gươm phú* », làm có ý nghịch hội-đồng chấm thi văn-chương của hội Khai-trí Tiến-đức, tôi nhận được một cái thơ của cô Thoại-Ngữ, một nữ-sinh năm thứ tư một

trường Cao-dẳng tiểu-học ở Huế.

Bức thư khen mình bằng một giọng ngổ nghĩnh hay hay.

Đối với nhà văn chúng mình, được người ta khen, bị người ta chê là thường, riêng lần ấy, đọc thư của « người bạn xa không quen biết », mình thấy như được khuyến-khích, có những cảm-giác nhẹ-nhàng và trong-trẻo.

— Ông có tin rằng lối văn hài-hước và trào-phúng sẽ có một tương-lai trong căn-chương ta ? Ý ông đối với những nhà thơ Tú Poanh, Bạch-Diện, Đỗ Phồn thế nào ?

— Có thể tin rằng thơ hài-hước tiến được, nhưng hiện giờ đồ-độ của Tú-Xương còn ít ỏi quá. Các ông Bạch-Diện và Đỗ Phồn có rất nhiều hi-vọng trở nên những nhà thơ trào-phúng. Chỉ tiếc rằng hình như các ông không chuyên riêng về lối thơ ấy, ông Đỗ Phồn ít làm, thỉnh thoảng còn viết tiểu-thuyết, v. v .. ông Bạch-Diện còn viết những bài nghiên-cứu về kỹ-nghệ, dịch tin tức cho báo hàng ngày. Còn Tú Poanh chỉ là nhà thơ khôi-hài, hình như thiếu về sâu sắc và văn chỉ có một lối thôi.

Dù sao — tôi nhắc lại — tôi rất tin ở tương-lai của thể thơ khôi-hài và thơ trào-phúng

trong văn-chương ta.

— Hiện nay, ông có sửa soạn một công việc văn-chương nào;... ông có dự-định làm thơ khác lối thơ ông vẫn làm từ trước đến nay?

— Dự-định, tôi tưởng có nhiều quá. Mà có lẽ chẳng riêng gì tôi mới có nhiều dự-định, nhà văn nhà thơ chúng ta, không lúc nào là không có những cái mộng con con trong đầu : làm cái này, làm cái nọ.

Ngoài thơ trào-phúng, tôi còn muốn đặt thành văn vần những chuyện cổ-tích, vừa của ta vừa của ngoại-quốc. Tôi mới viết xong tập « Công-chúa Bạch-Tuyết và bảy chú lùn » gồm có hơn một nghìn câu.

Truyện là truyện cổ, nhưng mình dàn xếp theo một thể mới, văn viết cho mới, tưởng đọc cũng có lý-thú.

Tôi viết đề thêm vào những bài ngụ-ngôn đã đăng báo, in thành tập « Ngụ-ngôn ». Tôi cũng thích thể thơ này, nhưng chưa biết bao giờ làm thêm và bao giờ mới cho sách ra đời được.

Tôi còn muốn soạn những vở hát chèo. Trước tôi hay đi xem Nguyễn đình-Nghị ở « Cải-lương hí-vi n », thấy anh vừa hát hay vừa soạn vở tài, tôi lấy làm thích lắm. Tiếc rằng vì người mình không biết thưởng-

thức những điệu hát rất hay, rất Á-đông của chèo, theo phong-trào, chạy theo những lối hát mới không nghĩa lý gì cả, thành ra cái tài của anh bị mai một ; nay bình như anh đi lang thang, nay đây mai đó. Nếu anh ở một nước khác, anh có thể trở nên một Molière vậy.

Tôi sẽ soạn những bài hát mới theo điệu Bắc cho trẻ hát...

Tôi biết công việc to lắm. Trời đề sống, còn đúng sáu năm nữa về hưu sẽ tính toán làm dần.

Câu chuyện đã có thể gọi là dài, chúng tôi cáo-từ.

Thi-sĩ tiễn chúng tôi ra tận cổng.

Nhìn qua lại cái biệt-thự, bên tai còn văng vẳng câu cuối cùng vừa nghe, chúng tôi có cảm-tưởng mới được nói chuyện với một thi-sĩ vừa tạm lui vào cái « tháp ngà », sống những ngày ẩn-dật giữa những cảnh thiên-nhiên, ngày ngày ra ngồi cửa sổ nhìn về phía chân gò, chờ một thời tươi đẹp hơn.

Ông Vệ-Thạch ĐÀO DUY-ANH

CÔNG việc « phỏng-vấn » ông Đào duy-Anh, tác-giả những bộ « Hán-Việt từ-điển », « Pháp Việt từ-điển », tôi đã định từ lâu và tuy tôi đã có dịp gặp tiên-sinh nhiều lần ở Hà-nội — khi thì tôi đi thăm tiên-sinh, khi tiên-sinh có thì-giờ lại thăm chúng tôi — nhưng không bao giờ chúng tôi thấy có được nửa giờ để làm công việc ấy. Vào đến nhà, nói được vài câu chuyện thì hình như cái xe đạp đề ngoài cửa thúc giục tiên-sinh đi một nơi khác. Tiên-sinh đi về công việc nhà in, thăm các bạn nhà văn, hoặc thăm một vài nơi cổ-tích ở gần Hà-nội.

Thành ra, tuy có cái tính lười đi, vừa rồi vào dịp tết, chúng tôi cũng phải đi Huế để được gặp tiên-sinh. Chúng tôi vào đến nơi thì tiên-sinh cũng vừa đi khảo-sát ở vùng Nghệ-an mới về.

→ Đã lâu nay, không mấy khi tôi « ăn tết » ở nhà. Ở nhà tết nhất buồn quá nên tôi tự ý « phiêu-lưu », hoặc nhân nghỉ tết, đi xa để thăm những nơi phong-cảnh có tiếng, hoặc đi lòng các miền giàu cổ-tích để tìm những dấu nguồn xưa hay lượm lật sách nát, công việc mà trong những kỳ nghỉ hè, tôi thường làm luôn. Như năm nay, bãi trường, tôi liền đáp xe đi Vinh, và sáng ngày sau đi đến Trường-lưu Lai-thạch là quê Nguyễn huy Tự, tác-giả sách *Hoa-tiên ký*, mượn được gia - phả, hành-trạng, bút-tích và di - thảo của Huy - Tự, tự-trung quí nhất là một bản *Hoa-tiên-ký* nôm, giống như bản gốc, chưa bị Nguyễn-Thiện nhuận sắc.

Bữa sau, tôi cùng với hai người bạn là Ng. th. L. ở Hà-nội và H. D. T. ở Vinh đi thăm kho sách nhà họ Cao ở Phú-diễn, của cụ Cao xuân-Dục, là kho sách xưa to nhất ở Trung-kỳ. Chúng tôi đã được nhà ấy đặc-cách cho chúng soạn cả ra, và đến kỳ nghỉ hè này, chúng tôi sẽ trở lại để xem một lần nữa.

Sau đó, chúng tôi đi thăm quê cụ nghệ Nguyễn xuân-Ôn, lấy được hành-trạng, di-văn và bút-tích.

Ngày mồng một, mồng hai tết, chúng tôi đi tìm gia-phả họ Hồ ở Ngũ-bào, huyện Quỳnh-lưu là quê quán Hồ qui-Ly. Chúng tôi tìm được gia-phả họ chính và mấy chi ở trong vùng...

Ngày tết, mình là người lạ đến thăm, đến đâu cũng cứ hỏi xem gia-phả, thế mà không những không bị người ta mắng đuổi, lại còn được người ta đưa gia-phả cho mình mượn đem về nữa, âu cũng là cái duyên của nhà khảo-sát...

Gốc-tích và sự-nghiệp họ Hồ là một vấn-đề lịch-sử quan-trọng lắm; may ra nhờ ít tài-liệu chúng tôi đã có và những tài-liệu sẽ gắng kiếm thêm, cũng có thể rọi vào được ít nhiều ánh sáng.

—...

— Tôi sinh ngày 26 Mai 1905, tại làng Bi - kiên, huyện Nông-cống (nay là phủ), tỉnh Thanh - hóa, là nơi cha mẹ ngụ - cư, nhưng trong giấy khai-sinh lại khai lầm rằng sinh ở chính quán là làng Khúc-thủy, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-đông.

Lên bảy tuổi (tức 6 tuổi tây), tôi bắt đầu học chữ Hán với một ông đồ ở làng bên cạnh; cha mẹ cho học chữ Hán, mục-đích theo đường khoa cử; được ít lâu ở huyện

mở trường Pháp-Việt, nhưng cha mẹ tôi lại gửi ra Thanh - hóa cho học trong một năm với một ông đồ dạy vừa chữ nho vừa chữ quốc-ngữ, rồi thấy xung quanh trẻ con đều bỏ học chữ nho theo học chữ Pháp, cha mẹ tôi cũng theo phong-trào, cho tôi nghỉ học chữ Hán vào trường Pháp-Việt. Bấy giờ tôi mười một tuổi (tức 10 tuổi Tây).

Trong bốn năm học chữ Pháp, chữ Hán quên dần.

Năm 1919 đậu Sơ-học tốt-nghiệp, lại theo bậc Cao-đẳng tiểu-học, đến năm 1923 thi tốt-nghiệp.

— Trong khi học ở bậc Cao-đẳng tiểu-học, tiên-sinh đã thấy có xu - hướng về quốc-văn chưa?

— Tuy trong bốn năm ấy cũng có học chữ nho và quốc-văn, nhưng tôi chẳng chăm gì cả, chỉ chăm Pháp - văn... Bấy giờ, tôi chỉ là một người học-trò giỏi, nhưng không có biệt-tài, không có đặc-sắc...

Đậu tốt-nghiệp Cao-đẳng tiểu-học, vì nhà nghèo — khi mình đi học đầu là hưởng học bổng, cha mẹ đã phải vay mượn nhiều để cung-cấp cho mình về sách vở và quần

áo — vả lại nhiều em còn phải đi học, nên tôi phải đi làm để giúp đỡ cha mẹ, trả nợ và nuôi các em. Tôi đi làm giáo-học, được bổ đi Đồng-Hới (Quảng-Bình) cùng năm ấy.

Trước khi xin làm giáo-học, tôi xin làm thư-ký ở trường Uyên-Bác ở Huế là trường đào-tạo các quan-lại tân-học, tức là trường Hậu-Bổ cũ, vì sau khi thi đậu, nghĩ mình tuy đứng thứ nhất thứ nhì trong lớp, những sức học của mình còn kém mà gia-đình lại bắt buộc phải đi làm, cho nên muốn xin làm việc ở đó để có thể lợi dụng thì-giờ rảnh mà đọc sách ở tủ sách dồi dào của trường ấy. Nhưng xin không được, phải đi làm giáo-học.

Ở Đồng-Hới ba năm, ngoài thì-giờ dạy học là cắm đầu vào việc tự-học. Một mặt học thêm chữ Pháp theo chương-trình trung-học của một trường hàm-thụ ở Pháp. Một mặt học chữ Hán. Việc học chữ Hán rất khó khăn, thầy học không có, sách học thiếu. Nhờ khi nhỏ có học được ít năm, nay sẵn có một số chữ đã thuộc, bèn đem những bài chữ Hán ở tạp-chí *Nam Phong* cùng những tạp-chí Tàu mượn của một người Hoa-kiều, hễ gặp chỗ khó thì đã có các

ông cựu-học thuộc chính-phủ Nam-triều làm việc ở tỉnh mà mình đã kiếm cách giao-du bằng lối xướng họa văn thơ, chỉ vẽ cho.

Kể bấy giờ mới bắt đầu công việc tự-học và cũng bắt đầu làm thơ quốc-văn. Gọi là làm thơ, nhưng chẳng qua chỉ là chấp chữ thành câu chữ chẳng có thi-từ gì cả.

— *Tiên-sinh có còn giữ được thơ làm vào thời bấy giờ ?*

— Tập thơ ấy, sau tôi xem thấy tâm thường quá sức nên đã xé và tự bện không bao giờ làm thơ nữa.

— *Tuy vậy, đó cũng là cái triện-chứng tiên-sinh đã có xu-hướng về quốc-văn. Về món này, bấy giờ có chủ tâm nghiên-cứu không ? Có nhớ bài thơ hay bài văn nào đăng báo đầu tiên không ?*

— Cũng trong thời bấy giờ, tôi lần mò đọc những bài quốc-văn trong Nam Phong, thấy có thú vị, cho nên trong khi học chữ Hán, tôi cũng học luôn cả quốc-văn nữa. Tôi còn nhớ cái phần tự-vựng ở cuối những tập Nam Phong đầu giúp cho việc học quốc-văn của tôi nhiều lắm. Tôi đóng riêng một quyển vở nhỏ, chép tất cả những chữ trong mục ấy để khi rảnh giờ ra xem

cho tiện. Đồng-Hới là nơi cô-tịch nên ít được bàn-bạc về việc học cùng bạn bè ; trong hai năm đầu chỉ học chứ không viết, đến năm thứ ba, nhân quan Hiệp-tá trí-sĩ Hoàng-Côn ở Đồng-Hới ta thế, quan Công-sứ tỉnh ấy đọc một bài diếu-văn, sau một người con cụ Hiệp có quen tôi nhờ tôi dịch bài diếu-văn ấy ra quốc-văn. Bài văn dịch ấy đăng lên báo *Trung Bắc Tân Văn*, được các nhà thức-giả ở Đồng-Hới khen là dịch được, đó là bài văn — văn dịch, — đăng báo đầu tiên của tôi.

Năm 1925, có những trao-lưu tư-tưởng mới...

Năm 1926, tôi bắt đầu viết báo chữ Pháp, thấy những bài của mình nói về thời-sự trong nước gửi vào báo *Echo Annamite* của ông Nguyễn phan-Long ở Sài-gòn được đăng cả, trong lòng bèn sinh ra hứng-thú làm báo. Nhiệt-huyết bây giờ khiến chỉ chờ có cơ-hội thuận-tiện là bỏ nghề gõ đầu trẻ ra góp sức với đời, — cái đời khổ sở, đau đớn, nhục nhã làm sao ! — chưa chan bao nhiêu hi-vọng.

Kỳ nghỉ hè năm 1926, trái với mấy năm trước, tôi không về quê mà lại vào Tourane thăm một người bạn học, rồi thuê nhà

ở bãi biển Mỹ-Kê trong mấy tháng để học và đọc báo trong cảnh thanh-tĩnh. Ở Tourane bấy giờ, trào-lưu tư-tưởng mới đang bùng bột... Sau khi cụ Huỳnh thúc-Kháng người Quảng-nam, được bầu làm viện trưởng viện Dân-biểu thì trào-lưu mới ấy lại càng bùng bột hơn nữa. Tôi được gặp cụ Huỳnh ở Tourane, giao này cụ đang trù-tính việc lập báo *Tiếng Dân*. Vì hám mộ cụ là người già cả... mà bây giờ còn hăng hái ra gánh vác với thanh-niên một phần việc, tôi liền quyết định xin nghỉ dạy học để ra giúp cụ Huỳnh. Nhưng nghề làm báo tôi chưa biết gì nên phải vào Sài-gòn ở ba tháng để tập việc. Xong lại trở ra Tourane để giúp cụ Huỳnh về việc lập *Huỳnh thúc-Khang công-ty*, và mua nhà in để mở báo *Tiếng Dân*.

Tháng Août 1927 báo *Tiếng Dân* ra số đầu, tòa soạn chỉ có cụ Huỳnh làm chủ-nhiệm kiêm chủ bút, và tôi làm trợ bút. Bấy giờ tôi vừa làm báo, vừa làm sách đề phổ-thông những tư-tưởng và học-thuyết mới của phương Tây là những thứ mà trong năm 1925 cùng khi nghỉ ở Tourane và tập việc ở Sài-gòn, tôi mới thu-thập được. Cả mấy việc ấy, tôi đều làm rất hăng-hái, có khi quên cả ăn ngủ.

— *Tiên-sinh cho biết những sách ấy là những sách nào?*

— Các sách ấy là tập *Quan-Hải Tùng-Thư*, những sách đầu tiên của tôi. Sách xuất-bản không chạy lắm, nhưng hề ai đọc là hoan-ngheh : người đọc phần nhiều là những người có chút nhiệt-tâm về thời-cuộc và vì sách biên-dịch giới-thiệu những học-thuyết mà họ không thể tìm kiếm ở những sách thường thấy.

— ...

— Từ đầu 1928 đến cuối 1929, *Quan-Hải Tùng-Thư* ra được 19 tập sách nhỏ từ 50 đến 120 trang, tựa-trung có 7 quyển của mấy người đồng-chí và 12 quyển của tôi. Quyển đầu là *Trí khôn*, quyển cuối là *Tôn-giáo*.

— *Vì lẽ gì, sau này Quan-Hải Tùng-Thư không ra tiếp nữa?*

— Năm 1930, tôi bỏ không làm báo *Tiếng-Dân* và công việc biên-dịch sách mới cũng không theo được một cách liên tiếp như trước nữa. Tuy vậy, cũng ra thêm được một quyển *Chính-trị nước Pháp* và một quyển *Thế-giới sử*. Và lại, hồi bấy giờ tôi đang soạn *Hán-Việt Từ-Điền*.

— *Tiên-sinh cho biết về quyển Từ-Điền ấy,*

bắt đầu soạn nó vào những trường-hợp nào, những phương-pháp làm việc của tiên-sinh.

— Sơ tâm, tôi không định soạn sách này. Những khi tôi học quốc-văn ở Đông-hới, tôi thường chép riêng những danh-từ chữ Hán để học và tra cứu cho biết rộng nghĩa.

Khi tôi biên-dịch các sách Quan-Hải Tùng-Thư, ở sau mỗi quyển, tôi thường để một mục *từ-khảo* để ghi những danh-từ chữ Hán khó nghĩa có dùng trong sách. Soạn những mục *từ-khảo* ấy cũng tốn công-phu lắm. Tra-cứu được chữ nào, tôi đều có chép riêng ra từng tập.

Những khi đọc sách báo, gặp chữ khó, tôi cũng thường chép riêng ra.

Năm 1930, theo việc buôn bán ; thực ra thì chỉ có vợ tôi buôn bán. Tôi chỉ giúp vợ tôi mà thôi, cho nên có nhiều thì-giờ. Nhân đó, những tập biên chép về từ-ngữ thấy cũng được khá nhiều. Tôi bèn nghĩ rằng nếu kê cứu thêm và đem sắp thành một quyển sách, có thể đem cái kinh-nghiệm của mình mà giúp cho những người tự học như mình bớt được một bước đường khó khăn. Mục-dịch biên-tập *Hán-Việt Từ-Điền* chỉ có thể thôi. Công-dụng của nó có rộng hơn thì cũng là ngẫu-nhiên chứ khi làm sách

ấy thời kẻ thư-sinh 25 tuổi đầu không có xa vọng gì lắm.

— ...

— Thế là bắt đầu làm.. làm đêm làm ngày, làm say sưa. Tuy công việc không có thú vị lắm, nhưng chỉ đã định thì lòng phải gắng. Thực ra thì chỉ gắng buổi đầu, chứ về sau thì « quen », sự gắng thành ra tự-nhiên. Thường thường cứ sáng dậy là làm việc suốt cho đến trưa, rồi ăn cơm xong lại làm suốt cho đến chiều, ăn cơm tối xong rồi mới đọc báo, đọc sách đến 11, 12 giờ. Một ngày phải làm việc đến 15, 16 giờ, mà làm *Hán-Việt Từ-Điển* có đến 12, 13 giờ. Nhưng bấy giờ sức đương dai, tuy không được khỏe lắm.

— ...

— Tôi phải thuê một người thư-ký — gọi là thư-ký cho oai — giao cho người ta sắp đặt lại thành *fiches*, những tập tôi biên chép về từ-ngữ trong mấy năm trước. Tôi lại mượn những tập báo chí, nhất là *Nam-Phong* và *Hữu-Thanh*, giao cho vợ tôi và người thư-ký đọc hết đề trích ra tất cả những danh-từ chữ Hán, rồi chép thành *fiches* theo thứ tự *a b c*. Tôi xem các *fiches* ấy, lựa lọc lại nhiều lần, đem những sách

từ-điển của Tàu như :

Từ-nguyên

Vương vận ngũ đại từ-điển

Quốc-văn thành-ngữ từ-điển

Trung-hoa bách-khoa từ-điển

Học-sinh từ-điển

Hán-Anh từ-điển

Hán-Pháp từ-điển

cùng là :

Từ-điển Génibrel

Từ-điển Paulus Của

để đọc mà đối-chiếu với các *fiches* và biên thêm những chữ thiếu vào.

Xong công việc đối - chiếu ấy là có thể chắc rằng không thiếu mấy chữ nữa, thế mà vẫn cứ thiếu nhiều mới khổ chứ, tôi lại giao cho thư-ký chép ra *fiches* mới, vừa chép vừa sắp đặt lại tạm theo thứ-'ự a b c, rồi tôi lại phải soát lại xem họ có chép sót không. Sót lại thêm vào.

Xong việc ấy, bây giờ phải đem các *fiches* ra mà dịch nghĩa lòng chữ, từng từ-ngữ. Công việc này khó khăn và tỉ mỉ nhất. Ngoài những sách từ-điển kể trên kia dùng để tham-khảo, thỉnh thoảng tôi lại phải nhờ đến các sách *Quảng sự loại*, *Bội Văn vận phủ*, *Cổ sự quynh lâm đề tra*

thêm điền-cổ.

— ...

— Bây giờ, tôi không nhớ là những công việc ấy làm trong bao lâu. Tôi chỉ nhớ là có nhiều khi bận lắm, tôi phải bỏ cả việc đọc sách để học thêm mà dùng vào *Hán-Việt Từ-Điền* đến cả 15, 16 giờ mỗi ngày.

Khi định nghĩa và biên chép tinh tế rồi, tôi lại đưa nhờ cụ Phan Sào-Nam, biệt-hiệu là Hạm-Mạn-tử, và một ông bạn vong niên là Lâm - Mậu, biệt hiệu Giao - Tiều, nhuận-chính cho ; tôi nhờ hai bậc tiền bối ấy giúp cho được nhiều lắm. Nay hai người đều đã quá cố rồi, nhân có dịp này nhắc đến hai tên quý mến ấy, tôi xin thành thực thanh-minh rằng không có hai người ấy thì sách *Hán-Việt Từ-Điền* của tôi không thể thành hình mà thoát thai được.

Tôi tự nhận rằng cứ cách làm việc của tôi đó thì chưa có thể dùng tài-liệu cho đầy đủ được, cho nên cuốn sách ấy còn là giản-lược và không khỏi có nhiều điều thiếu sót. Nếu có cơ-hội tái-bản, tôi sẽ gắng dùng hết cả những tài-liệu còn thiếu và sẽ thêm bớt, sửa chữa cho thành một quyển sách nhất định...

— Trong khi làm, có lúc nào tiên-sinh thấy nản không ?

— Khi làm sách ấy, tôi thấy cái gì cũng khó khăn, nhưng không hề nản. Song làm lúc bức quá. Vì nhà hẹp, bàn làm việc của tôi phải đặt ở cùng một gian với cửa hàng sách « Văn - Hòa » của vợ tôi. Vả chăng nhà hàng không có người làm công, tôi phải ngồi đó đề phòng khi vợ bận việc thì mình trông hàng giùm. Việc tỉ mỉ mà phải làm ở giữa gian hàng có lúc náo-nhiệt, không khỏi có những người khách hay thóc mách đi lại sau lưng để nhìn xem mình làm cái gì. Ở hoàn-cảnh ấy, mình phải tập cách ngưng-thần. Nhờ vậy, có khi người ta la hét ở bên tai mà tôi không để ý . . . Nhưng cũng vì thế mà sinh ra dăng-trí. Có lúc đương tìm định-ngĩa một chữ rất lười thôi mà có người vào mua một ngòi bút một xu cũng phải bỏ việc đó đứng dậy bán giùm cho vợ đi vắng.

Đến nửa năm 1932 thì thành cáo. Những nỗi khó khăn trước, tự sức mình đã thắng được cả, nhưng cái khó khăn hơn là việc in.

Sách này bấy giờ in thì chỉ tốn sáu, bảy nghìn, nhưng vốn in không có lấy một đồng

thời làm sao mà in được ? Song tôi *tin chắc* rằng sách này ra thì được hoan-nghehnh, vì nó là sách cần cho người ham học. Tôi bèn dùng cách bán *dự-ước* (souscription) để thu trước một ít tiền mà đặt cọc cho nhà in. Muốn in cho mau, tôi chia sách ra làm hai quyền, nhờ nhà in Tiếng-Dân ở Huế in quyền thượng, nhà in Lê văn-Tân ở Hà-nội in quyền hạ. Khi giao-thiệp việc in xong thì quả nhiên những người *dự-ước* đầu tiên đã gửi tiền về, nhờ thế mà có được mấy nghìn bạc đặt nhà in.

Quyền sách ấy mà in được, tôi hoàn-toàn nhờ vào sức ủng-hộ của tư nhân, của những người đồng-bào ham học, nhất là những người làm việc ít lương sẵn lòng tin nhiệm tôi mà đặt tiền trước cho. Hạng người ấy, khi nào tôi cũng coi là hạn thân của tôi ; mà sau này, đến khi ra sách *Pháp-Việt Từ-Điền*, tôi lại cũng nhờ họ nhiều lắm.

Khi sách ra rồi thì bán có hơi chậm, không có tiền trả nhà in, tôi đành phải đi « bán dạo » một vòng trong khắp Nam Bắc, nhờ thế mà khỏi nợ nhà in. Từ khi bắt đầu in *Hán-Việt Từ-Điền*, tôi đã biết rằng sách ấy cần dùng thì không sợ không bán được. Bởi vậy, dầu phải bán dạo, tôi cũng không hề

nản chí.

— *Hiện nay đang có trào-lưu quay về cổ-điển, việc tái-bản quyển Từ-Điển của tiên-sinh là một việc thiết-yếu...*

— Chúng tôi cũng biết vậy, nhưng hiện nay, sau khi soạn bộ *Pháp-Việt Từ-Điển*, nghĩ đến những lúc cặm cụi làm lại bộ ấy cho đầy đủ, tôi chán lắm.

— *Tiên-sinh cho biết về việc soạn bộ « Pháp-Việt Từ-Điển »*.

— Bộ này, tôi cho là cũng cần thiết cho thanh-niên tở, thứ nhất là về việc giúp cho những người xưa nay chỉ học Pháp-văn, muốn học quốc-văn. Vì sao tôi làm sách ấy, tôi đã nói ra trong bài tựa rồi.

— *Phương-pháp làm việc của tiên-sinh như thế nào ?*

— Sách này tôi làm dễ hơn sách *Hán-Việt Từ-Điển*, vì soạn quyển trước, mình phải tìm lấy từ-ngữ cho đủ, rồi lại phải sắp thành thứ-tự theo chữ quốc-ngữ và theo chữ Hán, còn *Pháp-Việt Từ-Điển* chỉ cần lấy mấy quyển từ-điển của Pháp làm căn-cứ, rồi đem dịch thôi.

— ...

— Tôi lấy sách *Larousse Universel* và *Larousse du XX^e siècle* làm gốc. Về việc phiên

dịch, có tham-khảo nhiều sách và nhiều từ-điển chuyên-môn, nhất là các sách học về động-vật-học và thực-vật-học xuất - bản ở Đông-Dương, các từ-điển cũng nhiều : *Pháp-Việt Từ-Điển* của Trương Vĩnh-Ký, của Val-lot, của Mausseron, *Pháp-Hoa Từ-Điển* của ông Tiêu Tử Cầm, *Anh-Hoa Đại Từ-Điển* của ông Hoàng sĩ-Phục, *Phật-Hoa Đại Từ-Điển* của các ông Quang-Lai, Triết-Sĩ...

— . . .

— Tôi bắt đầu biên-tập sách này vào nửa sau năm 1932, nhưng ý định đã có từ lâu và đã dự-bi từ năm 1928, tức là khi đang làm *Quan Hải Tùng-Thư*. Trong lúc phiên-dịch những sách về tư-tưởng và học-thuyết phương Tây, tôi đã nhiều lần nhớ đến quyển sách *Pháp-Hoa Từ-Điển* của liêu Tử-Cầm (Thương-vụ ấn thư quán, — Thượng-Hải) để dịch chữ Pháp ra quốc-văn. Bấy giờ có một người bạn vong niên là Nguyễn đan-Quế — hiện nay ông là một người ăn sĩ ở Thanh-hóa, tự cây ruộng lấy mà ăn — cùng làm việc tòa soạn báo Tiếng Dân, tôi bàn với ông ấy cùng nhau dự vào -bộ *Pháp-Hoa Từ-Điển* ấy mà làm một bộ từ-điển Pháp-Việt nhỏ. Chúng tôi đã bắt đầu làm được một ít, nhưng sau ông Nguyễn đan-

Quế trở về Thanh mà tôi thì bận nhiều việc, không thể làm được. Song thỉnh thoảng, khi rảnh, tôi cũng đem ra làm tiếp...

Đến năm 1930 thì bắt đầu làm *Pháp-Việt Từ-Điền*. Trong mấy năm 1930-31-32, tuy không chuyên, nhưng thỉnh thoảng tôi cũng đem ra làm mấy trang, coi như một việc giải trí. Mãi đến cuối năm 1932, công việc mới quyết định và làm chuyên. Bây giờ, tôi làm rộng hơn trước nhiều. Tính ra công việc làm tám năm, nhưng ba năm rưỡi đầu làm lơ lạo, đến bốn năm rưỡi sau mới làm chuyên-cần được.

Việc làm từ-điền này ít vất vả hơn từ-điền trước, một là hàng sách đã thuê được rộng, có chỗ để bàn làm việc kín đáo và nhờ được một đứa em trông hàng, tôi không phải bận tâm đến việc buôn bán; hai là vì có dạy học nên đầu óc không đến nỗi túi bụi vào đấy.

Giữa năm 1936 thì thành cáo, cũng nhờ cách bán dự-ước và nhờ những người đồng-hào ham học ủng-hộ nên mới in được. In từ năm 1936, đến cuối năm 1939, đầu năm 1940 mới xong..

Làm sách này, chỉ một việc biên-dịch

nhưng gặp những chữ khó, lắm khi tìm kiếm và suy nghĩ cũng vất vả lắm. Cũng có dùng *fiches*, nhất là để ghi những từ-ngữ về chuyên-môn, để tra cứu cho rộng mà đích, nhưng ít *fiches* hơn quyền trước. Khó nhất là những từ-ngữ về chuyên-môn và khoa-học, những tên chim muông, cá, sâu bọ, cây cỏ v. v. . . Tôi chỉ xem nó là một cuộc thí-nghiệm, không biết rồi tôi có chí, có gan ngồi mà sửa lại cho nó đầy đủ nữa không. Xin thú thực rằng những lúc cặm cụi vào bộ sách ấy, tôi chán lắm. Không phải tôi đâm ra nhác đầu, làm những việc khác, tôi vẫn có thể cặm cụi như thế được, nhưng việc làm từ-diễn khiến tôi phải sợ.

— *Tiền-sinh có soạn sách « Việt-Nam Văn-Hóa Sử-Cương » ?*

— Tôi làm quyền này là nhân có dạy quốc-văn ở trường tư *Thuận-Hóa*. Sau khi trong chương-trình Cao-đẳng tiểu-học có thêm môn Việt-Nam văn-hóa, tôi tự hỏi không biết sẽ dạy thế nào ? Tôi nghĩ luôn đến cả những nỗi khó khăn của các bạn đồng-nghiệp. Tôi bèn đi tìm kiếm tài-liệu để dạy và nhân-thể tổ-chức các tài-liệu ấy lại thành một quyền sách có thể giúp cho

các thầy dạy quốc-văn như mình đỡ công tìm kiếm. Vì ngày thường đọc sách, tôi hay ghi chép ; những sách về văn-hóa và lịch-sử nước nhà, tôi cũng hay tìm tòi, cho nên đến khi tìm tài-liệu thì có dễ dàng. Nhưng tôi cũng không thỏa-mãn về sách ấy lắm, chỉ coi nó là một mớ tài-liệu để cho những người muốn soạn bài « Việt-Nam văn-hóa » dùng mà dạy học-trò.

Trước kia, tôi định sau này sẽ viết lại sách ấy nữa, vì thấy rằng quyển sách *Việt-Nam văn-hóa sử*, muốn được đầy đủ thì phải tổng-hợp những kết-quả của các cuộc nghiên-cứu, phân tích về văn-hóa, mà việc nghiên-cứu, phân tích chưa có thì chưa nên vội làm sách tổng-hợp. Quyển sách của tôi đó, tự tôi cho chỉ là ghi cho tôi đại-khái những vấn đề cần phải chia ra mà nghiên-cứu kỹ càng. Tôi sẽ tùy tiện lựa chọn những vấn đề có thú vị trong ấy mà nghiên-cứu.

— Và tập « *Khổng-Giáo Phê-Bình Tiều-Luận* » ?

— Như trong bài tựa, tôi đã nói, nó chỉ là một bài diễn-thuyết chưa đọc. Nguyên một người bạn chủ-trương một hội học mời tôi làm một bài diễn-thuyết ở hội ấy về Khổng-giáo, tôi nhận lời và viết xong

cảo rồi, nhưng sau tôi nghĩ đem bài ấy ra đọc có đều không tiện. Số là kiến-giải của tôi đối với Khổng-giáo có nhiều điều không hợp với thuyết chính-thống, cần phải biện-minh kỹ càng thì người nghe mới khỏi cho là quái lạ. Muốn biện-minh kỹ càng, không thể bằng nghị-luận không mà cần phải dẫn sách nữa. Đứng trên diễn-đài mà cứ chùng-dẫn điển-tích không ngót thì làm sao khiến người nghe không chán được? Bởi vậy, tôi mới lấy cảo bài diễn-văn ấy viết thêm ra thành sách đem in.

Tôi định khi nào tư-tưởng của tôi thật chín — khi đã đọc được nhiều sách về Khổng-giáo nữa — tôi sẽ viết kỹ sách này, lấy Khổng-giáo làm trung tâm, nhân đó nghiên-cứu đến cả cái trào-lưu tư-tưởng trọng yếu của Trung-quốc. Nhưng đó chỉ là dự định, không biết có thi-giờ mà làm việc ấy hay không, vì hiện nay tôi đang bận nghiên-cứu về sử-học.

— *Tiên - sinh sắp cho xuất - bản sách « Trung-Hoa Sử-cương » ?*

— Sách này là một quyển sách biên-dịch, nó chỉ có tính cách phổ-thông đề bổ khuyết một chỗ thiếu trong học-giới ta. Làm sách ấy, không phải dụng công nhiều lắm.

— Ngoài ra, tiên-sinh còn dự-định soạn những sách nào ?

— Kề dự-định thì nhiều, nhưng còn phải tùy lực. Tôi đã soạn xong tập *Khảo-luận về Kim-Vân-Kiều*, tức là những bài giảng về quốc-văn của tôi góp lại, rồi sắp đặt thành đoạn lạc. Nó chỉ viết riêng cho một hạng độc-giả là học-sinh. Tôi vốn không phải là nhà phê-bình văn-học nên muốn cho sách ấy có tính-chất khảo-cứu hơn là phê-bình.

— *Hình như tiên-sinh có dự-bị soạn quyển « Văn Pháp Việt-Nam » và một quyển nói về nhà ái-quốc Nguyễn trường-Tộ ?*

— Tôi có viết ít bài về văn-pháp đăng trong tạp-chí *Tri-Tân*, nhưng chỉ là những bài dòng dạy học-trò. Tôi in ra để khêu gọi độc-giả bàn về văn-pháp. Nhưng thấy chẳng ai bàn nên tôi bỏ không đăng tiếp nữa. Còn soạn hẳn thành một tập sách thì tôi chưa có ý định, vì tôi cho rằng về văn-pháp, chúng ta hiện nay cần phải nghiên-cứu những vấn-đề đặc-biệt cho nhiều, rồi sau này, và chắc còn lâu, mới có thể tổng-hợp các vấn đề đặc biệt lại mà làm văn-pháp được.

— ...

— Những quyển văn-pháp đã ra, tôi đều

bất-mãn-ý cả.

Còn tôi cũng có định soạn một quyển về Nguyễn Trường-Tộ, thu thập tài-liệu đã lâu và đã được nhiều...

— *Tiên-sinh đang nghiên-cứu về sử, chắc đề soạn một bộ Nam-sử ?... Ý tiên-sinh về những quyển Nam-sử đã có thế nào, và tiên-sinh cho biết ý kiến tiên-sinh đối với trào-lưu sử'-học ngày nay.*

— Tôi vốn khi nhỏ thất học, chỉ nhờ công tự học mà biết ít nhiều. Nhưng vì tự học cho nên sự học thiếu căn-bản. Bởi thế cho nên những sách tôi làm bấy lâu nay không có giá-trị gì. Nó chỉ là *chứng cứ của một nền học-vấn non nớt và hồ-lớn*. Nhiều khi tôi soát lại những việc đã làm thì tôi tự thẹn, nhất là thẹn rằng cái sự-nghiệp văn-học non nớt và hồ lớn ấy đã tạo cho mình một cái hư danh mà tôi cho là rất nặng-nề. Như hai bộ từ-diễn, người ta cho là những sách có ích, có giá-trị nhất của tôi thì tôi lại cho nó là tầm thường lắm; mỗi khi tôi nghe người ta nhắc đến thì tôi lại ngượng.

Tuổi mỗi ngày một lớn, tôi nghĩ nếu cứ đề tinh-thần tản mát ở nhiều phương-diện mãi thì rốt cuộc, chẳng môn gì mình học

kỹ được. Khi trẻ thì cần học đủ mọi môn để rộng thu trí-thức, nhưng thế nào rồi cũng phải chuyên chú vào một môn gì. Mấy lâu nay, tôi chỉ mới học cốt cho được nhiều, ngày nay nghĩ lại mới lo đến chuyên-môn. Tôi đã xét kỹ các môn đã học, thì duy có môn sử-học, sử-học chính và sử-học văn-chương. Tôi muốn viết một bộ *Việt-Nam Sử-Cương*, nhưng có lẽ dăm mười năm nữa mới xong. Quyền sử ấy, tôi chỉ định viết đại cương cuộc tiến-hóa của dân-tộc ta trong các thời kỳ, nhưng muốn viết đại cương cuộc tiến hóa ấy, cần phải giải quyết nhiều vấn đề sử học còn lờ mờ, cho nên tôi còn cần đọc sách và học nhiều lắm mới viết được.

Gặp những vấn-đề chưa giải quyết được thì tôi cũng đặt vấn-đề, tức là trình bày những vật-liệu để giúp cho sự nghiên-cứu về vấn-đề ấy.

Về sử-học, ngoài sự đọc sách, tôi còn đi tìm di-tích xưa, vì có nhiều vấn-đề phải nhờ khảo-sát cổ-tích mới biết được chứ các tài-liệu hiện có chưa đủ. Mới rồi đi Nghệ-an là tôi cốt khảo-sát về truyện *Hoa-Tiến* (lịch-sử văn-chương) và gốc tích Hồ quý-Ly.

Còn một điều cần-thiết là dịch những tài-liệu trọng-yếu bằng chữ Hán, nhất là những

tài-liệu viết bằng tay. Hiện tôi đang đính-chính, phiên-dịch và chú-thích hai bộ sách chữ Hán, tài-liệu căn-bản của lịch-sử về miền Trung-Kỳ, là bộ *Ô-Châu Cận-Lục* và *Phủ-Biên Tạp-Lục*. Dịch và chú-thích xong, tôi sẽ kiếm cách in để làm sử-liệu cho các nhà muốn nghiên-cứu lịch-sử.

— . . .

— Về sử-học, ngày nay ta đã thấy có nhiều người nghiên-cứu, đó là một điều đáng mừng. Nhưng tôi xét phần nhiều các nhà sử-học ta dùng tài-liệu không được thận-trọng.

Một là không chịu tìm tài-liệu gốc, chỉ dùng những tài-liệu ngọn, những tài-liệu đó người khác đã chế hóa đi mất rồi.

Hai là không chịu phê-bình tài-liệu mình dùng, hễ sách hay người nói trước thế nào liền cho thế là đúng chắc.

Ba là hay tin những lời truyền-thuyết, những lời do miệng người kể lại, mà nêu lên cái tiếng to-tát là « sử-liệu sống ».

Bốn là hay có thiên-kiến... nhưng nói thế nào cho hết...

Dẫu sao, như tôi đã nói, ta cũng đáng mừng rằng học-giới ta ngày nay đã chú-ý về sử-học.

. . .

Chúng tôi đi thăm, kể đến Đào tiên-sinh, là được tám nhà văn. Đi đến đâu, chúng tôi hỏi nào ngày sinh tháng đẻ, quê quán... những điều không nên hỏi. Đã nhiều lần, những câu chuyện của chúng tôi làm cho nhà văn phải ngần ngại... Chắc các ông đã cho chúng tôi là tởm.

Còn bạn đọc, có người sẽ cho công việc của chúng tôi làm quá sớm và những lời nói về mình của nhà văn, vì tính-cách của nó, không được nhũn nhặn lắm...

Trách như vậy, chúng tôi biết vậy.

Nhưng nghĩ. . .

Hãy nói riêng về câu chuyện của Đào tiên-sinh. Cái đời của tiên-sinh với bao nhiêu ngày, tháng, năm cần-cù học, học rồi để soạn những bộ sách như bộ *Hán-Việt Từ-Điền*, *Pháp-Việt Từ-Điền*, *Khổng-Giáo Phê-Bình Tiểu-Luận*, *Trung-Hoa Sử'-Cương*, giúp ích bao nhiêu cho sự tiến-bộ của quốc-văn và sự học của đồng-bào. Thế mà đến khi có những bộ sách ấy rồi, còn cho cái sự-nghiệp của mình « *chỉ là chứng-cứ của một nền học-vấn còn non nớt và hồ-lớn...* » Và nay, khi đã có 37 tuổi trên vai, tiên-sinh còn bắt đầu học, học chuyên-môn, hi-vọng sau này xây dựng được một sự-nghiệp vững chắc hơn.

Cái đời học của tiên-sinh chẳng đáng làm gương mẫu và câu chuyện của tiên-sinh chẳng là một mối suy nghĩ cho phần đông thanh-niên ta hay sao ?

Nếu quả có, chúng tôi tưởng những lời trách trên không được hoàn-toàn chính-đáng.

HẾT

SÁCH NÀY IN TẠI
NHÀ IN THUY - KÝ
ĐO NHÀ ĐỜI - MỚI
— 62, HÀNG CỐT
HANOI — XUẤT-BẢN

TƯ SÁCH « ĐỜI MỚI »

GIÁO-DỤC và KHẢO-CỨU

Thái-Phi	
Một nền giáo-dục	
Việt-Nam mới	1.20
Muốn học giỏi	1.00
Dũng-Kim	
Phụ-nữ với gia-đình	2.00
Viên-Đình	
Phụ-nữ với hôn-nhân	1.50
Đào-văn-Khang	
Thanh-niên khỏe	1.00
Ngô quang Châu	
Luận về tiếng Nam	0.70
Lan-Khai	
Cái đẹp với	
nghệ-thuật	1.00
Kiểu Thanh Quế	
Cuộc tiến hóa văn-học	
Việt-Nam	2.20
Vũ-trọng Can	
Người Chiến-Quốc	2.50
Sở-Bảo	
Hà-Nội cũ	1.20
Danh-nhân Việt-Nam	
(đang in)	
Lê-Thanh	
Cuộc phỏng-vấn	
các nhà văn	2.80
Thiếu Sơn	
Đời sống tinh-thần	
(đang in)	

TIỂU-THUYẾT

Nguyễn-Công-Hoan	
Thanh-đạm	4.50
Nghịch cảnh	(đang in)
Tấm lòng vàng	--
Lê-văn-Trương	
Đầu bạc đầu xanh	1.00
Kể đến sau I, II	3.00
Người mẹ tội lỗi I, II	3.20
Giọt nước mắt đầu tiên	1.00
Người đàn-bà...	0.90
Lỡ một kiếp người	1.50
Thằng con trai	2.00
Ba ngày luân-lạc	3.00
Phút giao-cảm	2.00
Những mái nhà ấm	2.80
Dây oan	2.50
Con đường dốc (đang in)	
Những người đã sống	--
Phan trần Chúc	
Giọt máu sau cùng	1.20
Thái-vi-Lang	
Sóng gió Đồng-Châu	2.00
Bùi-xuân-Như	
Biệt-thư Triều-Hưng	1.00
Phạm-ngọc-Khôi	
Lỗi thời	0.80
Phạm-cao-Củng	
Bọn người vô vọng	1.80

Thư-từ và ngân-phiếu gửi cho :

Nhà xuất-bản ĐỜI MỚI -- 62, Hàng Cót, HANOI